



ASTRID
LINDGREN

MIO, CON TRAI TA



NHÀ XUẤT BẢN HỘI NHÀ VĂN

Mio, con trai ta

Tác giả: Astrid Lindgren. - Dịch giả: Phạm Văn.

Nhà xuất bản: Nxb Trẻ

Năm xuất bản: 2008

Hình minh họa: Ilon Wikland

Thực hiện ebook: thebluesky88

www.e-thuvien.com



Astrid Lindgren sinh ngày 14 tháng Mười một năm 1907 tại Vimmerby, một thị trấn nhỏ ở Đông Nam Thụy Điển. Năm 1926, bà chuyển đến Stock-holm và từng sống ở khu Phố Bắc (tiếng Thụy Điển là Upplandsgatan) bên cạnh Công viên Tegnér-lunden, nơi bắt đầu cuộc phiêu lưu của cậu bé Andy trong truyện Mio, con trai ta (nguyên tác tiếng Thụy Điển: Mio, min Mio). Bà kể: "Một hôm đi ngang công viên thấy một cậu bé ngồi trên ghế đá, tôi nghĩ 'ừ, có lẽ nó sống trong căn nhà đằng kia!' " Từ đó bà viết một truyện ngắn về Andy và một ông thần. Vài năm sau bà đưa Andy phiêu lưu đến Xứ Sở Xa Xăm.

Tác phẩm của bà nổi bật với những nhân vật thiếu nhi có cá tính độc lập, năng động, trái ngược với cách xử thế thông thường, chẳng hạn như cô bé Pippi Tất Dài khỏe vô địch trong ngôi nhà rất bừa bãi, Emil đầu têu nghịch ngợm, bọn trẻ con trong ngôi làng âm ỉ, Ronia con gái ông ăn trộm... luôn luôn khơi gợi tính hiếu kỳ và tự do vốn có trong mỗi trẻ nhỏ.

Bà mất ngày 28 tháng Giêng năm 2002, tại Stockholm. Ngày nay, chính phủ Thụy Điển dựng tượng của bà trong Công viên Tegnér-lunden,

và hàng năm trao giải thưởng mang tên bà. Đây được xem là giải thưởng lớn nhất trên thế giới dành cho tác phẩm viết cho thiếu nhi.

Mio, con trai ta dịch từ bản tiếng Anh, Mio, My Son, của Jill Morgan, minh họa của Ilon Wikland, nhà xuất bản Purple House Press, Texas, ấn hành năm 2003.

MỤC LỤC

[Cậu ấy đi ngày đêm](#)

[Trong Vườn Hoa Hồng](#)

[Miramis](#)

[Những ngôi sao có thích nghe mình thối sáo không nhỉ?](#)

[Giếng Thì Thầm Ban Đêm](#)

[Cậu ấy cười ngựa qua Rừng Sáng Trăng](#)

[Đàn Chim Bị Bùa Mê](#)

[Trong Rừng Chết](#)

[Hang Sâu Nhất trong Ngọn Núi Đen Nhất](#)

[Bộ Vuốt Sắt](#)

[Ta chưa từng thấy thanh gươm nào đáng sợ hơn trong lâu đài của ta](#)

[Mio, Con trai ta](#)

Cậu ấy đi ngày đi đêm



BẠN CÓ NGHE chương trình phát thanh hôm 15 tháng Mười năm ngoái không? Bạn có nghe bản tin về một bé trai mất tích không? Bản tin đó thế này:

"Cảnh sát Stockholm đang tìm kiếm một bé trai chín tuổi ở số nhà 13 Phố Bắc mất tích hồi sáu giờ chiều hai ngày trước. Karl Anders Nilsson tóc sáng, mắt xanh, khi mất tích cậu bé mặc quần soóc, áo len xám dài tay, đội mũ đỏ. Ai biết cậu bé ở đâu xin liên lạc với cảnh sát."

Đấy, bản tin nói thế. Nhưng chẳng ai có tin tức gì về Karl Anders Nilsson cả. Cậu ta biến mất, vậy thôi. sẽ không có ai biết được chuyện gì đã xảy ra với cậu ta. Không ai biết cả, ngoại trừ tôi. Bởi vì tôi chính là Karl Anders Nilsson.

Tôi ước ao giá gì gặp được Ben để kể cho nó nghe hết mọi chuyện. Tôi vẫn thường chơi đùa với Ben mà. Nó cũng sống trên Phố Bắc. Tên nó là Benjamin, nhưng mọi người đều gọi nó là Ben. Và dĩ nhiên cũng chẳng ai gọi tôi là Karl Anders hết, họ chỉ gọi là Andy thôi.

Ý tôi là ngày trước mọi người vẫn hay gọi tôi là Andy. Bây giờ, khi tôi đã mất tích rồi thì họ chẳng gọi tôi là gì nữa cả. Mỗi cô Hulda với chú Olaf gọi tôi là Karl Anders thôi. Mà nói đúng ra, chú Olaf cũng không thực sự gọi tôi là cái gì bao giờ. Chú ấy có khi nào trò chuyện với tôi đâu.

Tôi là con nuôi của cô Hulda và chú Olaf. Tôi đến sống với cô chú ấy từ hồi lên một. Trước đấy tôi ở trong Trại Trẻ. Cô Hulda tìm được tôi ở đó. Thật ra cô ấy muốn có một đứa con gái cơ, nhưng cô không kiếm

được đưa nào. Cho nên cô mới nhận nuôi tôi, mặc dù cả chú Olaf lẫn cô Hulda đều không chịu nổi bọn con trai.

Nhất là khi chúng lên tám hay chín tuổi. cô chú ấy bảo rằng tôi làm náo loạn nhà cửa, tôi tha quá nhiều bùn đất vào nhà sau khi chạy chơi ngoài Công viên Tegnérslunden về, tôi quăng áo quần lung tung mọi nơi, và cười nói quá là rầm rĩ. Cô Hulda hay nói cái ngày tôi bước chân vào nhà họ đúng là một ngày xui xẻo. Chú Olaf không nói gì... Thật ra, thỉnh thoảng chú ấy cũng nói, "Này nhóc, đi chỗ khác! Nhìn mặt mày tao chịu không nổi."

Phần lớn thời gian tôi sống ở nhà Ben. Cha nó trò chuyện với nó luôn mồm và giúp nó làm các mô hình máy bay, lại còn đánh dấu lên cửa bếp xem Ben cao lên được bao nhiêu, và nhiều việc đại loại như thế. Ben được phép cười nói và quăng áo quần bừa bãi khắp mọi nơi tùy thích. Thế mà bố nó vẫn yêu nó. Tất cả bọn con trai tha hồ đến chơi nhà Ben. Chẳng ai được phép đến nhà tôi chơi, vì cô Hulda bảo cô không muốn lũ trẻ con chạy rối lên khắp chỗ. Chú Olaf cũng đồng tình. Chú ấy bảo, "Một thằng nhóc chuyên gây rắc rối là đủ lắm rồi."

Thỉnh thoảng, vào buổi tối, khi lên giường đi ngủ, tôi hay ao ước giá như cha Ben cũng là cha tôi. Và tôi thường băn khoăn tự hỏi cha đẻ của tôi là ai nhỉ, tại sao tôi không được sống với ông, thay vì phải sống ở Trại Trẻ, hay là sống cùng với cô Hulda và chú Olaf. Cô Hulda bảo với tôi là mẹ tôi đã chết khi tôi ra đời. "Chẳng ai biết cha mày là ai cả," cô nói, "nhưng đoán cũng dễ thôi, cha mày là một kẻ vô tích sự." Tôi căm ghét cô Hulda vì những điều cô nói về cha tôi. Có thể mẹ tôi đã qua đời khi sinh ra tôi là đúng, nhưng tôi biết cha tôi không phải là một kẻ vô tích sự. Và có không ít lần tôi nằm trong chăn rấm rứt khóc vụng vì ông.

Có một người đối xử với tôi rất tử tế là bà Lundy ở cửa hàng hoa quả. Thỉnh thoảng bà hay đãi tôi hoa quả và kẹo bánh.

Giờ đây, sau toàn bộ những gì đã xảy ra, tôi vẫn thường ngẫm nghĩ không hiểu thực ra bà Lundy là ai. Bởi vì tất cả mọi sự đều khởi đầu từ bà vào cái ngày tháng Mười năm ngoái ấy.

Ngày hôm đó cô Hulda cứ nói đi nói lại đến mấy lần là không hiểu cơn gió độc nào đã đưa tôi tới nhà cô ấy. Đến chiều tối, ngay trước lúc đồng hồ điểm sáu giờ, cô sai tôi chạy xuống cửa hàng bánh mì nằm trên

Phố Queens mua lấy vài ổ bánh nho nhỏ mà cô ưa thích. Tôi chụp cái mũ đỏ lên đầu rồi chạy đi.

Khi tôi đi ngang qua cửa hàng trái cây, bà Lundy đang đứng trên ngưỡng cửa. Bà đưa tay nâng cằm tôi lên và nhìn tôi đắm đắm hơi lâu. Rồi bà hỏi, "Cháu có muốn ăn táo không?"

"Có ạ, cảm ơn bà," tôi nói.

Bà đưa cho tôi một quả táo chín đỏ, trông cực ngon. Rồi bà nói, "Cháu mang tấm thiệp bỏ vào thùng thư giúp bà được chứ?"

"Dĩ nhiên ạ, được giúp bà cháu vui lắm," tôi đáp. Thế là bà viết lên tấm thiệp vài dòng rồi trao nó cho tôi.

"Tạm biệt cháu, Karl Anders Nilsson," bà Lundy nói. "Tạm biệt, tạm biệt nhé, Karl Anders Nilsson."

Nghe thật lạ lùng. Trước đây bà ấy chưa từng gọi tôi bằng cái tên nào khác ngoài Andy.



Tôi vội vàng chạy đến chỗ thùng thư đặt cách đây một dãy phố. Đang lúc chuẩn bị thả tấm thiệp xuống, tôi chợt thấy nó sáng rực cả lên và lấp lánh như ánh lửa. Đúng thế, những con chữ mà bà Lundy đã viết lóe lên rực rỡ không khác nào ngọn lửa! Tôi không thể nén nổi cơn tò mò nên đã đọc chúng. Và đây là những gì được viết trên tấm thiệp:

Kính gửi Đức Vua ở Xứ sở Xa Xăm

**Kẻ mà Người tìm kiếm bấy lâu hiện đang trên đường đi đến.
Cậu ấy đi ngày đi đêm, và cậu ấy mang trên tay dấu hiệu thần kỳ -
một quả táo bằng vàng tuyệt đẹp.**

Tôi chẳng hiểu lấy một chữ nào trong đó. Nhưng nó làm tôi ớn lạnh cả sống lưng. Tôi vội vàng ném tấm thiệp vào thùng thư.

Ai đang đi ngày đi đêm? Ai đang cầm một quả táo vàng trong tay vậy nhỉ?

Đến đây tôi chợt thoáng nhìn xuống quả táo bà Lundy đã cho tôi. Nó bằng vàng! Trên tay tôi là một quả táo vàng đẹp đẽ.

Sau đó tôi suýt nữa bật khóc. Chưa phải khóc thật đâu, mà là suýt nữa thì khóc thôi. Tôi thấy cô đơn quá. Tôi đến ngồi trên một băng ghế trong Công viên Tegnérslunden. Chẳng còn ai ở đây nữa. Có lẽ tất cả mọi người đã trở về nhà để dùng bữa tối. Trời đã gần tối giữa các hàng cây và mưa lất phất rơi xuống. Những ngôi nhà ở khắp xung quanh công viên đều đã lên đèn. Trong cửa sổ nhà Ben đèn cũng đã bật sáng. Như thế có nghĩa là nó đang ngồi trong nhà, ăn súp đậu và bánh kẹp với cha mẹ nó. Đối với tôi, dường như sau mỗi ô cửa sổ sáng đèn đều có những đứa trẻ con đã trở về nhà cùng với cha mẹ chúng. Chỉ có tôi ngồi ngoài này, trong bóng tối. Một mình. Một mình với quả táo bằng vàng trên tay mà không biết phải làm gì với nó.

Tôi cẩn thận đặt nó xuống ghế đá bên cạnh mình, trong lúc nghĩ ngợi. Có một ngọn đèn đường gần đó, ánh sáng tỏa lên tôi và quả táo. Ánh sáng cũng tỏa lên một vật gì khác đang nằm trên mặt đất. Đó là một cái chai bình thường, dĩ nhiên là rỗng không. Ai đó đã nhồi một mẩu gỗ vào cái cổ chai, có lẽ là bọn trẻ chơi ở Công viên Tegnérslunden lúc chiều. Tôi nhặt cái chai lên và đọc nhãn dán trên đó, "Nhà máy bia Stockholm AB, Bia nhạt". Đang đọc, tự dưng tôi thấy có cái gì đó động đậy ở trong chai.

Một lần tôi mượn được cuốn sách tên là Nghìn lẻ một đêm ở thư viện của khu phố, trong đấy viết về một ông thần bị nhốt trong cái đèn. Nhưng tất nhiên chuyện đó ở tận xứ Ả-rập xa tít mù tắp cách đây đã hàng nghìn năm, và tôi chẳng tin được là ông thần ấy lại ngồi trong cái chai bình thường. Những ông thần ngồi trong các chai lọ của nhà máy bia Stockholm thì lại càng hiếm. Nhưng dù nói gì đi nữa, rõ ràng trong cái chai này có một ông thần. Tôi thề là ông ta ngồi trong cái chai! Nhưng ông ta đang muốn thoát ra. Ông ta vừa chỉ vào cái nút gỗ bịt chặt cổ chai vừa nhìn tôi đầy vẻ cầu khẩn. Dĩ nhiên tôi chưa bao giờ dánh

dáng gì đến các ông thần, nên tôi hơi hoang mang không dám rút cái nút gỗ ra. Nhưng sau cùng tôi cũng làm, thế là ông thần bắn vọt ra khỏi cái chai và bắt đầu lớn dần lên, cuối cùng thì to lớn đến nỗi ông ta cao hơn hẳn những ngôi nhà ở xung quanh Công viên Tegnérslunden. Các ông thần là thế đấy các bạn ạ, họ có thể thu mình lại bé tẹo đến mức chui lọt được vào một cái chai, rồi nháy mắt một cái lại to phình ra bằng cả cái nhà.

Các bạn không thể tưởng tượng nổi là tôi hoảng sợ đến mức nào đâu. Người tôi cứ run lẩy bẩy từ đầu đến chân ấy. Rồi ông thần cất tiếng nói với tôi. Giọng ông ta rền vang chẳng khác nào tiếng sấm, nên tôi nghĩ ngay rằng cô Huida và chú Olaf thế nào cũng sẽ nghe thấy; thế mà lúc nào họ cũng nghĩ là tôi nói to kinh khủng.

"Bé con," ông thần bảo tôi, "cậu đã giải thoát ta ra khỏi chốn tù đầy. Hãy nói xem ta phải trả ơn cậu cách nào đây?"

Nhưng nói chung tôi không muốn được trả ơn chỉ vì đã rút một cái nút gỗ bé tí tẹo ra. Ông thần bảo tôi rằng ông ta đến Stock-holm đêm hôm qua và rằng ông ta chui vào cái chai để ngủ. Vì các ông thần vẫn biết chẳng có chỗ nào ngủ tốt hơn ở trong những cái chai cả. Nhưng trong lúc ông ta đang say sưa đánh giấc, có kẻ nào đó đã nút kín mất đường ra. Nếu không có tôi cứu thoát, e là ông ấy sẽ phải ở trong đó đến cả nghìn năm, cho đến chừng nào cái nút gỗ mủn ra mất.

"Chuyện này chắc sẽ khiến Đức Vua tôn quý của ta phật ý lắm đây," ông thần lẩm bẩm khẽ như nói thầm.

Đến đây tôi thu hết can đảm và hỏi, "ông thần ơi, ông từ đâu đến thế?"

Ông thần im lặng một lúc. Sau đó ông đáp, "Ta đến từ Xứ sở Xa Xăm."

Ông ấy nói to đến nỗi âm thanh cứ rền như sấm động mãi trong óc tôi, và có cái gì đó trong giọng nói của ông khiến tôi vô cùng ao ước được đến nơi ấy. Tôi cảm thấy mình chết mất nếu không đến được nơi đó. Tôi giơ hai tay về phía ông thần và kêu lên, "Xin hãy đưa cháu đi với ông! Ôi, xin ông hãy đưa cháu đến Xứ sở Xa Xăm! Ở đấy có người đang đợi cháu."

Ông thần lắc đầu. Nhưng khi tôi cầm quả táo vàng chìa về phía ông, ông thần chợt kêu lên, "Cậu đang cầm dấu hiệu trong tay kìa! Cậu chính là kẻ mà ta đến để đưa về đây. Đức Vua vẫn tìm kiếm cậu suốt bao lâu nay!"

Ông cúi xuống và ôm gọn tôi trong hai cánh tay khổng lồ. Xung quanh rộn lên tiếng chuông lanh lảnh cùng những tiếng sấm rền vang, và chúng tôi bay bổng vào khoảng không, bỏ lại Công viên Tegnérunden xa tít tắp dưới mặt đất, cánh rừng sẫm tối và những ngôi nhà có ánh đèn le lói trong ô cửa sổ, nơi bọn trẻ con đang quây quần ăn tối cùng cha mẹ chúng. Trong khi đó thì, tôi - cậu bé Karl Anders Nilsson, đang bay vút lên, dưới những vì sao.

Chúng tôi bay cao tít trên những tầng mây và di chuyển nhanh hơn ánh sáng, giữa tiếng rền vang còn hơn cả sấm sét. Những ngôi sao, mặt trăng và mặt trời lấp lánh ở xung quanh. Có lúc tất cả tối sầm như ban đêm, có lúc sáng chói và trắng lóa đến nỗi tôi phải nhắm nghiền mắt lại.

"Cậu ấy đi ngày đi đêm," tôi thì thầm một mình. Trong tấm thiệp viết đúng như thế.

Bỗng ông thần giơ tay chỉ xa xa về phía những đồng cỏ xanh tươi nằm lọt trong một vùng nước biếc trong leo lẻo và chan hòa ánh nắng rực rỡ.

"Nhìn kìa, Xứ sở Xa Xăm đấy," ông thần nói.

Chúng tôi bắt đầu đáp xuống một hòn đảo xanh.

Đó là một hòn đảo trôi lững lờ trên mặt biển, và trong không khí dậy lên hương thơm của muôn ngàn đóa hoa hồng và hoa bách hợp cùng những giai điệu lạ thường mà không thứ âm nhạc nào trên thế gian này sánh nổi.



Một tòa lâu đài bằng đá trắng khổng lồ nhô lên sừng sững trên bãi biển và chúng tôi đáp xuống đó. Phía trước mặt chúng tôi có một người đàn ông đang rảo bước dọc theo mép nước. Đó là Đức Vua cha tôi! Vừa thấy ông tôi đã nhận ra ngay. Tôi biết ông là cha của tôi. Ông dang rộng vòng tay và tôi chạy ào vào vòng tay ấy. Ông ôm chặt tôi một lúc lâu. Chúng tôi không nói với nhau một lời nào. Tôi chỉ quàng tay ôm cổ ông thật chặt.

Ôi, tôi ước giá gì cô Huida được gặp Đức Vua cha tôi, ông đẹp để biết bao, áo quần ông mới lóng lánh nhiều vàng và kim cương làm sao. Khuôn mặt ông giống như cha của Ben, nhưng đẹp hơn. Thật tiếc là cô Huida không trông thấy ông. Nếu thấy, hẳn cô ấy phải hiểu ngay rằng cha tôi không phải là kẻ vô tích sự.

Nhưng cô Huida nói đúng khi bảo mẹ tôi đã mất lúc tôi chào đời, còn những kẻ ngu ngốc ở Trại Trẻ lại không bao giờ nghĩ tới việc báo tin cho Đức Vua cha tôi biết tôi đang ở đâu. Ông đã đi tìm tôi suốt chín năm ròng rã. Tôi vô cùng sung sướng vì rốt cuộc đã trở về nhà.

Đến nay, tôi sống ở Xứ sở Xa Xăm đã khá lâu. Mỗi ngày đều đầy ắp niềm vui. Đêm nào Đức Vua cha tôi cũng đến phòng tôi, chúng tôi cùng làm những mô hình máy bay và trò chuyện với nhau.

Tôi đang lớn lên và tôi sống thật hạnh phúc ở Xứ sở Xa Xăm này. Tháng nào Đức Vua cha tôi cũng vạch lên cửa bếp để xem tôi lớn nhanh chừng nào.

"Mio, con trai ta, con lại cao lên nhiều thật đấy," ông nói khi chúng tôi cùng nhau đo chiều cao của tôi. "Mio, con trai ta," ông nói, giọng ông vang lên mới ấm áp, dễ chịu làm sao. Hóa ra tên thật của tôi hoàn toàn không phải là Andy.

"Cha đã đi tìm con rông rã suốt chín năm," Đức Vua cha tôi nói. "Hằng đêm cha vẫn thường nằm thao thức rồi tự nói với chính mình, 'Mio, con trai ta.' Vì thế cha nhớ tên con rất rõ."

Đấy nhé, hóa ra gọi tôi là Andy là sai bét, sai y như tất cả mọi chuyện hồi tôi còn sống ở trên Phố Bắc vậy. Giờ đây mọi điều đã trở về đúng vị trí rồi.

Tôi yêu Đức Vua cha tôi, và Người cũng rất yêu tôi.

Tôi ước gì Ben cũng biết tất cả những việc này. Tôi nghĩ tôi sẽ viết cho nó một lá thư và đem bỏ vào trong chai. Sau đấy tôi sẽ đóng nút cái chai lại và ném nó xuống biển xanh bao quanh Xứ sở Xa Xăm. Thế rồi khi nào Ben và cha mẹ nó tới nhà nghỉ mùa hè của họ ở Vaxholm, và đúng lúc nó đang bơi, có thể cái chai sẽ trôi tới. Thế thì hay lắm! Tôi muốn Ben biết tất tậ những chuyện thần kỳ đã xảy ra với tôi ở đây. Và nó cũng có thể gọi điện đến đồn cảnh sát mà kể cho họ nghe rằng cậu bé Karl Anders Nilsson tên thật là Mio, đang sống yên bình ở Xứ sở Xa Xăm cùng với Đức Vua cha nó, và mọi chuyện đều tuyệt vời, cực kỳ tuyệt vời.

Trong Vườn Hoa Hồng

TÔI HOÀN TOÀN KHÔNG BIẾT phải giải thích cho Ben thế nào. Những chuyện đã xảy ra với tôi tuyệt nhiên không giống bất cứ điều gì đã xảy ra với những người khác. Tôi không biết phải giải thích như thế nào để Ben thật sự hiểu được. Tôi đã cố tìm một từ để mô tả, nhưng không tìm ra được từ nào cả. Có lẽ tôi sẽ viết là, "Có một chuyện hết sức kỳ lạ đã xảy ra với tôi." Nhưng như thế thì Ben vẫn không thể biết được Xứ sở Xa Xăm này như thế nào. Tôi sẽ phải gửi cho nó ít nhất hàng tá chai để kể cho nó nghe mọi chuyện về Đức Vua cha tôi và Vườn Hoa Hồng của ông, về người bạn mới Pompoo và con ngựa bạch Miramis mỹ miều của tôi, và về lão Nam tước Kato hung ác ở Đất Ngoài. Không, tôi sẽ không bao giờ có thể kể hết cho nó nghe mọi chuyện đã xảy ra với tôi được.

Ngay từ hôm đầu tiên, Đức Vua cha tôi đã đưa tôi đi chiêm ngưỡng khu Vườn Hoa Hồng của ông. Bấy giờ đã là chiều tối, những cơn gió xào xạc thổi qua các tán cây. Khi chúng tôi rảo bước về phía khu vườn, tôi đã nghe thấy thứ âm nhạc diệu kỳ như muôn ngàn quả chuông thủy tinh đang đồng loạt ngân lên. Tiếng nhạc khê khàng nhưng rất trong trẻo rõ ràng, khiến tôi rùng mình khi nghe thấy.

"Con hãy lắng nghe những cây bạch dương của cha kìa," Đức Vua cha tôi nói.

Ông vẫn nắm tay tôi khi chúng tôi cùng rảo bước, cô Huida và chú Olaf không bao giờ cầm tay tôi; trước đây chưa hề có ai cầm tay tôi. Đó là lý do vì sao tôi thích vừa bước đi thong thả ở nơi đó vừa nắm tay Đức Vua cha tôi, mặc dù tôi đã quá lớn để được làm như thế rồi.

Bao quanh vườn Hoa Hồng là một bức tường đá cao. Đức Vua cha tôi mở một cánh cửa nhỏ và chúng tôi bước vào bên trong.

Ngày xưa, có một lần đã lâu lắm tôi được phép đi theo Ben ra ngôi nhà nghỉ hè của gia đình nó tại Vaxholm. Chúng tôi ngồi trên mấy phiến đá và câu cá trong khi mặt trời lặn xuống. Bầu trời đỏ thắm rực rỡ và mặt nước im lìm phẳng lặng. Đang là mùa hoa hồng đại nở, và có rất

nhiều khóm hoa mọc ở ngay cạnh các phiến đá. Xa xa, bên kia bờ vịnh, một con chim cúc cu hót lanh lảnh. Tôi đã nghĩ thầm trong bụng rằng đây là một phong cảnh đẹp nhất trên đời. Tất nhiên tôi không nhìn thấy con chim cúc cu vì nó đậu ở rất xa, nhưng tiếng hót của nó dường như khiến cảnh vật đẹp thêm bội phần. Tôi không đến nỗi ngốc để nói ra với Ben như thế, nhưng suốt buổi tôi cứ ngẫm nghĩ, lặng lẽ tự nhủ, "Minh chắc chắn đây là nơi đẹp nhất trên đời rồi."

Nhưng hồi đó tôi còn chưa được thấy Vườn Hoa Hồng của Đức Vua cha tôi. Tôi chưa được chiêm ngưỡng những đóa hoa hồng của ông, những đóa hoa hồng đẹp đẽ, vô cùng đẹp đẽ, tràn ngập như những dòng suối muôn màu, hay những đóa hoa bách hợp trắng muốt khẽ rung rinh trong gió thoảng. Tôi chưa được thấy những cây bạch dương lóng lánh ánh bạc, cao vút đến nỗi mỗi khi màn đêm buông xuống những vì sao lại lấp lánh trên ngọn cây. Tôi chưa được thấy những con chim trắng bay ngang qua Vườn Hoa Hồng. Tôi chưa bao giờ được nghe tiếng hót của chúng hay giai điệu của những cây bạch dương. Chưa ai từng được nghe hay trông thấy điều gì tuyệt diệu như tôi đã được nghe và trông thấy trong vườn Hoa Hồng của Đức Vua cha tôi. Tôi đứng lặng, không rời tay Đức Vua cha tôi. Tôi muốn có ông ở đây để cùng ngắm với tôi vì cảnh vật quá chừng tươi đẹp chẳng nên nhìn ngắm một mình.

Đức Vua cha tôi nâng cằm tôi và nói, "Mio, con trai ta, con thấy Vườn Hoa Hồng của cha thế nào?"

Tôi không đủ sức đáp lời Người. Một cảm giác lạ lùng xâm chiếm tôi. Như thể có một nỗi buồn lẫn khuất trong trái tim, mặc dù tôi không cảm thấy buồn tí ti nào, mà đang vô cùng hoan hỉ.

Tôi định bảo Đức Vua cha tôi đừng nghĩ rằng tôi buồn. Nhưng tôi chưa kịp thốt lên lời nào, ông đã nói, "Con hạnh phúc được là tốt. Cứ vui như thế đi, Mio, con trai ta."

Rồi Người đến nói chuyện với ông Giữ vườn Hoa Hồng đang đứng đợi đã lâu. Tôi bèn chạy đi thám hiểm một mình, cả khu vườn kỳ diệu khiến tôi ngây ngất như thể đã uống đầy một bụng nước chanh. Hai chân tôi rậm rịch không muốn đứng yên một chỗ, và có cảm giác hai cánh tay tôi vô cùng mạnh mẽ. Tôi ước giá gì có Ben ở đây để chúng tôi cùng nhau chơi đánh trận giả, tất nhiên chỉ cho vui thôi, ừ, ước gì Ben ở

đây nhỉ. Bởi vì tôi rất muốn có một đứa bạn cùng tuổi để chia sẻ tất cả những thứ này. Nhưng giờ đây, có thể Ben tội nghiệp đang ở Công viên Tegnérlunden, và có thể ở đó trời lại đang mưa gió, ảm đạm và tăm tối như mọi khi. Bây giờ chắc nó đã biết tin tôi mất tích và đang tự hỏi không biết tôi đi đâu, có bao giờ nó còn gặp lại tôi nữa hay không. Tội nghiệp Ben! Ben và tôi, chúng tôi đã từng vui sướng biết bao nhiêu khi ở bên nhau, và vừa dạo lang thang trong Vườn Hoa Hồng của Đức Vua cha tôi, tôi vừa nhớ Ben khôn tả. Nó là người duy nhất trong quá khứ mà tôi thấy nhớ. Ngoài ra tôi chẳng thấy nhớ nhưng một ai khác nữa. À, có lẽ tôi cũng nhớ bà Lundy đấy, vì bà lúc nào cũng tử tế với tôi. Nhưng tôi vẫn nghĩ đến Ben nhiều nhất.

Đắm mình trong suy tư, tôi lặng lẽ bước dọc theo con đường nhỏ len lỏi qua Vườn Hoa Hồng và cảm thấy như thể nước chanh trong người cạn ráo, trong lòng thoáng buồn, đầu cúi gục ỉu rủ. Sau đó đột nhiên tôi ngược mắt lên, trên con đường phía trước là... ái chà, thoát tiên tôi nghĩ đó là Ben. Nhưng không phải nó. Đó là Pompoo. Dĩ nhiên lúc đó tôi vẫn chưa biết nó là Pompoo. Tôi thấy một đứa con trai, nó có mái tóc màu hạt dẻ sẫm và cặp mắt nâu y hệt như Ben.

"Tớ là Pompoo," nó nói.

Bây giờ tôi mới nhìn ra nó cũng chỉ giống Ben một chút xíu thôi. Nó có vẻ nghiêm nghị, và xem ra còn hiền hậu hơn cả Ben. Mặc dù Ben cũng đáng yêu y như tôi, nhưng thỉnh thoảng cả hai đứa chúng tôi cũng có lúc thế này thế nọ, thậm chí chúng tôi còn choảng nhau và đổi nhau, tuy không lâu và chẳng mấy chốc chúng tôi lại dàn hòa. Tôi không thể tưởng tượng nổi có đứa nào lại choảng nhau với Pompoo được. Nó quá đáng yêu để có thể như thế.



"Cậu muốn biết tên tớ không?" tôi nói. "Tớ là Andy... à mà không phải, tên tớ là Mio cơ."

"Tớ biết tên cậu là Mio rồi," Pompoo nói. "Đức Vua đã loan tin khắp xứ rằng Mio đã trở về."

Thử nghĩ mà xem! Đức Vua cha tôi mừng vui vì tìm thấy tôi đến nỗi ông đã loan tin đến khắp các thần dân trong vương quốc của ông. Có lẽ ông hơi trẻ con, nhưng nghe thế tôi rất lấy làm hài lòng.

"Cậu có cha không hở Pompoo?" tôi hỏi. Tôi khắp khởi hy vọng và cầu mong nó có một người cha, vì tôi đã không có cha một thời gian dài và tôi biết như thế thì buồn lắm.

"Dĩ nhiên là tớ có cha," Pompoo nói. "ông Giữ vườn Hoa Hồng của Đức Vua là cha tớ. Đi nào, tớ sẽ chỉ cho cậu xem nhà của tớ, nếu cậu muốn."





Tôi đáp có. Thế là Pompoo chạy trước dẫn đường cho tôi trên lối mòn quanh co dẫn đến tận cuối Vườn Hoa Hồng. Ở đó có một ngôi nhà nhỏ nhắn trắng tinh, mái lợp bằng rơm, nom hết như những ngôi nhà trong truyện cổ tích. Những dây hoa hồng mọc um tùm phủ kín các vách tường và cả mái nhà khiến gần như chẳng thấy ngôi nhà đâu nữa. Các ô cửa sổ mở toang và lũ chim trắng tha hồ bay ra bay vào. Bên ngoài ngôi nhà, ở dưới đầu hồi, đặt một băng ghế và một chiếc bàn. Lũ ong trong tổ bay ra vo ve rộn rã giữa các đóa hồng. Khắp xung quanh ngôi nhà mọc lên vô số khóm hồng cực lớn, và những cây bạch dương, cây liễu lá li ti lấp lánh như ánh bạc.

Từ trong bếp có tiếng gọi vẳng ra, "Pompoo, con không quên bữa ăn tối đấy chứ?"

Đấy là tiếng mẹ Pompoo gọi. Bà bước ra hàng hiên và đứng đó mỉm cười. Tôi thấy bà giống hệt bà Lundy, nhưng có lẽ đẹp hơn một chút. Bà cũng có hai lúm đồng tiền trên đôi má bầu bĩnh và cũng nâng cằm tôi lên hệt như cái lần bà Lundy nói, "Tạm biệt cháu, Karl Anders Nilsson, tạm biệt."

Nhưng mẹ Pompoo thì nói, "Xin chào, xin chào cậu Mio! Cậu có muốn dùng bữa tối cùng với Pompoo không?"

"Vâng, xin cảm ơn bác," tôi nói, "nếu không phiền gì ạ."

Bà đáp lại là đối với bà như thế không có gì phiền toái cả. Pompoo và tôi bèn ngồi xuống bên chiếc bàn kê ở đầu hồi, mẹ nó bê ra một đĩa to

tướng bánh kẹp phết mứt dâu và sữa. Tôi với Pompoo ăn no căng đến suýt vỡ bụng, rồi chúng tôi nhìn nhau cười phá lên. Tôi rất phần khởi vì có Pompoo ở đây. Đột nhiên có con chim trắng bay vèo qua thó mất một màu bánh kẹp trên đĩa của tôi, khiến chúng tôi càng cười ngặt nghẽo hơn.

Rồi tôi thấy Đức Vua cha tôi đi về phía chúng tôi cùng với ông Giữ Vườn Hoa Hồng, cha của Pompoo. Tự dưng tôi đâm lo, nhớ đâu Đức Vua cha tôi không thích tôi ngồi đây ăn uống và cười đùa nhiều như thế. Đạo ấy tôi vẫn chưa biết Đức Vua cha tôi tốt bụng đến thế nào, Người yêu tôi vô cùng đến thế nào, cho dù tôi có làm gì đi nữa, và Người muốn tôi cứ cười đùa thỏa thích bao nhiêu cũng được.

Trông thấy tôi, Đức Vua cha tôi dùng bước. ông nói, "Mio, con trai ta, con ngồi đây cười đùa đấy ư?"

"Thưa vâng, con xin cha tha lỗi," tôi nói, bụng nghĩ có lẽ Đức Vua cha tôi cũng không thích những tiếng cười vang giống như chú Olaf và cô Hulda.

"Hãy cứ cười vui nữa đi!" Đức Vua cha tôi nói. Rồi Người quay sang Ông Giữ Vườn Hoa Hồng và thốt lên những điều còn kỳ lạ hơn nữa, "Ta thích tiếng chim hót. Ta thích điệu nhạc của cây bạch dương. Nhưng ta thích nhất là được nghe tiếng con trai ta cười vang trong Vườn Hoa Hồng."



Vậy là lần đầu tiên tôi hiểu rằng không bao giờ phải sợ hãi trước Đức Vua cha tôi, bởi vì cho dù tôi có làm điều gì đi chăng nữa thì Người cũng sẽ luôn nhìn tôi trù mến, như giờ đây Người đang đứng đó với bàn tay

đặt lên vai ông Giữ Vườn Hoa Hồng cùng đàn chim trắng bay lượn xung quanh. Và khi đã hiểu Người, tôi cảm thấy hạnh phúc hơn bao giờ hết. Tôi ngửa cả đầu lên mà cười khanh khách, khiến đàn chim hốt hoảng bay nháo nhác. Pompoo nghĩ tôi vẫn còn cười chuyện con chim ăn cắp mẩu bánh nên nó lại phá lên cười nữa, và thế là cả Đức Vua cha tôi, cả cha mẹ của Pompoo cũng cất tiếng cười. Tôi chẳng biết họ cười chuyện gì cả. Tôi chỉ biết tôi đang cười bởi vì như thế sẽ khiến Đức Vua cha tôi hạnh phúc.

Khi Pompoo và tôi ăn xong, chúng tôi thi nhau chạy quanh vườn Hoa Hồng, lăn lộn trên bãi cỏ, và chơi trò trốn tìm giữa những khóm hoa hồng, ở đây có vô khối chỗ trốn, nếu như ở Công viên Tegnérunden mà được bằng một phần mười như thế chắc cũng đủ cho Ben và tôi tha hồ sung sướng rồi. Ý tôi là Ben sẽ tha hồ sung sướng. Và ơn Chúa, tôi sẽ không bao giờ còn phải tìm chỗ trốn trong công viên Tegnérunden nữa.

Trời nhá nhem dần. Một lần sương lam nhẹ lan tỏa khắp Vườn Hoa Hồng. Đàn chim trắng ngưng tiếng hót và tung cánh bay về tổ. Hàng bạch dương cũng ngừng lao xao. Khắp vườn Hoa Hồng trở nên tĩnh mịch. Nhưng ở trên ngọn cây bạch dương cao chót vót nhất khu vườn, có một con chim to tướng màu đen thẫm đang vươn cổ hót. Tiếng hót của nó du dương hơn giọng hót của cả bay chim trắng gộp lại, và tôi có cảm giác hình như nó đang hót chỉ cho riêng tôi thôi. Nhưng tôi không muốn nghe, vì tiếng hót của nó quá là kỳ lạ.

"Khuya rồi," Pompoo nói. "Tớ phải về đây."

"Không, cậu đừng đi," tôi nói, vì tôi không muốn ở lại nghe tiếng hót lạ lùng đó một mình.

"Này Pompoo, con chim gì thế kia?" tôi giơ tay chỉ con chim đen thẫm và hỏi.

"Tớ không biết," Pompoo đáp. "Tớ gọi nó là Chim Sâu vì nó đen kịt cứ như quần khăn tang ấy, mà tiếng hót cũng rất rầu rĩ. Nhưng có thể tên của nó không phải như thế đâu."

"Tớ không nghĩ là tớ thích nó," tôi thì thầm.

"Tớ thì lại thích," Pompoo bảo. "Chim Sâu có đôi mắt hiền dịu thế kia. Chúc ngủ ngon nhé, Mio," nó nói rồi chạy đi.

Sau đó, tôi trông thấy Đức Vua cha tôi. Người nắm tay tôi và chúng tôi thong thả đi xuyên qua Vườn Hoa Hồng trở về nhà. Chim Sầu vẫn tiếp tục hát, nhưng bây giờ tôi đang nắm tay Đức Vua cha tôi, và thấy điệu hát của nó không còn kỳ dị quá nữa. Thay vào đó tôi ước sao Chim sầu cứ hát mãi không thôi.

Nhưng khi chúng tôi chưa kịp ra khỏi cổng vườn, tôi trông thấy Chim sầu vỗ đôi cánh khổng lồ đen thẫm bay vụt lên. Và dường như trên bầu trời có ba ngôi sao nhỏ cháy bùng lên lấp lánh.

Miramis

TÔI LUÔN BẮN KHOẢN TỰ HỎI không biết Ben sẽ nói gì nếu nó được thấy chú ngựa bạch có cái bờm vàng óng của tôi, con Miramis móng vàng, bờm vàng của tôi.

Ben và tôi đều mê ngựa kinh khủng. Hồi tôi còn sống ở Phố Bắc, bạn bè tôi không chỉ có Ben và bà Lundy. Tôi còn có một người bạn khác nữa mà tôi quên chưa nói đến. Tên nó là Charlie, và nó là con ngựa của ông lão nấu bia.

Mỗi tuần hai lần cỗ xe ngựa của ông lão nấu bia đưa bia đến các cửa hiệu trên Phố Bắc, thường vào lúc sáng sớm khi tôi đến trường, và tôi luôn ngong ngóng chờ để được chuyện trò với Charlie một lúc. Nó là một con ngựa già cực kỳ hiền hậu, và tôi vẫn hay để dành đường cục và vỏ bánh mì cho nó. Ben cũng làm như thế, vì Ben cũng thích mê con Charlie. Nó nói con Charlie là con ngựa của nó, và tôi thì nói Charlie là con ngựa của tôi nên thỉnh thoảng chúng tôi cãi nhau chí chóe vì con Charlie. Nhưng khi nào sếnh ra mà Ben không để ý, tôi thường thì thâm vào tai con Charlie, "Mày là con ngựa của tao nhé!" Tôi nghĩ con Charlie có vẻ hiểu tôi nói gì và nó cũng đồng ý với tôi. Ben có cha mẹ và có mọi thứ, và nó chẳng cần một con ngựa đến như tôi, vì tôi chỉ cở mỗi một mình. Cho nên tôi vẫn nghĩ con Charlie là của tôi thì hợp lý hơn là của Ben. Tất nhiên, sự thực thì con Charlie không phải là của chúng tôi mà là của nhà máy bia cơ. Chúng tôi chỉ giả vờ nó là con ngựa của chúng tôi thôi. Nhưng tôi giả vờ thật đến nỗi tôi gần như tin là thế. Thỉnh thoảng mãi nói chuyện với Charlie hơi lâu nên tôi bị muộn học, và khi cô giáo hỏi tại sao tôi đến muộn, tôi biết mình không trả lời được. Vì bạn không thể nào nói với cô giáo là bạn mãi nói chuyện với con ngựa của ông lão nấu bia.

Có hôm xe chở bia mãi không xuất hiện, tôi đành phải đến trường mà không gặp được Charlie. Tôi giận các ông thợ chậm chạp ở nhà máy bia ghê, vừa ngồi trong lớp, tôi vừa mân mê mấy cục đường và miếng vỏ bánh mì trong túi áo, hết sức buồn nhớ con Charlie, trong bụng nghĩ rằng phải đến mấy hôm nữa tôi mới được gặp nó.

Những lúc như thế cô giáo luôn hỏi, "Sao lại ngồi thờ dài thườn thượt thế Andy? Có chuyện gì thế?"

Tôi im bặt. Mà tôi biết nói gì cơ chứ? Cô giáo làm sao có thể hiểu tôi yêu con Charlie đến mức nào.

Bây giờ thì tôi chắc Ben đã có con Charlie cho riêng nó, như thế cũng hay. Thật hay vì Ben còn có Charlie để được khuây khỏa, sau khi tôi đã biến mất.

Còn tôi thì có con Miramis bờm vàng của mình. Tôi có nó thật là bất ngờ, vô cùng bất ngờ như thế này.

Một buổi tối, khi chúng tôi làm mô hình máy bay và trò chuyện với nhau - giống y như Ben và cha nó vẫn hay cùng làm với nhau vậy - tôi đã kể cho Đức Vua cha tôi nghe về con Charlie.

"Mio, con trai ta," Đức Vua cha tôi hỏi, "con thích ngựa à?"

"À vâng, con cho là thế," tôi đáp. Nghe thì có vẻ tôi hết sức thờ ơ, nhưng ấy chỉ bởi tôi không muốn Đức Vua cha tôi nghĩ rằng tôi còn thiếu thốn điều gì, khi sống ở đây cùng Người.

Sáng hôm sau, khi cùng Đức Vua cha tôi dạo chơi trong Vườn Hoa Hồng, tôi chợt nom thấy giữa những khóm hoa một chú ngựa bạch đang tung vó phi đến. Những sợi lông bờm vàng óng ả của nó bay phấp phới trong gió, những chiếc móng vàng của nó lấp lánh dưới ánh mặt trời. Nó tiến thẳng về phía tôi, cất tiếng hí vang hùng dũng tôi chưa từng được nghe thấy bao giờ. Tôi đâm ra hơi hoảng hốt và phải nép thật sát vào Đức Vua cha tôi. Nhưng Đức Vua cha tôi đã tóm lấy những sợi lông bờm vàng óng trong đôi tay mạnh mẽ của Người, con ngựa đứng khựng lại rồi gi cái mũi mềm mại của nó vào túi tôi để tìm đường cục. Y như con ngựa Charlie vẫn thường làm. Và đúng là tôi có mấy viên đường cục ở trong túi thật. Theo thói quen, tôi vẫn nhét đường vào túi, và con ngựa lập tức ăn hết ngay.

"Mio, con trai ta," Đức Vua cha tôi nói, "con ngựa này là của con, tên nó là Miramis."

Ôi, con Miramis của tôi, tôi đã yêu nó ngay từ khoảnh khắc đầu tiên. Tôi nghĩ nó là con ngựa đẹp nhất trần đời, và không giống con Charlie già nua mệt mỏi chút nào. Ít nhất là thoát tiên tôi không thấy giống tí nào, cho đến khi con Miramis ngẩng cái đầu xinh đẹp của nó lên và nhìn tôi. Bấy giờ tôi mới thấy nó có đôi mắt giống hệt con Charlie. Một đôi mắt vô cùng tận tụy, trung thành - như mắt của tất cả loài ngựa.

Cả đời tôi chưa được cưỡi ngựa bao giờ. Nhưng bây giờ Đức Vua cha tôi đã nhắc bồng tôi lên lưng con Miramis.

"Con không biết con có dám không," tôi nói.

"Mio, con trai ta," Đức Vua cha tôi nói. "Chẳng phải là con có một trái tim can đảm hay sao?"

Thế là tôi bèn cầm dây cương và cưỡi ngựa phi qua Vườn Hoa Hồng, dưới hàng cây bạch dương trút những chiếc lá lông lánh ánh bạc lên mái tóc tôi. Tôi phi mỗi lúc một nhanh hơn, con Miramis nhảy qua những khóm hoa hồng vươn cao nhất một cách nhẹ nhàng, duyên dáng. Nó chỉ chạm khẽ vào hàng rào một lần, khiến những cánh hoa hồng bay tung lên một trận mưa ở sau lưng chúng tôi.

Liền đó, chợt Pompoo xuất hiện trong vườn. Thấy tôi đang cưỡi ngựa, nó vỗ tay và hét văng lên, "Mio đang cưỡi con Miramis! Mio đang cưỡi con Miramis!"

Tôi ghìm dây cương cho con Miramis đứng lại, hỏi Pompoo có muốn cưỡi ngựa không, tất nhiên là nó muốn. Nó thoăn thoắt leo lên ngồi sau lưng tôi rồi chúng tôi phi ngựa ra cánh đồng cỏ xanh mướt trải rộng bên ngoài Vườn Hoa Hồng. Đó là điều thú vị nhất trong đời tôi từ trước đến nay. Vương quốc của Đức Vua cha tôi thật mênh mông. Xứ sở Xa Xăm là đất nước bao la hơn bất kỳ đất nước nào. Nó trải dài từ Bắc xuống Nam, từ Đông sang Tây. Hòn đảo nơi lâu đài của Đức Vua cha tôi tọa lạc có tên là Đảo Đồng Xanh. Nhưng đấy chỉ là một phần nhỏ của Xứ sở Xa Xăm. Một mảnh nhỏ, rất nhỏ.



"Vùng Đất Bên Kia Biển và Bên Kia Núi cũng thuộc về Đức Vua tôn quý của chúng ta," Pompoo nói khi chúng tôi cưỡi ngựa qua cánh đồng cỏ xanh bên ngoài Vườn Hoa Hồng.

Tôi vẫn nghĩ tới Ben khi chúng tôi phi nhanh dưới ánh mặt trời. Tội nghiệp Ben, tôi nghĩ hắn nó đang đứng trong bóng tối dưới cơn mưa lất phất trên Phố Bắc trong khi tôi thì đang vui sướng cưỡi ngựa dạo trên Đảo Đồng Xanh. Nơi đây đẹp quá chừng, cỏ mềm mại và xanh mơn mớn, hoa đua nở nơi nơi, những dòng suối trong trẻo chảy tràn xuống các ngọn đồi, và những chú cừu non bé nhỏ lông trắng mịn thành thoi gặm cỏ trên cánh đồng.

Chúng tôi bắt gặp một thằng bé chăn cừu đang thổi cây sáo gỗ nhỏ. Nó chơi một khúc nhạc kỳ diệu mà tôi ngỡ ngỡ như mình đã từng được nghe ở đâu đó, nhưng tôi chắc chắn là mình chưa hề nghe nó ở trên Phố Bắc.

Chúng tôi dừng ngựa lại và trò chuyện với thằng bé chăn cừu. Tên nó là Nonno, tôi hỏi liệu có thể mượn cây sáo của nó một lát được không. Nó nói được, và còn dạy tôi thổi sáo nữa.

"Tớ có thể làm sáo cho các cậu, nếu các cậu thích," Nonno nói.

Chúng tôi đáp rằng chúng tôi rất thích có cây sáo. Ngay cạnh đó có một dòng suối chảy qua, nhàn nhã buông lòa xòa trên mặt nước. Nonno chạy đi cắt một nhánh liễu. Hai đứa chúng tôi cùng ngồi xuống bên bờ suối và dùng chân đá nước bắn tung tóe trong khi Nonno khoét sáo cho chúng tôi. Pompoo đã học được cách thổi điệu nhạc kỳ lạ kia. Nonno bảo chúng tôi rằng đó là một khúc nhạc cổ xưa ra đời trước tất

cả mọi khúc nhạc khác trên thế gian này và những người chẵn cừ đã thổi nó trên đồng cỏ của họ từ hàng nghìn, hàng nghìn năm rồi.

Chúng tôi cảm ơn nó đã làm sáo cho chúng tôi và đã dạy chúng tôi khúc nhạc cổ xưa. Rồi chúng tôi lại cười lên lưng con Miramis và đi. Chúng tôi nghe tiếng Nonno thổi sáo xa dần, càng lúc càng xa.

"Mình phải giữ cây sáo cẩn thận," tôi nói với Pompoo, "nếu một trong hai đứa gặp chuyện không may, mình sẽ thổi điệu nhạc cổ xưa này nhé."

Pompoo bèn quàng hai tay ôm chặt lấy tôi và tựa đầu vào lưng tôi để khỏi ngã trên lưng ngựa xuống, "ừ, Mio," nó nói, "chúng mình phải giữ gìn cây sáo cẩn thận, nếu cậu nghe thấy tiếng sáo của tớ, cậu sẽ biết ngay là tớ đang gọi cậu nhé."

"ừ," tôi nói, "nếu cậu nghe tớ thổi sáo, cậu sẽ biết ngay là tớ đang gọi cậu nhé."

"ừ," Pompoo đáp, và tôi biết nó là người bạn tốt nhất của tôi. Tất nhiên là ngoại trừ Đức Vua cha tôi. Tôi yêu Đức Vua cha tôi hơn bất cứ ai trên đời. Nhưng Pompoo là một thằng bé giống tôi và bây giờ nó là đứa bạn thân nhất của tôi vì tôi không sao gặp Ben được nữa."

Bạn thử nghĩ xem, tôi có Đức Vua cha tôi, Pompoo và con Miramis, tôi đang phi ngựa nhanh như cơn gió qua những ngọn đồi và những đồng cỏ xanh, chẳng có gì lạ là tôi lại vui sướng đến thế.

"Vậy làm sao đến được Vùng Đất Bên Kia Biển và Bên Kia Núi?" tôi hỏi.

"Qua Cầu Ánh Ban Mai," Pompoo đáp.

"Cầu Ánh Ban Mai ở đâu?" tôi hỏi.

"Bọn mình sẽ thấy ngay thôi," Pompoo nói. Và chúng tôi bắt gặp cây cầu thật. Cây cầu rất cao và rất dài, đến nỗi chẳng thấy đầu cầu bên kia đâu cả. Nó lấp lánh trong ánh ban mai như thể được đúc bằng vàng ròng.

"Cây cầu dài nhất thế gian đấy," Pompoo nói. "Nó vắt ngang từ Đảo Đồng Xanh qua Vùng Đất Bên Kia Biển. Nhưng ban đêm thì Đức Vua ra

lệnh kéo cây cầu lên để chúng ta được ngủ yên lành trên Đảo Đồng Xanh."

"Tại sao thế?" tôi hỏi. "Ban đêm có ai đến à?"

"Nam tước Kato," Pompoo đáp.

Nó vừa nói dứt lời, lập tức trên cánh đồng nổi lên một cơn gió lạnh như băng, và con Miramis bắt đầu run rẩy.

Đó là lần đầu tiên tôi nghe tên Nam tước Kato. "Nam tước Kato ư," tôi thì thầm, cái tên khiến tôi rùng mình.

"ừ, Nam tước Kato hung ác," Pompoo nói.

Con Miramis hí lên bồm chồm, gần như lạc giọng, nên chúng tôi im bật, không nhắc đến Nam tước Kato nữa.

Dĩ nhiên là tôi rất muốn được cưỡi ngựa qua Cầu Ánh Ban Mai, nhưng tôi lại chưa xin phép Đức Vua cha tôi. Vì vậy chúng tôi quay về Vườn Hoa Hồng và cuộc thám hiểm đầu tiên của chúng tôi chấm dứt. Suốt ngày hôm ấy chúng tôi không cưỡi ngựa nữa. Thay vào đó, chúng tôi chải lông và bộ bờm vàng óng cho con Miramis, chúng tôi vỗ về nó, cho nó ăn đường cục và vỏ bánh mì xin của mẹ Pompoo.

Sau đó tôi cùng Pompoo dựng một cái lều trong vườn Hoa Hồng rồi chui vào đó đánh chén đủ thứ ngon tuyệt trần, chúng tôi ăn những chiếc bánh kẹp mỏng tang rắc đường cát. Thật là những chiếc bánh ngon tuyệt trần mà tôi bao giờ được ăn cả. Mẹ của Ben cũng hay nướng bánh kẹp, và thỉnh thoảng tôi được nếm thử. Nhưng những chiếc bánh kẹp mẹ Pompoo nướng vẫn ngon hơn nhiều.

Dựng lều rất là vui. Tôi vốn đã mê dựng lều từ lâu rồi. Vì Ben vẫn hay kể cho tôi nghe nó dựng lều như thế nào ở nhà nghỉ mùa hè của gia đình nó tại Vaxholm. Ước gì tôi có thể viết thư cho nó và kể với nó về cái lều của tôi với Pompoo nhỉ!

"Đẹp cực!" tôi sẽ viết. "Cái lều tớ đã tự dựng cho tớ ở đây, ở Xứ sở Xa Xăm ấy mà, đẹp cực nhé!"

Những ngôi sao có thích nghe mình thổi sáo không nhỉ?

NGÀY HÔM SAU, chúng tôi lại lên ngựa đi thăm Nonno. Mới đầu chúng tôi chẳng tìm thấy nó đâu cả, nhưng chỉ một lát sau đã nghe thấy tiếng sáo của nó văng đến từ sau lưng một ngọn đồi nhỏ. Nó ngồi trên bãi cỏ thổi sáo một mình trong lúc đàn cừu ngoan ngoãn gặm cỏ xung quanh. Nhìn thấy chúng tôi, nó rời môi khỏi cây sáo mà cười reo lên, "Các cậu lại đến đây rồi!"



Nó có vẻ vui mừng vì chúng tôi đến. Chúng tôi lấy sáo của mình ra và cùng thổi một khúc tam tấu. Khúc nhạc tuyệt diệu vô cùng, tôi không hiểu sao chúng tôi có thể chơi những giai điệu đẹp đến nhường ấy.

"Tiếc quá, chẳng có ai nghe được mình thổi sáo hay thế nào," tôi thở dài nói.

"Cỏ đang nghe chúng ta đấy," Nonno nói. "Cả những bông hoa và những cơn gió nữa. Cậu nhìn xem, những cây liễu nghiêng mình bên suối cũng lắng cả đi đấy thôi."

"Thật á?" tôi hỏi. "Chúng nó có thích bản nhạc của chúng mình không nhỉ?"

"Có chứ, chúng nó thích lắm," Nonno trả lời.

Chúng tôi lại thổi sáo cho cỏ cây hoa lá và gió trời nghe một hồi thật lâu. Nhưng dù sao đi nữa tôi vẫn tiếc vì chẳng có người nào nghe thấy

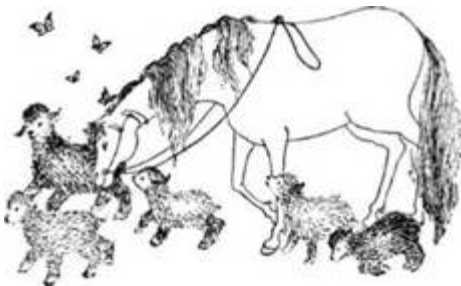
tiếng sáo của chúng tôi.

Sau đó Nonno ngỏ ý, "Nêu các cậu thích, chúng mình có thể về nhà tớ và thổi sáo cho bà tớ nghe được đấy. Tớ sống cùng với bà mà."

"Bà cậu ở có xa đây không?" tôi hỏi.

"Xa đấy, nhưng đường đi sẽ ngắn lại nếu chúng mình cứ vừa đi vừa thổi sáo," Nonno nói.

"Đúng thế, đúng thế, đường đi sẽ không còn xa nữa, nêu chúng mình cứ vừa đi vừa thổi sáo," Pompoo phụ họa. Nó cũng rất muốn đi bộ về nhà Nonno để gặp bà của Nonno y như tôi vậy.



Trong truyện cổ tích bao giờ cũng có những người bà hết sức tốt bụng. Nhưng tôi chưa bao giờ được gặp một người bà thật, mặc dù tôi nghĩ ở trên đời có vô số các bà nội bà ngoại. Nên tôi nghĩ bụng đi gặp bà của Nonno hẳn là thích lắm.

Chúng tôi phải dắt theo toàn bộ đàn cừu lớn bé của Nonno. cả con Miramis nữa. Chúng tôi thành cả một đoàn rỗng rần. Pompoo đi đầu tiên, rồi đến Nonno và tôi, sau đó là lũ cừu lớn cừu bé, con Miramis rảo bước khóa đằng đuôi. Chậm rãi hệt như con Charlie. Chúng tôi cứ thế đi hết lên đồi lại xuống thung lũng, vừa đi vừa thổi sáo réo rắt. Bọn cừu non chắc đang tự hỏi không hiểu chúng tôi dắt chúng đi đâu. Nhưng tôi cho là chúng rất hứng thú, vì chúng cứ kêu be be và nhảy nhót lên quanh chúng tôi suốt đoạn đường.

Sau khi đã đi hàng giờ qua không biết mấy ngọn đồi, chúng tôi đến nhà của Nonno. Ngôi nhà cũng bé tí tẹo như một túp lều xinh xinh trong truyện cổ tích, mái lợp rơm vàng óng, và chìm ngập trong những khóm hoa nhài và tử đinh hương nở rộ.

"Suyt... suyt... Im lặng cho bà tở ngạc nhiên nhé!" Nonno thì thầm

Có một cánh cửa sổ mở toang, bên trong vang lên tiếng người cười nói rộn ràng. Mấy đứa chúng tôi sắp thành hàng bên cạnh cửa sổ, Nonno và Pompoo và tôi.

"Mở màn nào," Nonno nói. "Một... hai.. ba!"

Thế là chúng tôi mở màn luôn. Chúng tôi thổi một khúc nhạc rộn rã đến nỗi lũ cừu non cũng nhảy múa. Trong ô cửa sổ liền hiện ra một bà cụ già lão vô cùng, nom cực kỳ phúc hậu. Đó là bà của Nonno. Bà vỗ tay và reo lên, "ồ, khúc nhạc mới tuyệt làm sao!"

Chúng tôi thổi sáo cho bà nghe một lúc lâu, bà đứng yên bên cửa sổ lắng nghe đến khi chúng tôi thổi xong. Bà rất già, trông cứ như một người từ trong truyện cổ tích bước ra, mặc dù bà là bà thật, bằng xương bằng thịt hẳn hoi.

Sau đó chúng tôi đi vào nhà. Bà của Nonno hỏi chúng tôi có đói không. Chúng tôi đồng thanh đáp có, vì suốt từ lúc đi đường chúng tôi đã đói meo. Thế là bà bê ra một ổ bánh và cắt từng khoanh dày dãi chúng tôi. Bánh vàng rộm và giòn tan, đúng là ổ bánh ngon nhất tôi từng được ăn trong đời.

"Ôi, ngon quá," tôi nói với Nonno. "Bánh gì thế này?"

"Tở nghĩ nó chẳng phải là loại bánh đặc biệt gì đâu," Nonno nói. "Chúng tở vẫn gọi là Bánh Hết Đói thôi mà."

Con Miramis cũng thêm được ăn cùng với chúng tôi. Nó chạy đến thò đầu qua khung cửa sổ mở rộng và cất tiếng hí khe khẽ. Chúng tôi cười rộ lên vì trông nó đến là ngộ. Nhưng bà của Nonno thì vỗ nhè nhẹ vào mũi nó rồi cho nó một mẩu bánh ngon lành.

Ăn xong tôi khát nước khô cổ nên mới hỏi Nonno, nó bèn bảo, "Đi theo tở."

Nó dẫn chúng tôi ra vườn, ở đó có một giếng nước trong vắt. Nonno thả cái thùng gỗ xuống giếng để kéo nước lên, và chúng tôi uống thẳng từ chiếc thùng gỗ đó. Chưa bao giờ trong đời tôi được uống thứ nước mát và ngon ngọt đến thế.

"Ôi, ngon quá," tôi nói với Nonno. "Giếng gì thế này?"

"Chẳng phải cái giếng gì đặc biệt đâu," Nonno nói. "Chúng tớ vẫn gọi là cái Giếng Hết Khát thôi mà."

Con Miramis cũng khát, cả đàn cừ lớn cừ bé cũng khát, nên chúng tôi đem nước ra cho tất cả chúng cùng uống.

Chẳng mấy chốc đã đến lúc Nonno phải quay lại đồng cỏ nằm giữa những ngọn đồi cùng với đàn cừ của nó. Nó bảo bà nó đưa cho chiếc áo chăn cừ để ủ ấm ban đêm khi ngủ trông đàn cừ ở ngoài đồng. Bà nó liền mang một tấm áo choàng màu nâu ra đưa cho nó. Tôi nghĩ Nonno rất may mắn vì được ngủ đêm một mình trên đồng cỏ. Tôi thì chưa từng có cơ may như thế bao giờ. Thỉnh thoảng Ben và cha mẹ nó vẫn đạp xe đạp đến khu cắm trại ở ngoại ô, y như những vị khách du lịch thực thụ. Họ dựng lều trên một sườn đồi rợp bóng cây xinh đẹp, và đêm đến thì ngủ trong những chiếc túi ngủ. Ben luôn bảo rằng đó là những lúc thích nhất, và tôi tin nó hoàn toàn.

"Cậu may ghê! Được ngủ ngoài trời suốt cả đêm," tôi nói với Nonno.

"Thế ai cấm cậu?" Nonno hỏi vặn lại. "Theo tớ!"

"Không," tôi từ chối. "Đức Vua cha tớ se lo lắng nếu chiều tối mà tớ không về nhà."

"Ta có thể nhắn tin tới Đức Vua là cháu sẽ ngủ ở ngoài đồng cỏ tối nay," bà của Nonno nói.

"Bà nhắn cho cả cho cha cháu nữa nhé," Pompoo nói.

"Ta sẽ nhắn cho cả ông Giữ vườn Hoa Hồng nữa," bà của Nonno gật đầu đồng ý.

Pompoo và tôi phấn khởi đến nỗi chúng tôi bắt đầu nhảy nhót còn nhặng nhít hơn lũ cừ non.

Bà của Nonno đưa mắt nhìn bộ áo quần ngắn chúng tôi đang mặc, lắc đầu, "Khi sương xuống, các cháu sẽ rét cóng mất." Rồi khuôn mặt bà đột nhiên u ám hẳn đi, và bà thốt lên, "Ta còn hai cái áo choàng nữa," giọng chùng xuống.

Bà đến bên chiếc rương cũ đặt ở góc nhà lấy ra hai chiếc áo choàng, một màu đỏ và một màu xanh.

"Áo của các em trai tớ," Nonno nói, giọng cũng đượm buồn.

"Thế các em cậu đâu?" tôi hỏi.

"Nam tước Kato," Nonno thì thào. "Nam tước Kato hung ác đã bắt các em tớ mang đi rồi."

Nonno nói đến đây, bên ngoài cửa sổ con Miramis hí ầm lên như bị ai đánh. Đàn cừ non nháo nhác chạy lại rúc vào cừ mẹ, và tất cả bầy cừ kêu rống lên be be như thể giờ tận thế đã diễn vậy.

Bà của Nonno đưa tôi chiếc áo choàng đỏ và Pompoo chiếc áo choàng xanh, rồi bà trao cho Nonno một ổ Bánh Hết Đói và một bình nước Giếng Hết Khát. Thế là chúng tôi lại quay trở lại con đường vắt qua những triền đồi và thung lũng vừa đi lúc trước

Ý nghĩ về các em trai của Nonno khiến tôi rất buồn, nhưng dù vậy tôi cũng không sao tìm được niềm vui sướng vì được phép ngủ qua đêm trên cánh đồng dưới bầu trời rộng mở.

Đến chân ngọn đồi có cây liễu rủ soi mình xuống dòng suối trong vắt, chúng tôi dừng lại. Nonno bảo chúng tôi nên cắm trại qua đêm ở đó.

Thế là chúng tôi hạ trại. Chúng tôi đốt lửa - một đồng lửa lớn, ấm áp, rực rỡ. Chúng tôi ngồi quanh lửa, ăn Bánh Hết Đói và uống nước Giếng Hết Khát. Chẳng mấy chốc sương đêm đã buông và bóng tối mỗi lúc một thêm dày đặc, nhưng chẳng hề gì, vì ở cạnh đồng lửa rất sáng và ấm.

Chúng tôi quấn áo choàng quanh người rồi nằm nép sát vào nhau bên đồng lửa, bầy cừ lớn bé ngủ xúm xít xung quanh chúng tôi, còn con Miramis đứng đỉnh gặm cỏ kề bên. Chúng lắng nghe tiếng gió rì rào thổi qua mặt cỏ, và nhìn ánh lửa lấp lánh rọi đến từ những khoảng xa tĩnh lặng. Có vô số, vô số những đồng lửa lập lòe cháy trong bóng tối, bởi vì những người chăn cừu sống trên Đảo Đồng Xanh đêm nào cũng nhóm chúng lên. chúng tôi nghe thấy họ đang chơi trong đêm điệu nhạc cổ xưa mà Nonno nói những người chăn cừu đã thổi hàng nghìn, hàng nghìn năm. Đúng vậy, chúng tôi nằm nhìn những ánh lửa và lắng tai

nghe khúc nhạc xa xưa do một người chẵn cừu mà chúng tôi không hề quen biết thổi, nhưng ông vẫn thổi cho chúng tôi nghe suốt đêm.

Và dường như khúc nhạc muốn nói với tôi một điều gì đó.

Bầu trời lấp lánh sao, những ngôi sao to nhất và sáng nhất mà tôi từng được thấy. Tôi nằm đó và nhìn về phía chúng. Sau đó tôi nằm ngửa ra, cuộn mình ấm áp hơn trong chiếc áo choàng đỏ, và ngắm nghĩ về những vì sao. Tôi nhớ lại chúng tôi đã thổi sáo cho cỏ cây hoa lá và những cơn gió như thế nào, và Nonno đã bảo là chúng thích điệu nhạc của chúng tôi lắm. Nhưng chúng tôi chưa bao giờ thổi sáo cho những ngôi sao. Vì thế tôi đâm ra băn khoăn, "Các ngôi sao có thích nghe mình thổi sáo không nhỉ?" Tôi bèn hỏi Nonno và nó nói nó tin là chúng thích. Thế là chúng tôi lại ngồi dậy quây quần quanh đồng lửa, lấy sáo ra và thổi một khúc nhạc nho nhỏ cho các vì sao.

Giếng Thì Thầm Ban Đêm

TÔI CHƯA BAO GIỜ NHÌN THẤY Vùng Đất Bên Kia Biển và Bên Kia Núi. Một lần khi cùng Đức Vua cha tôi dạo chơi qua vườn Hoa Hồng, tôi đã hỏi Người rằng liệu tôi có thể cưỡi ngựa qua cầu Ánh Ban Mai không. Đức Vua cha tôi dừng bước và ôm lấy khuôn mặt tôi trong đôi tay Người. Nghiêm nghị và hiền từ, Người nhìn sâu vào mắt tôi.

"Mio, con trai ta," Người nói. "Con có thể đi bất cứ nơi nào con thích trong đất nước của cha. Con có thể dạo chơi trên Đảo Đồng Xanh hay cưỡi ngựa đến Vùng Đất Bên Kia Biển và Bên Kia Núi bất cứ khi nào con muốn. Con có thể đi khắp đông tây nam bắc, con Miramis sẽ đưa con đi. Nhưng có một điều con cần phải biết. Hãy nhớ, có một vương quốc tên là Đất Ngoài."

"Ai sống ở đó ạ?" tôi hỏi.

"Nam tước Kato," Đức Vua cha tôi nói, và mặt ông tối sầm u ám. "Nam tước Kato hung ác."

Ông vừa thốt ra cái tên đó, tựa như có thứ gì đó vô cùng hiểm ác, xấu xa đã len vào Vườn Hoa Hồng. Đàn chim trắng nháo nhác bay về tổ. Chim Sâu kêu thất thanh và đập đập đôi cánh đen to lớn. Và trong giây lát nhiều cây hồng chợt héo rũ ra rồi chết.

"Mio, con trai ta," Đức Vua cha tôi nói. "Cha yêu con hơn mọi thứ trên đời, và lòng cha nặng trĩu khi nghĩ đến Nam tước Kato."

Gió thổi ào ào qua hàng cây bạch dương như một cơn bão lốc. Vô số lá cây trút xuống đất, hình như chúng vừa rơi vừa khóc. Tôi cảm thấy mình khiếp sợ Nam tước Kato. Vô cùng khiếp sợ.

"Nêu lòng cha nặng trĩu, cha đừng nghĩ tới hấn nữa," tôi nói.

Đức Vua cha tôi gạt đầu và nắm lấy tay tôi.

"Con nói đúng," Người đáp. "Chỉ một lát nữa thôi cha sẽ quên Nam tước Kato. Lát nữa con có thể thổi sáo và dựng lều trong Vườn Hoa

Hồng."

Rồi chúng tôi đi tìm Pompoo.

Đức Vua cha tôi có nhiều việc phải làm trong vương quốc rộng lớn của mình, nhưng Người luôn dành thời gian cho tôi. Người không bao giờ nói, "Đi đi, ta đang bận!" Người thích ở cạnh tôi. Sáng sáng, Người cùng tôi bách bộ trong Vườn Hoa Hồng. Người chỉ cho tôi nơi lữ chim làm tổ, Người đến xem túp lều của chúng tôi, dạy tôi cách cưỡi con Miramis, trò chuyện với tôi và Pompoo về đủ thứ chuyện trên đời. Tôi thích nhất là Người cũng trò chuyện với cả Pompoo. Y hệt như cha của Ben vẫn thường trò chuyện với tôi vậy. Tôi thích thế vì khi cha của Ben nói chuyện với tôi, Ben luôn vui vẻ, như thể nó đang nghĩ, "ông ấy là bố tớ nhưng tớ vẫn sung sướng vì ông nói chuyện với cả cậu nữa." Và đó cũng là điều tôi cảm thấy khi Đức Vua cha tôi trò chuyện cùng Pompoo.

Có lẽ Pompoo và tôi cùng nhau cưỡi ngựa đi chơi xa là điều hay, vì nếu không, làm sao Đức Vua cha tôi có thể cai quản vương quốc rộng lớn của Người? Nếu chúng tôi không vắng mặt, đôi khi đến mấy ngày liền, thì Đức Vua cha tôi sẽ cứ chơi đùa và trò chuyện với tôi thay vì cai quản việc nước. Cho nên việc tôi có Pompoo, và cả con Miramis nữa để bầu bạn hóa ra lại hay.

Ôi, con Miramis của tôi, những chuyên phiêu lưu trên lưng nó mới tuyệt làm sao! Con Miramis của tôi, làm sao có thể quên được lần đầu tiên nó đưa tôi lên Cầu Ánh Ban Mai được!

Đó là vào lúc sáng tinh mơ, khi các anh lính cho cây cầu hạ xuống. Cổ mềm còn đọng sương làm ướt đầm bộ móng vàng của Miramis, nhưng chẳng hề gì. Pompoo và tôi dậy từ lúc tờ mờ sáng, nên hãy còn hơi ngái ngủ. Những làn gió ban mai mát lạnh trong lành ủa vào mặt khiến chúng tôi vô cùng khoan khoái. Đến lúc phóng ngựa băng băng trên đồng cỏ thì chúng tôi đã tỉnh hẳn. Chúng tôi đến Cầu Ánh Ban Mai vừa kịp khi mặt trời mọc. Chúng tôi cưỡi ngựa lên cầu, thấy như mình đang bước đi trên vầng hào quang kết bằng muôn tia vàng rờn và ánh sáng. Cây cầu vươn cao, vươn cao, vượt rất xa trên mặt nước. Nhìn xuống bên dưới, đầu óc tôi choáng váng, quay cuồng. Chúng tôi đang phi trên cây cầu cao nhất và dài nhất thế gian. Những sợi lông bờm vàng của Miramis sáng rực lên trong nắng. Nó phóng nhanh, phóng nhanh, càng lúc càng nhanh

hơn. Cao hơn, càng lúc càng cao hơn, chúng tôi lướt trên cầu. Móng của Miramis nện rền vang như sấm. Thật là khoái chí và chẳng mấy chốc tôi sẽ thấy Vùng Đất Bên Kia Biển.

Chẳng mấy chốc nữa.

"Pompoo," tôi hét văng lên, "Pompoo, cậu thích không? Thế này có tuyệt không cơ chứ..."

Nhưng đột nhiên tôi thấy như có điều gì sắp xảy ra! Một điều khủng khiếp. Miramis đang tung vó lao hết tốc lực thẳng tới vực thẳm. Trước mặt không có cầu nữa, nó đã đứng khựng lại, lơ lửng trên không. Bởi người lính gác hạ cầu xuống không đúng cách. Cây cầu không thể chạm đến Vùng Đất Bên Kia Biển.



Có một khoảng trống chết người ở nơi đáng lẽ phải có cây cầu, một vực sâu khủng khiếp. Tôi chưa bao giờ hoảng sợ như thế. Tôi muốn hét lên gọi Pompoo nhưng không thể. Tôi ghì cương để dừng con Miramis lại, nhưng nó không tuân lệnh. Nó hí lên hoang dại và cứ tiếp tục nện vó rền vang như sấm lao vào chỗ chết, thẳng tới vực thẳm. Thật kinh hoàng! Chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ rơi xuống vực thẳm. Chẳng mấy chốc tôi sẽ không còn nghe thấy tiếng giẫm vó của con Miramis nữa, mà chỉ còn tiếng khóc rống của nó khi nó lao xuống vực sâu, bộ bờm vàng phấp phới quanh nó. Tôi nhắm mắt và nghĩ tới Đức Vua cha tôi, trong khi tiếng gõ móng của con Miramis vẫn không thôi vang động như sấm sét.

Bất chợt tiếng sấm rền im bật. Tôi vẫn nghe thấy tiếng gõ móng, nhưng là kiểu âm thanh khác, nghe thành thịch như Miramis đang phi nước đại trên thứ gì thật mềm. Tôi mở mắt nhìn, và trông thấy con

Miramis đang lao vun vút trên không, ôi, con Miramis lông bờm vàng óng của tôi, nó đang di chuyển trên không trung nhẹ nhàng chẳng khác nào đi trên mặt đất! Nó có thể phi nước đại trên mây và nhảy qua các vì sao nếu muốn. Tôi chắc chắn không ai trên đời có được một con ngựa tuyệt vời đến thế. Và không ai có thể hình dung nổi cảm giác cưỡi trên lưng nó mà bay qua không trung và nhìn xuống thấy Vùng Đất Bên Kia Biển xa tít tràn ngập ánh nắng tuyệt diệu đến thế nào!

"Pompoo," tôi gọi lớn, "Pompoo, Miramis có thể bay trên mây đấy!"

"Cậu không biết à?" nó đáp, cứ như chẳng lấy gì làm lạ về những chuyện con Miramis có thể làm.

"Không, làm sao tớ biết được?" tôi đáp.

Pompoo cười nói, "Còn khối chuyện cậu chưa biết đâu, Mio ạ."

húng tôi bay vòng quanh trên tầng trời cao một lúc lâu. Con Miramis nhảy nhót giữa những cụm mây bông nho nhỏ trắng muốt. Mê mải và thích thú vô cùng tận, nhưng rồi cũng đến lúc phải đáp xuống mặt đất. Con Miramis hạ dần xuống rồi dừng lại. Chúng tôi đã đến Vùng Đất Bên Kia Biển.

"Đồng cỏ xanh cho con Miramis bờm vàng của cậu ở đằng kia nhé," Pompoo nói.

Cứ để nó ở đó gặm cỏ, còn bọn mình đi gặp Totty."

"Totty là ai?" tôi hỏi.

"Rồi cậu sẽ biết," Pompoo nói. "Totty với các em gái và em trai của nó sống gần đây thôi."

Nó nắm tay tôi và dắt tới một ngôi nhà trắng tinh mái lợp rơm vàng giống y như trong các câu chuyện cổ tích. Thật khó giải thích vì sao một ngôi nhà lại nom cứ như thể từ trong truyện cổ tích đi thẳng ra vậy. Có thể vì nó tỏa ra mùi cổ xưa, hoặc vì những cây cổ thụ mọc um tùm xung quanh, hoặc bởi hương hoa như cổ tích trong vườn, hoặc vì điều gì đó hoàn toàn khác, mà tôi cũng chẳng biết nữa. Trong mảnh vườn phía trước ngôi nhà có một cái giếng cổ hình tròn. Tôi nghĩ chính cái giếng đã khiến cho ngôi nhà của Totty nom giống như trong truyện cổ tích, vì

ngày nay không còn nhiều giếng như thế nữa, ít nhất là tôi chưa bao giờ nhìn thấy.

Năm đứa trẻ con ngồi vòng quanh cái giếng. Đứa lớn nhất là con trai. Nó toét miệng cười đến tận mang tai, trông rất thân thiện.

"Tớ trông thấy cậu đến," nó nói. "Cậu có con ngựa đẹp đấy."

"Tên nó là Miramis," tôi nói, "đây là Pompoo và tớ là Mio."

"Tớ biết rồi," cậu bé nói. "Tớ là Totty, đây là các em gái và em trai của tớ."

Trông nó lúc nào cũng ân cần và thân thiện, các em của nó cũng thế, như thể chúng rất vui khi gặp chúng tôi.

Điều này rất khác với Phố Bác. Ở đó bọn con trai thường gầm gừ như chó sói với những kẻ lạ bạo gan lại gần. Lúc nào chúng cũng phải tìm ra một đứa để nhạo báng, và loại khỏi trò chơi của chúng. Đứa đó luôn luôn là tôi. Chỉ có Ben bao giờ cũng chơi với tôi. Ở đó có một thằng to lớn tên Johnny. Tôi không bao giờ làm gì nó, nhưng bất kể khi nào nhìn thấy tôi, nó đều quát lên, "Cút đi, trước khi mày bị ăn đòn. Đi chỗ khác!" Nếu tôi có cố chơi bóng hay chơi trò gì với chúng thì cũng không ăn thua, vì những đứa kia luôn về phe thằng Johnny và bắt chước nó vì nó rất khỏe.

Tôi đã quen chịu đựng thằng Johnny, vì thế tôi rất ngạc nhiên khi gặp bọn trẻ như Totty, Pompoo, Nonno, và các em của Totty, chúng lúc nào cũng thân thiện.

Pompoo và tôi ngồi lên thành giếng bên cạnh Totty. Tôi nhìn xuống lòng giếng, nó sâu đến nỗi không thấy đáy.

"Làm sao cậu kéo nước lên được?" tôi hỏi.

"Bọn tớ chĩa múc tí nước nào cả," Totty nói. "Nó không phải là giếng nước."

"Thế thì là giếng gì?" tôi nói.

"Nó tên là Giếng Thì Thăm Ban Đêm," Totty đáp

"Sao lại thế?" tôi hỏi.

"Cứ đợi đến tối, rồi cậu sẽ hiểu," Totty nói.

Chúng tôi ở chơi với Totty và các gái em trai nó cả ngày dưới bóng những cây cổ thụ. Khi chúng tôi đói, cô em Minonna-Nell của Totty chạy vào bếp lấy bánh đem ra. Đó là bánh Hết Đói, và tôi cũng thích nó như lần trước.

Chợt tôi bắt được một chiếc thìa nhỏ trong đám cỏ dưới gốc cây, một chiếc thìa nhỏ bằng bạc. Tôi giơ cho Totty xem, thế là trông nó buồn xiu hẳn đi.

"Đây là cái thìa của em gái tớ," nó nói. "Mio tìm thấy cái thìa của em gái chúng ta này," nó kêu to gọi các em của nó.

"Thế em gái cậu đâu rồi?" tôi hỏi.

"Nam tước Kato," Totty nói. "Nam tước Kato hung ác bắt em ấy đi mất rồi."

Nó vừa thốt lên cái tên đó, không khí ở khắp xung quanh chúng tôi chợt lạnh buốt như băng. Một cây hướng dương mọc cao trong vườn bỗng héo quắt lại rồi chết rũ, còn đàn bướm thì rụng cánh lả tả không bao giờ bay được nữa. Còn tôi cảm thấy khiếp sợ Nam tước Kato. K khiếp sợ vô cùng.

Tôi đưa chiếc thìa bạc nhỏ xíu cho Totty, nhưng nó nói, "Cậu cứ giữ lấy cái thìa của em tớ. Cậu đã tìm thấy nó thì nó là của cậu, em tớ chẳng bao giờ cần đến nữa."

Các em của nó òa khóc khi nghe nói đứa em gái của chúng sẽ không bao giờ cần đến cái thìa nữa. Nhưng chỉ lát sau chúng tôi lại bày trò đùa nghịch vui vẻ và không nghĩ đến chuyện buồn đó nữa. Tôi cất cái thìa vào túi và không nghĩ thêm đến nó.

Nhưng trong lúc chơi đùa, tôi vẫn cứ không thôi ước chónh đến tối để biết thêm về cái giếng lạ kỳ.

Ngày ngả sang chiều, rồi trời tối dần. Đến lúc đó Totty nháy mắt với các em trai em gái của nó. Chúng nhìn nhau dò hỏi, rồi Totty nói, "Nào!"

Cả bọn chạy ủa ra ngồi lên thành giếng. Pompoo và tôi cũng ngồi sát bên cạnh chúng.

"Tuyệt đối im lặng đấy nhé," Totty nói.

Chúng tôi ngồi im thin thít và chờ. Bóng tối mỗi lúc một thêm thẫm dần giữa những hàng cây cổ thụ, ngôi nhà của Totty nom lại càng có vẻ cổ tích. Nó đứng sừng sững trong bóng tối lạ lùng, kỳ bí. Nhưng trời cũng chưa tối mịt vì màn tối chỉ vừa buông. Có một cái gì thật lạ lùng, bí ẩn và rất cổ xưa vây phủ ngôi nhà, cây cối, và nhất là trên cái giếng, trong lúc chúng tôi ngồi quanh thành giếng.

"Tuyệt đối im lặng đấy nhé," Totty thì thào, mặc dù chúng tôi không nói một lời nào đã lâu. Chúng tôi ngồi im lìm thêm rất lâu nữa, trời cũng tối thêm chút nữa giữa các hàng cây, tôi vẫn không nghe thấy gì.



Nhưng rồi chợt có tiếng gì văng vẳng. Đúng thế, tôi đã nghe thấy tiếng gì đó. Tôi nghe có tiếng thì thầm dưới lòng giếng! Một tiếng thì thầm phát ra từ nơi sâu thẳm thẳm trong lòng giếng. Những âm thanh lạ lùng không giống bất cứ âm thanh nào. Nó thì thầm kể truyện cổ tích. Chúng không giống bất cứ truyện cổ tích nào, chúng là những câu chuyện đẹp nhất trên khắp trần gian. Hầu như chẳng có gì khiến tôi mê thích hơn là được nghe kể truyện cổ tích, cho nên tôi nằm sấp xuống, ép bụng vào thành giếng để nghe cho rõ tiếng thì thầm. Thỉnh thoảng nó cũng hát, những bài hát lạ lùng nhất và đẹp nhất.

"Loại giếng kỳ lạ gì thế này?" tôi nói với Totty.

"Một cái giếng chứa đầy truyện cổ tích và những bài hát. Tớ chỉ biết thế thôi," Totty trả lời. "Một cái giếng chứa đầy những câu chuyện cổ và bài hát có trên thế gian từ xa xưa, nhưng con người đã quên mất chúng từ rất lâu rồi. Chỉ có Giếng Thì Thầm Ban Đêm vẫn còn nhớ hết."

Chúng tôi cứ ngồi như vậy mãi hồi lâu. Bóng tối thẫm hơn giữa những rặng cây, còn tiếng nói thì khẽ dần, khẽ dần, cho đến khi nó im bật. Cuối cùng chúng tôi không còn nghe gì nữa.

Xa xa trên cánh đồng cỏ xanh vọng đến tiếng con Miramis hí vang. Có lẽ nó muốn nhắc tôi đã đến lúc nhanh nhanh trở về nhà với Đức Vua cha tôi.

"Tạm biệt cậu, Totty. Tạm biệt cậu, Minonna-Nell. Tạm biệt các bạn nhé," tôi nói.

"Tạm biệt, Mio. Tạm biệt, Pompoo," Totty nói. "Nhớ quay lại đây sớm nhé!"

"Ừ, chúng tớ sẽ sớm quay lại," tôi hứa.

Chúng tôi cất tiếng gọi con Miramis đến và leo lên lưng nó, rồi vội vã phi nước đại về nhà. Trời lúc này không tối lắm vì trăng đã lên cao, tỏa sáng khắp đồng cỏ xanh và trên những rặng cây im lìm khiến chúng như dát bạc, chẳng khác nào những cây bạch dương trong Vườn Hoa Hồng của Đức Vua cha tôi ở nhà.

Chúng tôi đến cầu Ánh Ban Mai, nhưng tôi gần như không nhận ra nó. Cây cầu trông lạ hẳn, cứ như được kết từ những tia bạc sáng lóng lánh vậy.

"Ban đêm nó có tên khác đấy," Pompoo nói khi chúng tôi lên cầu. "Thế ban đêm nó tên là gì?" tôi hỏi.

"Cầu Ánh Trăng," nó đáp.

Chúng tôi qua cầu Ánh Trăng lúc những anh lính gác đang chuẩn bị kéo nó lên. Từ tít xa, chúng tôi đã trông thấy các đồng lửa của những người chẵn cừu trên Đảo Đồng Xanh nhóm lên, lập lòe như những ngọn đèn nho nhỏ. Cả thế gian chìm trong tĩnh lặng hoàn toàn, chỉ có tiếng vó ngựa vang rền như sấm động trên mặt cầu. Dưới ánh trăng, Miramis trông như một con ngựa huyền ảo, còn bộ lông bờm của nó như không còn bằng vàng nữa, mà đã biến thành bạc nguyên chất.



Tôi chợt nghĩ đến Giếng Thì Thầm Ban Đêm và tất cả những truyện đã được nghe. Trong đó có một truyện đặc biệt mà tôi rất thích. Nó bắt đầu như thế này: "Ngày xưa ngày xưa, ở vương quốc nọ có một hoàng tử. Một đêm trăng sáng, cậu lên ngựa và bắt đầu một chuyến phiêu lưu..."

Bạn thử tưởng tượng xem, hoàng tử đó có thể chính là tôi đấy nhé! Vì dù sao, tôi cũng là con trai của Đức Vua cơ mà.

Chúng tôi tiến mỗi lúc một gần hơn về phía Đảo Đồng Xanh, và những chiếc móng vàng của con Miramis vẫn gõ vang như sấm động. Còn tôi vẫn nghĩ miên man về câu chuyện cổ tích suốt quãng đường và thấy nó mới đẹp làm sao: "Ngày xưa ngày xưa, ở vương quốc nọ có một hoàng tử. Một đêm trăng sáng, cậu lên ngựa và bắt đầu một chuyến phiêu lưu..."

Cậu ấy cười ngựa qua Rừng Sáng Trăng

HỒI CÒN SỐNG cùng chú Olaf và cô Hulda, tôi thường mượn truyện cổ tích ở thư viện. Nhưng cô Hulda không chịu nổi chuyện này.

"Lại gí mũi vào sách rồi," cô quát. "Mày nhỏ bé loắt choắt và ốm yếu cũng phải - vì mày có chịu ra ngoài chơi với bọn trẻ khác đâu."

Dĩ nhiên tôi có ra ngoài chơi - tôi gần như ở bên ngoài suốt ngày. Nhưng chắc là cô Hulda và chú Olaf còn muốn tôi đừng bao giờ bước chân vào nhà nữa kia. Tôi đoán bây giờ có lẽ họ đang vui lắm: vì tôi sẽ không bao giờ bước chân vào nhà họ nữa.

Chỉ đến tối tôi mới cố đọc một ít, và cũng năm thì mười họa thôi, cho nên đó không thể là lý do khiến tôi quá ốm yếu được. Giá cô Hulda nhìn thấy tôi đã rắn rỏi và lớn bồng lên, đã trở nên nâu rám và khỏe mạnh như thế nào nhỉ. Nếu bây giờ tôi về nhà ở trên Phố Bắc, tôi có thể trói một tay sau lưng mà vẫn cho thẳng Johnny một trận nên thân được. Nhưng tôi sẽ không làm thế đâu, vì tôi không muốn.

Tôi tự hỏi cô Hulda sẽ nói gì nếu cô được nghe kể về Giếng Thì Thầm Ban Đêm. Giá cô ấy biết được rằng có thể không cần ngồi cúi mũi vào sách để đọc truyện cổ tích, mà có thể đi ra ngoài trời thoáng đãng và nghe bao nhiêu truyện cổ tích cũng được. Có lẽ đến cả cô Hulda cũng thích như thế, mặc dù cô ấy vốn chẳng hài lòng với điều gì bao giờ.

Ừ, phải chi cô ấy biết ở Xứ sở Xa Xăm có một cái giếng thì thầm những câu chuyện cổ tích nhỉ.

"Ngày xưa ngày xưa, ở vương quốc nọ có một hoàng tử. Một đêm trăng sáng, cậu lên ngựa và bắt đầu một chuyến phiêu lưu... Cậu ấy cười ngựa qua Rừng Sáng Trăng..."

Cái giếng đã thì thầm như thế đấy, và tôi không sao quên được những lời của nó. Hình như cái giếng không vô tình kể câu chuyện này, mà muốn nhấn nhe một điều gì đặc biệt thì phải. Hình như nó muốn nói rằng tôi là chính là cậu hoàng tử đã từng cười ngựa qua Rừng Sáng

Trăng, và tôi cần phải đi lại con đường ấy một lần nữa. Cái giếng đã kể chuyện và hát cho tôi nghe suốt cả buổi tối chỉ để nhắc nhở phải làm điều gì mà thôi.

Tôi hỏi Đức Vua cha tôi rằng Người có biết Rừng Sáng Trăng ở nơi nào không.

"Rừng Sáng Trăng ở trên Vùng Đất Bên Kia Núi," Người đáp, giọng đầy sầu muộn. "Sao con lại muốn biết, Mio, con trai ta?"

"Đêm nay con muốn cưỡi ngựa đến đó, khi trăng lên," tôi nói.

Đức Vua cha tôi nhìn tôi đăm đăm kinh ngạc, "ồ, sớm thế sao?" Người thở dài, giọng càng sầu muộn hơn.

"Hay là cha không muốn con đi," tôi nói. "Hay cha lo lắng vì con sẽ ra khỏi nhà và phóng ngựa giữa đêm khuya trong Rừng Sáng Trăng?"

Đức Vua cha tôi lắc đầu. "Không, tại sao cha phải lo lắng chứ?" Người nói. "Một khu rừng say ngủ yên bình dưới ánh trăng chẳng có gì nguy hiểm cả."

Rồi Người im lặng ngồi xuống, vùi đầu vào hai lòng bàn tay, nom rõ là đang hết sức suy tư. Tôi đến bên, quàng cánh tay lên vai Người để an ủi và nói, "Cha có muốn con ở nhà với cha không?"

Người nhìn tôi một lúc lâu, đôi mắt buồn bã.

"Không, Mio, con trai ta, con không nên ở nhà. Trăng đã lên, Rừng Sáng Trăng đang đợi con."

"Cha có chắc chắn là cha sẽ không buồn không?" tôi hỏi.

"Có, cha chắc chắn," Người vừa đáp vừa vỗ nhẹ đầu tôi. Thế là tôi chạy đi rủ Pompoo cùng tôi đến Rừng Sáng Trăng. Nhưng tôi vừa chạy được vài bước, Đức Vua cha tôi đã gọi, "Mio, con trai ta!"

Tôi quay lại, Người đứng đó giơ cả hai tay về phía tôi, tôi chạy vội tới rồi gieo mình vào vòng tay Người. Người ôm tôi thật chặt, thật chặt một hồi lâu.

"Con sẽ trở về ngay," tôi hứa.

"Sẽ như vậy chứ?" Đức Vua cha tôi nói, giọng Người nhẹ như tiếng thì thầm.

Tôi tìm thấy Pompoo bên ngoài ngôi nhà nhỏ của ông Giữ vườn Hoa Hồng, và bảo nói nó là tôi sửa soạn cưỡi ngựa qua Rừng sáng Trăng.

"Ái chà, cuối cùng thì cũng đến lúc!" Pompoo nói.

Mọi chuyện quả là khó hiểu! Khi tôi bảo tôi muốn cưỡi ngựa qua Rừng Sáng Trăng, Đức Vua cha tôi nói "ồ, sớm thế sao?" còn Pompoo thì lại bảo "Ái chà, cuối cùng thì cũng đến lúc!" Nhưng tôi chẳng nghĩ làm gì cho một óc.

"Cậu đi với tớ chứ?" tôi hỏi.

Pompoo hít một hơi thật sâu. "ừ," nó nói. "Có, có!"

Chúng tôi chạy đi tìm con Miramis đang gặm cỏ trong Vườn Hoa Hồng, và bảo nó phải đưa chúng tôi đến Rừng Sáng Trăng. Con Miramis liền nhảy chồm lên như thể đó là điều nó muốn nghe nhất bấy lâu nay, và khi Pompoo và tôi vừa ngồi lên lưng nó, nó đã phóng vèo đi như một tia chớp.

Khi chúng tôi ra khỏi vườn Hoa Hồng, tôi nghe Đức Vua cha tôi gọi, "Mio, con trai ta!" tiếng gọi u buồn nhất mà tôi từng nghe thấy. Nhưng tôi không thể quay trở lại. Tôi không thể.

Vùng Đất Bên Kia Núi ở xa tít mù tắp. Không có con ngựa như Miramis thì có lẽ chúng tôi không thể nào đến được. Chúng tôi không bao giờ có thể vượt qua những dãy núi cao ngất chọc trời. Nhưng đối với Miramis thì chẳng thấm tháp gì. Nó bay vút qua những ngọn núi như chim. Tôi cho nó hạ xuống một đỉnh núi cao nhất vĩnh viễn phủ đầy băng tuyết, vẫn ngồi yên trên lưng ngựa, chúng tôi đưa mắt nhìn vùng đất đang chờ đợi mình bên chân núi. Rừng Sáng Trăng trải rộng trước mặt chúng tôi dưới ánh trăng, nom đẹp lộng lẫy và chẳng có chút gì nguy hiểm. Có thể chắc chắn rằng một khu rừng say ngủ dưới ánh trăng sẽ chẳng gây tai họa cho ai cả. Đức Vua cha tôi nói đúng. Vạn vật nơi đây đều tốt lành, chẳng cứ gì con người. Những cánh rừng, đồng cỏ, suối nước đều hiền hòa, và không hề nguy hiểm. Đêm cũng đẹp và yên ả hệt như ban ngày, ánh trăng cũng êm dịu hệt như ánh mặt trời, và bóng tối thì thật yên bình. Hoàn toàn không có gì đáng sợ cả.

Chỉ có một điều phải sợ. Chỉ có một điều duy nhất thôi.

Ngồi trên lưng con Miramis, tôi trông thấy xa xa bên kia Rừng Sáng Trăng một đất nước tối đen thăm thẳm, và bóng tối ấy thật hãi hùng, ghê sợ. Tôi không thể nhìn nó mà không rùng mình.

"Vùng đất nào kinh khủng thế kia?" tôi hỏi Pompoo.

"Đất Ngoài bắt đầu từ đó," Pompoo nói. "Chỗ đó là vùng giáp ranh với Đất Ngoài."

"Vùng đất của Nam tước Kato phải không?" tôi hỏi.

Vừa nghe thấy cái tên đó, con Miramis đã run bắn toàn thân vì sợ hãi, và một tảng đá lớn trên núi vỡ tung ra, đổ ầm ầm xuống thung lũng phía dưới.

Phải, chỉ có Nam tước Kato là đáng sợ thôi. Cực kỳ đáng sợ. Nhưng tôi cố không nghĩ đến ông ta nữa.

"Đến Rừng Sáng Trăng nhé," tôi nói với Pompoo. "Rừng Sáng Trăng là nơi tớ muốn đến lúc này."

Con Miramis hí lên, tiếng hí vang dội ở cao tít giữa các đỉnh núi. Rồi con Miramis từ từ bơi qua lớp không khí và hạ dần xuống khu Rừng Sáng Trăng nằm ở chân núi. Và từ khu rừng ở bên dưới có những tiếng hí dội lên đáp lại tiếng gọi của con Miramis, như thể có một trăm con ngựa đang hí vang trong bóng đêm.

Chúng tôi xuống mỗi lúc một thấp cho tới khi móng của con Miramis chạm vào các ngọn cây. Thật nhẹ nhàng, thật nhẹ nhàng chúng tôi chìm xuống giữa những cành lá xanh. Vậy là chúng tôi đã đến Rừng Sáng Trăng.

Trong đời mình, tôi chưa được vào rừng nhiều, nhưng tôi chắc không thể có một khu rừng nào khác như thế này. Rừng Sáng Trăng giữ trong mình một bí mật. Tôi cảm thấy nơi này có một bí mật lớn và quan trọng, nhưng vầng trăng đã giăng lên khắp khu rừng một màn sương hư ảo, vì thế tôi không đoán được bí mật đó nằm ở đâu. Chưa đoán được. Sương cuộn xoáy qua những lùm cây, thì thầm kể về điều bí mật, nhưng

tôi không hiểu. Còn cây cối thì đứng lặng thinh, mờ ảo trong ánh trăng, chúng đều biết về điều bí mật đó, nhưng tôi chẳng biết gì.

Bất chợt từ xa chúng tôi nghe tiếng vó ngựa rền vang như sấm. Như thể có một trăm con ngựa đang phi nước đại xuyên qua đêm tối, và khi con Miramis hí lên, nghe như có tiếng một trăm con ngựa cùng hí lên đáp lại. Tiếng vó ngựa rền vang càng lúc càng gần, tiếng hí càng lúc càng to, và rồi chúng ào đến vây quanh chúng tôi - một trăm con ngựa bạch bồm tung bay phấp phới. Con Miramis phi thẳng vào đàn ngựa, rồi chúng cùng nhau chạy ra một cánh đồng khoáng dãng nằm giữa rừng. Pompoo và tôi nhảy xuống đứng dưới một gốc cây, chúng tôi cùng nhìn đàn ngựa bạch do Miramis dẫn đầu đang chạy tản ra tứ phía dưới ánh trăng.

"Xem bọn chúng cuồng nhiệt chưa kìa," Pompoo nói.

"Sao chúng lại cuồng nhiệt như thế nhỉ?" tôi hỏi.

"Vì con Miramis trở về đây mà," Pompoo nói. "Cậu không biết con Miramis đã từng sống trong Rừng Sáng Trăng à?"

"Không, tớ không biết," tôi nói.

"Vẫn còn nhiều điều cậu không biết, Mio ạ!" Pompoo nói.

"Sao tớ lại có được Miramis nhỉ?" tôi hỏi.

"Vì Đức Vua của chúng ta đã gửi tới Rừng Sáng Trăng một thông điệp nói rằng: một trong số những con ngựa bạch của Người phải được đưa đến Đảo Đồng Xanh để làm ngựa của cậu."

Tôi ngẩng nhìn con Miramis đang tung vó phi dưới ánh trăng, và cảm thấy cực kỳ hạnh phúc, nhưng rồi tôi chợt thấy lo ngại.

"Pompoo, cậu có nghĩ là con Miramis buồn khi ở cùng với tớ không?" tôi hỏi. "Có thể nó sẽ nhớ Rừng Sáng Trăng."

Tôi vừa thốt ra những lời ấy, con Miramis liền chạy đến bên tôi ngay. Nó dựa đầu lên vai tôi rồi đứng yên một lúc, cất tiếng hí khe khẽ.

"Thấy chưa, nó thích ở với cậu đấy," Pompoo nói.

Tôi rất vui sướng. Tôi vỗ về con Miramis rồi cho nó một mẩu đường. Mũi nó mềm mại cọ vào tay tôi lúc nó ăn.



Chúng tôi cưỡi ngựa tiếp tục đi vào sâu hơn trong rừng, một trăm con ngựa bạch theo sau. Điều bí mật vẫn lơ lửng trong không trung, cả khu rừng đều biết, từng cái cây đều biết, những cây gia xanh, những cây hoàn điệp liễu xào xạc nhẹ nhẹ và thì thầm khe khẽ về điều đó khi chúng tôi đi qua. Đàn ngựa bạch biết điều đó, bầy chim nghe tiếng vó ngựa phi giạt mình thức giấc cũng biết điều đó. Vạn vật đều biết điều bí mật đó, trừ tôi. Có lẽ Pompoo nói đúng, "Vẫn còn nhiều điều cậu không biết, Mio ạ."

Tôi thúc ngựa dẫn bước, đàn ngựa bạch vẫn phi theo sau. Chúng tôi lao đi vun vút. Chiếc áo choàng đỏ của tôi vướng vào một cành cây. Có lẽ cái cây muốn níu tôi dừng lại, có lẽ nó muốn kể cho tôi nghe về điều bí mật chẳng? Nhưng tôi đang vội vã. Tôi tiếp tục phi nước đại, và tấm áo choàng của tôi bị xé rách thành một vệt dài.

Đột nhiên, ở giữa rừng sâu, chúng tôi bắt gặp một ngôi nhà cổ tích trắng tinh, mái lợp rơm vàng. Những cây táo xinh đẹp mọc quanh nhà, hoa táo trắng dịu ánh lên như sữa trong ánh trăng. Một ô cửa sổ nhỏ để mở, và từ bên trong vẳng ra tiếng gõ lách cách, nghe như có người đang dệt vải.

"Mình có nên vào xem ai đang dệt không nhỉ?" tôi hỏi Pompoo.

"Ừ, đi xem đi," nó nói.

Chúng tôi nhảy xuống khỏi lưng con Miramis và men theo lối mòn giữa hàng cây táo đến ngôi nhà. Chúng tôi gõ cửa, tiếng gõ lách cách

ngưng lại.

"Vào đi, những cậu bé dễ thương," một giọng nói vọng ra. "Ta đợi các cháu đã lâu rồi." Chúng tôi bước vào, Bà Thợ Dệt đang ngồi trước khung cửi. Nom bà vô cùng hiền hậu. Bà gật đầu chào chúng tôi.



"Sao đêm khuya bà không ngủ, mà lại dệt vải thế ạ?" tôi hỏi.

"Ta dệt tầm vải mộng mơ," bà nói. "Nó phải được dệt vào ban đêm."

Ánh trăng rọi qua cửa sổ, chiếu xuống tấm vải của bà làm nó sáng lên rực rỡ. Tôi chưa bao giờ thấy tấm vải nào đẹp như thế.

"Vải thần tiên và vải mộng mơ phải được dệt vào ban đêm," bà nói.

"Bà dệt bằng gì mà nó đẹp thế ạ?" tôi hỏi.

Bà Thợ Dệt không đáp mà lại bắt đầu dệt vải. Bà đập khung cửi và khe khẽ ngân nga một mình,

"Ôi ánh trăng, ánh trăng, dòng máu đỏ trong tim,

trắng bạc, trắng bạc và đỏ thắm,

oi những đóa hoa táo,

dệt tấm vải mịn màng và mềm mại.

Mềm hơn ngọn gió chiều

lướt qua thảm cỏ,

khi chim sầu hót trên cánh rừng."

Bà hát bằng một giọng khe khẽ, buồn thảm, nghe không hay lắm. Khi bà vừa ngưng tiếng hát, trong rừng lại vang lên một khúc nhạc khác, một khúc nhạc tôi đã từng được nghe. Bà Thợ Dệt nói đúng - con Chim Sầu đang hát trên cánh rừng. Nó đậu trên một ngọn cây cao, cất tiếng hát thê thiết làm não lòng người nghe.

"Sao Chim Sầu lại hát như thế ạ?" tôi hỏi Bà Thợ Dệt.

Bà bắt đầu khóc, nước mắt bà rơi trên tấm vải biến thành những hạt ngọc trai nhỏ lung linh, khiến tấm vải càng đẹp hơn trước.

"Sao Chim Sầu lại hát như thế ạ?" tôi lại hỏi.

"Nó đang hát về đứa con gái nhỏ của ta," Bà Thợ Dệt vừa nói vừa khóc thảm thiết hơn. "Nó hát về đứa con gái nhỏ đã bị tên kẻ cướp bắt mang đi của ta đấy."

"Tên kẻ cướp nào bắt con gái của bà cơ?" tôi hỏi mặc dù đã hiểu ngay ra tên kẻ cướp đó là ai. "Bà chớ nhắc tới tên ông ta," tôi van nài.

"Ta sẽ không nhắc đến đâu," Bà Thợ Dệt đáp, "kẻo mà ánh trăng sẽ tắt lụi và bầu ngựa bạch sẽ khóc ra những giọt lệ máu mắt."

"Sao chúng lại khóc ra lệ máu được ạ?" tôi hỏi.

"Vì chúng thương nhớ chú ngựa non cũng đã bị bắt mang đi," Bà Thợ Dệt nói. "Cháu hãy nghe Chim sầu hát trên cánh rừng kia!"

Tôi đứng giữa căn nhà nhỏ xinh xắn, lắng nghe Chim sầu hát bên ngoài khung cửa sổ mở ngỏ. Đêm đêm nó vẫn hát cho tôi nghe trong vườn Hoa Hồng, nhưng bây giờ tôi không hiểu nó hát về điều gì. Bây giờ thì tôi đã biết: nó hát về tất cả những người đã bị bắt đi, về đứa con gái nhỏ của Bà Thợ Dệt, về các em trai của Nonno và đứa em gái của Totty, và vô số, vô số những người khác nữa đã bị Nam tước Kato hung ác bắt và mang về lâu đài của hắn.

Đó là lý do người ta than khóc trong những ngôi nhà nhỏ bé trên Đảo Đồng Xanh, trên Vùng Đất Bên Kia Biển và Bên Kia Núi. Họ than khóc cho con cái mình, cho tất cả những đứa trẻ đã bị bắt mang đi. Ngay cả lũ ngựa bạch trong Rừng Sáng Trăng cũng than khóc cho một con

trong bầu, và chúng luôn khóc thành những giọt lệ máu khi nào chúng nghe thấy tên của gã kẻ cướp.

Nam tước Kato! Tôi khiếp sợ hân vô cùng. Khiếp sợ vô cùng! Nhưng khi tôi đứng đây, trong căn nhà nhỏ bé này, lắng nghe con Chim Sầu hót, một điều kỳ lạ xảy đến với tôi. Bất chợt tôi hiểu vì sao tôi lại phóng ngựa trong đêm qua Rừng Sáng Trăng. Bên kia khu rừng đã là nơi giáp ranh với vùng Đất Ngoài. Nơi ấy chính là nơi tôi phải đến. Tôi phải đến nơi ấy để chiến đấu với Nam tước Kato, mặc dù tôi vô cùng khiếp sợ, vô cùng khiếp sợ. Đúng thế, chỉ nghĩ đến những gì đang chờ đợi mình, nước mắt tôi đã mấp mé chực trào ra rồi.

Bà Thợ Dệt lại bắt tay dệt vải trở lại. Không để ý gì đến cả Pompoo lẫn tôi, bà tiếp tục ngân nga khúc nhạc buồn tẻ "ơi ánh trăng, ánh trăng, dòng máu đỏ trong tim.."

"Pompoo," tôi gọi, giọng lạ hân đi. "Pompoo, bây giờ tớ sẽ đến Đất Ngoài."

"Tớ biết rồi," Pompoo đáp.

Tôi thật sự sửng sốt. "Sao cậu biết? Tớ vừa mới nghĩ đến việc ấy thôi mà."

"Vẫn còn nhiều điều cậu không biết, Mio ạ," Pompoo nói.

"Thế cậu... cậu biết hết mọi việc chắc?" tôi hỏi.

"Ừ, tớ biết," Pompoo đáp. "Từ lâu tớ đã biết cậu sẽ đến Đất Ngoài. Mọi người đều biết cả."

"Mọi người đều biết á?"

"Ừ," Pompoo nói. "Chim sầu biết. Bà Thợ Dệt biết. Một trăm con ngựa bạch biết, cả Rừng Sáng Trăng đều biết, cây cối thì thâm điều ấy, cả cỏ, cả những cây táo nở hoa ngoài kia, chúng đều biết cả."

"Thật vậy sao?" tôi nói.

"Tất cả những người chẵn cừu trên Đảo Đồng Xanh đều biết, và hằng đêm họ vẫn thổi sáo về điều ấy. Nonno biết. Bà nó biết, Totty và các em

traí và em gái của nó đều biết. Giếng Thì Thầm Ban Đêm biết. Tớ nói cho cậu biết, tất cả đều đã biết rồi."

"Thế còn Đức Vua cha của tớ..?" tôi thì thào.

"Đức Vua lúc nào cũng biết," Pompoo nói.

"Thế Người có muốn tớ đi đến nơi ấy không?" tôi hỏi, không kim được giọng nói run run của mình.

"Muốn, Người có muốn," Pompoo nói. "Người buồn, nhưng Người muốn cậu đi đến nơi ấy."

"Nhưng mà tớ sợ lắm," tôi nói, rồi tôi òa khóc. Chỉ đến lúc này tôi mới hiểu ra tôi thực sự sợ hãi đến thế nào. Tôi nắm tay Pompoo.

"Pompoo, tớ không thể," tôi nói. "Tại sao Đức Vua cha tớ lại muốn tớ đi chứ?"

"Một chàng trai mang dòng máu hoàng tộc là người duy nhất có thể đi," Pompoo nói. "Chỉ có một chàng trai dòng dõi hoàng tộc mới làm được."

"Nhưng nhớ tớ chết thì sao?" tôi vừa nói, vừa nắm chặt cánh tay Pompoo.

Nó không trả lời.

"Đức Vua cha tớ muốn tớ đi bất kể chuyện gì sẽ xảy ra sao?"

Bà Thợ Dệt đã dệt xong, căn nhà im phăng phắc. Chim sầu lặng tiếng. Lá rừng thôi xào xạc. Không nghe thấy bất kỳ âm thanh khê khàng nào. Sự tĩnh mịch chết lặng bao trùm khắp nơi.

Pompoo gật đầu.

"Ừ," nó nói rất nhỏ đến mức tôi nghe không rõ. "Đức Vua muốn cậu đi bất kể chuyện gì sẽ xảy ra."

Tôi đau lòng. "Tớ không thể," tôi kêu lên. "Tớ không thể! Tớ không thể' đi được!"

Pompoo không nói gì. Nó chỉ nhìn tôi mà không thốt ra một lời. Nhưng Chim sầu lại cất tiếng hót, và khúc nhạc ấy khiến trái tim tôi như

thắt lại trong lồng ngực.

"Nó đang hát về đứa con gái nhỏ của ta," Bà Thợ Dệt nói, và nước mắt bà rơi lã chã biến thành những hạt ngọc trai lăn trên tấm vải.

Tôi nắm chặt hai tay. "Pompoo," tôi nói, "tớ sẽ đi ngay. Tớ sẽ đi tới Đất Ngoài."

Một cơn gió như tiếng thở dài lướt ào qua Rừng Sáng Trăng, và từ phía con Chim Sầu đang đậu trên ngọn cây cao vút lên một giọng hát lạnh lạnh chưa từng nghe thấy trong bất kỳ khu rừng nào trên thế gian.

"Tớ biết mà," Pompoo nói.

"Tạm biệt cậu, Pompoo," tôi nói mà gần như sắp khóc nức lên. "Tạm biệt, Pompoo thân yêu."

Nó nhìn tôi, mắt nó cực kỳ trù mẩn, nom như đôi mắt của Ben. Rồi nó thoáng mỉm cười.

"Tớ sẽ đi với cậu," nó nói.

Pompoo là bạn tôi, nó đúng là một người bạn chân chính. Tôi rất sung sướng khi nó nói rằng nó muốn đi với tôi. Nhưng tôi không muốn nó gặp nguy hiểm.

"Không, Pompoo ạ," tôi nói. "Cậu sẽ không đi với tớ, cậu không thể đi cùng tớ được."

"Không, tớ sẽ đi," Pompoo nói. "Một chàng trai mang dòng máu hoàng tộc ra đi trên lưng con ngựa trắng bờm vàng, cùng với người bạn thân thiết nhất - điều ấy đã được tiên tri! Cậu không thể thay đổi điều đã được tiên tri từ hàng nghìn, hàng nghìn năm về trước đâu."

"Hàng nghìn, hàng nghìn năm về trước," Bà Thợ Dệt thì thầm nhắc lại, "ta nhớ gió đã hát lên như thế trong cái đêm ta trông những cây táo, thời gian trôi qua lâu lắm rồi. Hàng nghìn, hàng nghìn năm về trước..." Bà gật đầu. "Lại đây, Mio, ta sẽ vá lại chiếc áo choàng cho cháu."

Bà gỡ tấm vải trên khung cửi, lấy một mảnh để vá chiếc áo choàng của tôi bị rách trong khi tôi cưỡi ngựa qua cánh rừng. Nhưng thế vẫn chưa hết. Bà còn may thêm một lần lót vào chiếc áo choàng của tôi bằng

tấm vải sáng lung linh, chiếc áo khoác trên vai tôi nhẹ nhàng, mềm mại và ấm áp.

"Ta sẽ tặng người cứu được đứa con gái nhỏ của ta tấm vải đẹp nhất," Bà Thợ Dệt nói. "Cháu hãy mang theo bánh, Bánh Hết Đói đây. Nhớ ăn dè sẻn nhé! Vì cháu sẽ đi trên con đường của người đói."

Bà đưa bánh cho tôi, và tôi cảm ơn bà. Rồi tôi quay sang Pompoo. "Sẵn sàng chưa, Pompoo?"

"Rồi, chúng ta đã sẵn sàng," Pompoo nói.

Chúng tôi bước ra cửa, men theo lối mòn len lỏi giữa những cây táo rồi lên ngựa. Vừa lúc Chim Sâu cũng sải đôi cánh đen bay về rặng núi.

Một trăm con ngựa bạch đứng im lìm dõi theo chúng tôi đi khuất qua hàng cây. Chúng không đi theo. Hoa táo lấp lánh như tuyết dưới ánh trăng. Chúng lấp lánh như tuyết... Biết đâu tôi sẽ không bao giờ còn được thấy những cây táo nở hoa trắng muốt xinh đẹp nhường ấy nữa...

Đàn Chim Bị Bùa Mê

CÓ LẼ TÔI SẼ CHẲNG BAO GIỜ còn được nhìn thấy những cây táo nở hoa, thảm cỏ mềm mại, và hàng cây xanh xào xạc nữa. Bởi vì bây giờ chúng tôi đang đến một nơi không có loài hoa nào, loài cây nào, loài cỏ nào có thể sinh sôi.

Chúng tôi đi suốt đêm. cứ đi mãi, đi mãi lên phía trước. Chẳng bao lâu Rừng Sáng Trăng thân ái đã xa khuất phía sau. Trước mặt chúng tôi là bóng tối. Ánh trăng mờ dần, mặt đất cứng đầy sỏi đá, những vách đá lởm chởm trơ trụi dựng lên sừng sững khắp mọi phía, càng lúc càng ép sát lại. Cuối cùng chúng tôi lọt vào một lối đi hẹp tối tăm, sâu hun hút giữa những vách đá đen ngòm cao ngất ở tít dưới lòng một khe núi.

"Ước gì trời đừng tối đặc thế này," Pompoo nói. "Ước gì núi đừng đen đặc thế này, và mình đừng quá nhỏ bé và cô đơn."

Con đường quanh co khúc khuỷu, như có muôn ngàn hiểm nguy rình rập ở mỗi khúc ngoặt. Con Miramis cũng cảm thấy điều đó. Toàn thân nó run rẩy, nó muốn quay về. Nhưng tôi nhất quyết ghì chặt dây cương thúc nó tiến lên phía trước. Con đường thu hẹp dần. Những vách đá đen ngòm vươn lên cao hơn. Bóng tối đặc quánh lại. Cuối cùng chúng tôi đến một nơi nom tựa như cái cổng, một lối vào rất hẹp giữa vách đá. Phía sau lối vào là bóng tối, đen thẫm thẫm hơn bất kỳ bóng tối nào trên thế gian.

"Đất Ngoài," Pompoo thì thào. "Lối vào Đất Ngoài đấy."

Con Miramis chồm lên giận dữ. Nó đứng dựng trên hai chân sau và cất tiếng hí vô cùng hoang dại. Tiếng hí của nó thảm thiết, và đó là âm thanh duy nhất, vì bóng tối phía sau cánh cổng im lặng như tờ. Bóng tối câm lặng như đang theo dõi chúng tôi - như đợi sẵn để chực nuốt chửng khi chúng tôi vừa vượt qua cánh cổng.

Tôi biết mình phải bước vào bóng tối. Và tôi không còn sợ hãi nữa. Bây giờ khi biết rằng hàng nghìn năm trước đã có lời tiên tri tôi sẽ đi qua khung cửa tối đen này, tôi thấy trong lòng can đảm hẳn lên. Tôi biết

dù có bất cứ điều gì xảy ra đi nữa, tôi vẫn cứ đi. Có thể tôi sẽ không bao giờ trở về, nhưng tôi đã quyết chí sẽ không sợ hãi.

Tôi thúc con Miramis lao vào bóng tối. Khi biết tôi không hề có ý định quay trở lại, nó cất bước phóng nhanh qua vòm cổng hẹp trên con đường tối đen phía trước. Chúng tôi lao đi trong đêm, xung quanh toàn bóng tối thăm thẳm, không thấy đường thấy lối nơi đâu.

Nhưng bên cạnh tôi có Pompoo. Nó ngồi sau tôi, ôm chặt, và tôi càng yêu quý nó hơn. Tôi không đơn độc. Tôi có một người bạn bên mình, người bạn thân nhất, đúng như lời tiên tri.

Tôi không biết mình đã phi ngựa trong bóng tối bao lâu. Có thể chỉ là một khoảnh khắc, có thể là hàng giờ, hàng giờ dài dặc. Hay có thể là cả hàng nghìn, hàng nghìn năm! Tựa như một chuyến đi trong mơ - một trong những giấc mơ kinh hoàng khiến bạn thét lên rồi thức giấc và sau đó rất lâu vẫn còn khiếp hãi. Nhưng đây không phải là giấc mơ mà tôi có thể tỉnh giấc. Chúng tôi cứ phi mãi, phi mãi, không biết mình đang đi đâu, không biết con đường bao xa. Chúng tôi cứ phi ngựa thâu đêm.

Cuối cùng con Miramis dừng khựng lại. Chúng tôi đã đến một cái hồ. Không giấc mơ kinh hãi nhất nào có thể sánh cùng nó. Trong những giấc mơ của tôi, đôi khi tôi vẫn thấy những vùng nước đen mênh mông mở ra trước mắt. Nhưng tôi chưa từng mơ, chưa ai trên đời từng mơ thấy những vùng nước tối đen như vùng nước đang ở ngay trước mắt tôi. Nó là vùng nước đen nhất, hoang tàn nhất trên thế gian. Quanh hồ chẳng có gì ngoài những khối đá đen cao vọi, trơ trụi. Chim chóc lượn lờ trên mặt nước âm ỉ, rất nhiều chim. Bạn không thể thấy chúng, nhưng có thể nghe tiếng chúng. Tôi chưa bao giờ nghe âm thanh nào buồn thảm như tiếng kêu than của chúng, ôi, tôi thương chúng xiết bao! Dường như chúng đang kêu cầu giúp đỡ. Những tiếng kêu như tiếng khóc than và tuyệt vọng.



Bên kia hồ, trên tảng đá cao nhất mọc lên sừng sững một tòa pháo đài khổng lồ đen trùi trùi. Chỉ có một ô cửa sổ sáng đèn. Nó, cái ô cửa sổ đó, nom như mắt quỷ, một con mắt quỷ đỏ ngầu hung ác, trừng trừng nhìn chúng tôi trong đêm như hăm dọa đem đến điều dữ.

"Lâu đài của Nam tước Kato!" Pompoo thì thầm, ở đó, bên kia mặt nước đen ngòm là kẻ thù mà tôi phải đến để chiến đấu. Con mắt quỷ trên mặt hồ trừng trừng nhìn tôi dọa dẫm, mặc dù tôi đã quyết định không sợ nữa. Nó làm tôi kinh hoàng - làm sao một người nhỏ bé như tôi có thể đánh bại một kẻ độc ác và nguy hiểm như Nam tước Kato?

"Cậu cần có một thanh gươm," Pompoo nói.

Nó vừa nói xong chúng tôi nghe có tiếng ai khóc than gần đó.

"ôi..., ôi... ôi," tiếng khóc rền rĩ. "Tôi sắp chết đói rồi, ôi... ôi... ôi!"

Tôi biết tiến về phía tiếng khóc mặc dù biết là sẽ nguy hiểm. Có thể là kẻ nào đó đang cố dụ chúng tôi vào bẫy. Nhưng dù đó là ai, tôi phải tìm đến xem họ có cần sự giúp đỡ thật hay không.

"Bọn mình phải xem là ai mới được," tôi bảo Pompoo. "Mình phải giúp họ."

"Tớ sẽ đi cùng cậu," Pompoo nói.

"Còn mày, Miramis, cứ ở đây nhé," tôi vừa nói vừa vuốt ve bờm nó. Nó hí lên đầy lo lắng.

Đừng lo," tôi nói. "Bọn tao sẽ quay lại ngay."

Tiếng than khóc của ai đó không xa lắm, nhưng vẫn khó tìm thấy họ trong bóng đêm.

"ôi... ôi... ôi," chúng tôi lại nghe. "Tôi sắp chết đói rồi, ôi... ôi... ôi!"

Chúng tôi vấp, chúng tôi trượt chân trên đá, ngã khụy trong bóng tối trong khi lần bước về phía tiếng khóc than rền rĩ, nhưng cuối cùng chúng tôi cũng tìm thấy một ngôi nhà nhỏ cũ kỹ. Đúng ra thì nó là một cái lán sơ sài. Nếu không dựa vào một vách đá thì nó đã đổ sập xuống. Trong ô cửa sổ nhỏ le lói ánh đèn mờ, chúng tôi bò tới kín đáo nhìn vào.



Một ông lão ngồi trong lán, một ông lão nhỏ bé đáng thương, gầy hốc hác, mái tóc bạc rối tung. Trong lò lửa cháy bập bùng, còn ông lão ngồi trước ngọn lửa, vừa vật vờ vừa nói, "ôi... ôi... ôi, tôi sắp chết đói rồi, ôi... ôi... ôi!"

Chúng tôi bèn bước vào. ông lão bé nhỏ im bật nhìn chúng tôi chăm chăm. Chúng tôi đứng trên ngưỡng cửa, còn ông thì mở to mắt kinh ngạc mà nhìn cứ như thể chưa từng thấy ai như chúng tôi bao giờ. Rồi có vẻ sợ hãi, ông giơ đôi bàn tay khẳng khiu lên che mặt.

"Đừng làm hại tôi," ông thì thào. "Đừng làm hại tôi!"

Tôi nói chúng tôi không đến để làm hại ông. "Chúng cháu nghe thấy ông bảo là ông đang đói," tôi nói. "Chúng cháu đến để đưa cho ông bánh."

Tôi lấy ổ bánh của Bà Thợ Dệt ra bẻ một miếng đưa cho ông lão. Ông vẫn cứ mở to mắt nhìn chúng tôi chằm chằm như trước. Tôi chìa miếng

bánh lại gần, nhưng ông vẫn nhìn tôi đầy khiếp sợ, như thể ông nghĩ rằng tôi đang dụ ông vào bẫy.

"Bánh đây," tôi nói. "ông đừng sợ!"

Bấy giờ ông lão mới rón rén đưa tay ra đón lấy miếng bánh, ông cầm mẫu bánh bằng cả hai tay mà mân mê. Rồi ông đưa bánh lên mũi ngửi. Và ông bắt đầu khóc.

"Bánh đây mà," ông thì thầm. "Bánh Hết Đói đây mà."

Rồi ông bắt đầu ăn miếng bánh. Tôi chưa từng thấy ai ăn như thế bao giờ. Ông cứ vừa ăn vừa khóc. Sau khi ăn xong, ông nhặt từng vụn bánh nhỏ rơi trên áo. Ông tìm mãi cho đến khi không còn vụn bánh nào, rồi ông lại nhìn chằm chằm về phía chúng tôi và nói, "Các cháu từ đâu đến? Các cháu lấy bánh này ở đâu ra? Hãy nghĩ đến những ngày ta chịu đói - cho ta biết các cháu lấy bánh ở đâu đi."

"Chúng cháu từ Xứ sở Xa Xăm đến. Bánh cũng mang từ nơi ấy," tôi nói.

"Sao các cháu lại đến đây?" ông lão thì thào.

"Để chiến đấu với Nam tước Kato," tôi nói.

Tôi vừa dứt lời, ông cụ thét lên rồi ngã nhào khỏi ghế. Ông lăn tròn như cuộn len xám trên sàn nhà rồi bò về phía chúng tôi. ông phủ phục sát chân chúng tôi, cặp mắt nhỏ âu lo ngược lên đăm đăm.

"Hãy trở về nơi cháu đã ra đi," ông thì thào. "Về ngay đi, trước khi quá muộn."

"Cháu không về," tôi nói. "Cháu đến để chiến đấu với Nam tước Kato."

Tôi nói đồng dục. Nghe tôi thốt lên tên Nam tước Kato, ông lão kinh hãi lặng người đi, và nhìn tôi chằm chằm cứ như chờ tôi ngã vật ra chết ngay lập tức trước mắt ông.

"ôi...ôi...ôi..." ông rên rỉ. "Đừng nói nữa, đừng nói nữa và hãy trở về nơi cháu đã ra đi. Ta nói rồi, đi đi, trước khi quá muộn." "Cháu không về," tôi nói. "Cháu đi đánh Nam tước Kato."



"Suyt," ông lão thì thầm, hồn vía như lên mây. "Ta đã bảo là đừng nói nữa mà. Bọn lính canh có thể nghe thấy đấy. Biết đâu chúng đang ẩn nấp bên ngoài."

Ông bò ra cửa, nghe ngóng vẻ hết sức âu lo. "Ta không nghe thấy ai ngoài này," ông nói. "Nhưng có thể chúng vẫn ở đấy. Chúng có thể ở đây, chúng có thể ở đó, hay ở bất cứ đâu. Bọn lính canh ở khắp... khắp nơi."

"Bọn lính canh của Nam tước Kato ư?" tôi hỏi.

"Im nào," ông lão thì thào. "Cháu muốn mất mạng lắm à? Cháu không giữ im lặng được sao?"

Ông ngồi xuống ghế rồi gật gù một mình, "ừ, ừ," ông nói, khế đến nỗi gần như chẳng nghe thấy gì. "Bọn lính canh nhan nhản khắp nơi, sáng, trưa, tối. Xó xỉnh nào cũng có."

Ông giơ tay nắm lấy cánh tay tôi. "Vì chuỗi ngày dài chịu đựng cơn đói," ông thì thào, "ta không tin một ai. Bước vào một ngôi nhà... cháu tưởng là đang ở giữa bạn bè. Nhưng đừng tin: cháu đang ở giữa kẻ thù. Chúng sẽ phản lại cháu. Chúng sẽ nộp cháu cho kẻ sống bên kia hồ. Đừng tin ai. Đừng tin ta! Làm sao cháu biết ta sẽ không cho bọn lính canh bám theo cháu ngay sau khi cháu bước ra khỏi cửa cơ chứ?"

"Cháu không tin ông sẽ làm thế," tôi nói.

"Chẳng ai nói chắc được," ông cụ thì thào. "Cháu chẳng bao giờ biết chắc được."

Ông ngồi lặng im trong giây lát và suy nghĩ.

"Không đâu, ta sẽ không cho lính canh bám theo cháu đâu," ông nói.

"Trên mảnh đất này vẫn còn vài người không phải là kẻ phản bội. Rồi vẫn còn có cả những người đang rèn vũ khí nữa."

"Chúng cháu cần vũ khí," Pompoo nói. "Mio cần có một thanh gươm."

Ông lão không đáp. ông đi mở tung cửa sổ. Từ bên ngoài vọng vào những tiếng kêu buồn bã của đàn chim bên kia hồ. Những tiếng kêu như than khóc trong đêm đen thẫm.

"Hãy nghe đi," ông lão bảo tôi. "Cháu có nghe chúng than khóc không? Cháu có muốn làm một con chim bay rền rĩ trên mặt hồ không?"

"Những con chim gì thế ạ?" tôi hỏi.

"Chúng là những con Chim Bị Bùa Mê," ông cụ thì thào. "Cháu biết rõ kẻ nào đã bỏ bùa chúng. Cháu biết rõ kẻ nào đã bắt chúng. Bây giờ cháu biết điều gì sẽ xảy đến với những người định chiến đấu với tên kẻ cướp rồi chứ."

Tôi rất buồn khi nghe điều ông nói. Đàn chim là các em trai của Nonno, em gái của Totty, đứa con gái nhỏ của Bà Thợ Dệt, và tất cả những người đã bị Nam tước Kato bắt và bỏ bùa. ôi, tôi sẽ chiến đấu với hắn - tôi nhất định phải chiến đấu với hắn!

"Mio cần có một thanh gươm," Pompoo nói. "Chẳng ai đi đánh nhau mà lại không có gươm cả."

"Ông bảo có người rèn vũ khí mà," tôi nhắc.

Ông lão nhìn tôi chằm chằm, gần như giận dữ. "Cháu không sợ chết khi vẫn còn trẻ à?" ông nói.

"Những người rèn vũ khí đang ở đâu ạ?" tôi lại hỏi.

"Đừng nói nữa," ông nói rồi vội vàng đóng ập cửa sổ lại. "Đừng nói nữa, bọn lính canh có thể nghe thấy đấy."

Ông rón rén tới bên cửa, áp tai vào nghe ngóng.

"Ta chẳng nghe thấy ai ngoài ấy," ông nói. "Nhưng chúng vẫn có thể ở đấy. Bọn lính canh ở khắp nơi."

Ông ghé xuống, thì thầm vào tai tôi, "Cháu hãy đến chỗ ông Thợ Rèn Gươm, nói với ông ấy là Eno gửi cháu đến. Cháu phải nói là cháu cần một thanh gươm có thể chém xuyên qua đá. Cháu phải nói cháu là hiệp sĩ ở Xứ sở Xa Xăm." ông nhìn tôi một lúc lâu rồi nói, "Vì ta tin cháu là hiệp sĩ, đúng không?"

"Đúng ạ," Pompoo trả lời thay tôi. "Cậu ấy là hiệp sĩ và là hoàng tử. Hoàng tử Mio ở Xứ sở Xa Xăm. Cậu ấy phải có một thanh gươm."

"Cháu phải tìm ông Thợ Rèn Gươm ở đâu?" tôi hỏi.

"Ở Hang Sâu Nhất trong Ngọn Núi Đen Nhất," ông nói. "Băng qua Rừng Chết! Đi ngay đi!"

Ông lại ra mở cửa sổ. Xa xa từ phía mặt hồ, những tiếng chim than khóc lại cất lên trong đêm.

"Đi ngay đi, Hoàng tử Mio," ông nói. "Ta sẽ ngồi đây cầu mong cho mọi việc suôn sẻ. Nhưng có thể tối mai ta sẽ nghe tiếng một con chim mới bay liệng khóc than trên mặt hồ mất thôi."

Trong Rừng Chết

ĐÚNG LÚC CHÚNG TÔI VỪA khép cánh cửa nhà ông lão Eno lại sau lưng, tôi nghe tiếng con Miramis hí lên. Nó hí ầm ĩ đầy tuyệt vọng. Hình như nó đang gọi, "Mio, đến đây, cứu tôi với!"

Tim tôi thót lại vì sợ hãi, "Pompoo, bọn chúng đang làm gì Miramis thế kia?" tôi thét lên. "Cậu nghe thấy gì không? Bọn chúng đang làm gì Miramis thế kia?"

"Im nào," Pompoo nói. "Chúng bắt nó đi rồi... bọn lính canh..."

"Bọn lính canh bắt Miramis u?" tôi thét lên, không cần biết có kẻ nào nghe thấy hay không.

"Cậu phải giữ im lặng chứ," Pompoo thì thào. "Nếu không bọn chúng bắt cả mình nữa đấy."

Nhưng tôi không nghe lời nó. Miramis, con ngựa của tôi! Bọn chúng bắt mất con ngựa của tôi! Nó là con ngựa tốt nhất và đẹp nhất thế gian.

Tôi lại nghe tiếng nó hí và nghĩ đúng là nó đang gào thét "Mio, cứu tôi với!"

"Nào," Pompoo nói, "mình phải xem bọn chúng đang làm gì với nó."

Chúng tôi leo qua những tảng đá trong bóng tối. Chúng tôi bò rồi lại trèo. Các ngón tay tôi bị cạnh đá sắc cứa vào, nhưng tôi không hề biết. Tôi đang lo lắng cho số phận của con Miramis.

Nó đang đứng vươn mình trên một mỏm đá, trắng rực lên trong bóng đêm. Miramis của tôi, con ngựa rực rỡ nhất, xinh đẹp nhất thế gian!



Nó hí lên hung dữ, rồi chồm lên, cố thoát ra. Nhưng năm tên lính canh đen ngòm vây chặt lấy nó, hai tên ghì sợi dây cương. Con Miramis tội nghiệp quá hoảng sợ và điều đó cũng không có gì đáng ngạc nhiên. Vì bọn lính canh đen ngòm thật dễ sợ, chúng nói với nhau bằng thứ giọng ken két rợn người. Pompoo và tôi bò đến gần rồi nấp sau mấy tảng đá, nghe xem chúng nói gì.



"Tốt nhất là đưa nó qua Hồ Chết bằng chiếc thuyền đen," một tên trong bọn nói.

"Ừ, đưa thẳng qua Hồ Chết đến chỗ Nam tước Kato," một tên khác nói.

Tôi muốn quát lên bảo chúng hãy để con ngựa của tôi được yên, nhưng tôi không làm thế. Ai sẽ đánh Nam tước Kato nếu tôi bị bọn lính canh bắt đi nào? Ôi, tại sao tôi phải là người đánh nhau với Nam tước Kato chứ? Lúc nấp sau tảng đá, tôi thấy hồi hận kinh khủng. Tại sao tôi không ở nhà với Đức Vua cha tôi, ở đó không ai có thể lấy mất con ngựa của tôi! Tôi nghe đám chim Bị Bùa Mê than khóc ngoài hồ, nhưng tôi chẳng quan tâm đến chúng. Tôi chẳng quan tâm gì đến chúng cả. Chúng

cứ tiếp tục bị bỏ bùa đi, miễn là tôi lấy lại được con Miramis bờm vàng của mình.

Chắc chắn phải có kẻ nào đó đã vượt qua biên giới," một tên lính canh nói. "Chắc chắn phải có kẻ nào cưỡi con ngựa bạch này. Kẻ thù đang ở giữa chúng ta."

"Ừ, kẻ thù đang ở giữa chúng ta," một tên khác nói. "Bắt nó quá dễ. Nam tước Kato sẽ đề bẹp rồi tiêu diệt nó còn dễ hơn nữa."

Nghe vậy, tôi run lấy bầy. Kẻ thù đã vượt qua biên giới chính là tôi. Kẻ mà Nam tước Kato sẽ đề bẹp rồi tiêu diệt cũng chính là tôi. Tôi càng ân hận vì đã đến đây. Tôi muốn trở về, với Đức Vua cha tôi. Tôi nhớ Đức Vua cha tôi lắm, tôi băn khoăn tự hỏi không hiểu Người có nhớ thương và lo lắng cho tôi không? Ước gì Người ở đây và có thể trợ giúp tôi. Tôi ước gì được trò chuyện với Người trong giây lát. Tôi sẽ thưa với Người, "Con biết cha muốn con đi chiến đấu với Nam tước Kato, nhưng cha hãy làm ơn cứu con thoát khỏi nơi đây. Cha hãy giúp con đưa con Miramis về và để chúng con ra khỏi đây! Cha biết trước kia con chưa bao giờ có một con ngựa của riêng mình, con yêu nó. Cha cũng biết con chưa bao giờ có một người cha. Nếu Nam tước Kato bắt con thì con sẽ không bao giờ được gặp lại cha nữa. Hãy giúp con thoát khỏi nơi này! Con không muốn ở đây thêm chút nào nữa. Con muốn ở bên cha. Con muốn về nhà ở Đảo Đồng Xanh với con Miramis cơ."

Và thế là, khi tôi nằm rạp trốn sau các tảng đá mà nghĩ về đủ thứ chuyện, tôi có cảm giác như nghe thấy giọng nói của Đức Vua cha tôi. Dĩ nhiên tôi chỉ tưởng tượng ra mà thôi, nhưng tôi nghĩ tôi nghe được tiếng nói của Người.

"Mio, con trai ta," Người nói.

Chỉ vậy thôi. Nhưng tôi hiểu Người muốn tôi can đảm, đừng nằm đó khóc lóc như một đứa trẻ, cho dù bọn chúng đã bắt mất con Miramis. Tôi là một hiệp sĩ. Tôi không còn là thằng bé Mio dựng lều trong Vườn Hoa Hồng, và vừa lang thang qua những ngọn đồi trên Đảo Đồng Xanh vừa thổi sáo nữa. Tôi là một hiệp sĩ, một hiệp sĩ tốt, không hung ác như Nam tước Kato. Mà một hiệp sĩ thì phải can đảm và không được khóc lóc.

Thế là tôi không khóc, mặc dù tôi trông thấy bọn lính canh dắt con Miramis xuống hồ, bắt nó lên một chiếc thuyền đen to tướng. Tôi không khóc, nhưng con Miramis cất tiếng hí như bị chúng đánh. Tôi không khóc khi bọn lính canh cầm lấy mái chèo và khóa nước ì oạp trên mặt hồ đen thẫm. Tiếng mái chèo khua càng lúc càng nhỏ dần, và trước khi con thuyền biến khỏi tầm nhìn rồi khuất dạng trong bóng tối, từ tí xa trên mặt hồ còn vọng lại tiếng hí cuối cùng đầy tuyệt vọng của con Miramis - nhưng tôi không khóc. Vì tôi là một hiệp sĩ.

Phải chăng tôi đã không khóc? Nói đúng ra thì có, tôi có khóc. Tôi nằm sau những tảng đá, tì trán vào mặt đất rắn đanh và khóc nức nở như chưa bao giờ được khóc trong cuộc đời mình. Một hiệp sĩ tốt phải nói sự thật. Sự thật là tôi đã khóc. Vì con Miramis. Tôi cứ khóc mãi, và khi nghĩ đến đôi mắt trung thành của nó tôi lại càng khóc nhiều hơn. Bà Thợ Dệt đã nói rằng một trăm con ngựa bạch khóc ra máu vì con ngựa non bị bắt đưa đi mất. Có thể tôi cũng khóc ra máu vì con Miramis, ai mà biết được?



Trời quá tối nên tôi không nhìn thấy. Con Miramis bờm vàng của tôi! Nó đã bị bắt đi rồi, có thể tôi sẽ không bao giờ được gặp lại nó nữa.

Pompoo cúi xuống, đặt tay lên vai tôi.

"Đừng khóc nữa, Mio," nó nói. "Mình phải đi gặp ông Thợ Rèn Gươm. Cậu cần có một thanh gươm."

Tôi còn muốn khóc nữa, nhưng tôi cố cầm nước mắt. Tôi hít một hơi thật sâu. Rồi chúng tôi đi tìm ông Thợ Rèn Gươm.

"Băng qua Rừng Chết," ông lão Eno đã nói. Nhưng Rừng Chết ở đâu?

"Chúng ta phải tìm thấy ông Thợ Rèn Gươm trước khi trời sáng," tôi bảo Pompoo. "Bóng tối sẽ giúp chúng ta lẩn tránh bọn lính canh. Ngay trong đêm, chúng ta phải băng nhanh qua Rừng Chết."

Chúng tôi leo qua những tảng đá dẫn bước về phía ngôi nhà nhỏ của ông lão Eno. Ngôi nhà tối tăm và im lìm, không còn ai than khóc bên trong. Chúng tôi tiếp tục dẫn bước vào bóng đêm, và cuối cùng đã đến được Rừng Chết. Trong rừng không có gió rì rào, lá cây không xào xạc, bởi vì chẳng hề có chiếc lá xanh bé nhỏ nào. Nơi đây chỉ có những thân cây chết đen sạm với những cành đen khẳng khiu chết chóc.

"Chúng ta đã vào Rừng Chết rồi đấy," Pompoo nói khi chúng tôi bước đi dưới những hàng cây.

"Ừ, vào thì chúng ta đã vào rồi," tôi nói, "nhưng tớ e rằng khó mà ra được."

Đi trong khu rừng này thật dễ lạc như chơi. Đó là loại rừng chỉ có thể thấy trong những giấc mơ thật hãi hùng mà thôi, bạn cứ đi mãi, đi mãi chẳng bao giờ tìm thấy lối ra hết cả.

Chúng tôi nắm tay nhau thật chặt, Pompoo và tôi, chúng tôi đi qua Rừng Chết, cảm thấy mình thật nhỏ bé và lạc lõng. Những cái cây chết khô đứng san sát, khiến việc di chuyển vô cùng khó khăn.

"Ước gì những cái cây đừng mọc sát nhau quá," Pompoo nói. "Ước gì bóng đêm đừng tối quá và mình không nhỏ bé và cô đơn thế này!"

Chúng tôi cứ đi mãi. Đôi khi nghe văng vẳng tiếng người. Đó là tiếng của bọn lính canh. Có lẽ ông lão Eno nói đúng, bọn lính canh của Nam tước Kato nhan nhản khắp nơi. Chắc chắn bọn chúng đầy rẫy trong Rừng Chết. Mỗi khi nghe tiếng chúng xa xa giữa rừng, chúng tôi đứng im phăng phắc, Pompoo và tôi, không dám thở. Chúng tôi cứ đi mãi.

"Đêm trong Rừng Chết sao mà dài thế," Pompoo nói. "Nhưng đừng đến hang của ông Thợ Rèn Gươm có lẽ còn xa hơn nữa đấy."

"Pompoo, cậu có tin là mình sẽ tìm thấy ông ấy..." tôi mở lời. Nhưng rồi tôi im bặt. Tôi không thể nói thêm một tiếng nào, vì từ giữa đám cây một hàng lính canh đen ngòm đang tiến về phía chúng tôi. Bọn chúng

tiến thẳng đến chỗ chúng tôi, tôi biết thế là hết. Pompoo cũng thấy chúng, nó siết tay tôi thật chặt. Bọn chúng chưa thấy chúng tôi, nhưng chẳng mấy chốc chúng sẽ thấy, và thế là hết. Tôi sẽ không bao giờ có cơ hội đánh nhau với Nam tước Kato nữa. Và tối mai ông lão Eno sẽ nghe thấy tiếng hai con chim mới vừa bay vừa than khóc trên mặt hồ.

Bọn lính canh tiến đến mỗi lúc một gần hơn, chúng tôi thì cứ đứng đó đợi, không có đủ sức lực mà nhúc nhích. Nhưng rồi một điều kỳ lạ diễn ra. Trong thân cây cổ thụ đen thẫm đứng sát cạnh chúng tôi bỗng mở ra một cái hốc sâu hun hút. Chưa kịp hiểu ra chuyện gì thì cả hai chúng tôi đã lọt vào bên trong cái hốc cây, rồi ngồi đó run rẩy như hai con chim non bị điều hâu săn lùng. Bây giờ, bọn lính canh đã đến sát bên cạnh, và chúng tôi đã nghe rõ tiếng bọn chúng.

"Chúng mày có nghe thấy không? Có kẻ nào đó đang trò chuyện trong Rừng Chết," một tên trong bọn nói. "Kẻ nào đang nói trong Rừng Chết được nhỉ?"

"Kẻ thù đang ở quanh chúng ta," một tên khác nói. "Chắc chắn là kẻ thù đang nói trong Rừng Chết."

"Nếu kẻ thù đang ở trong Rừng Chết thì bọn ta cũng sẽ tìm thấy nó ngay thôi," một tên khác nói. "Tìm đi! Tìm khắp nơi đi!"



Chúng tôi nghe thấy chúng sục sạo tìm kiếm giữa rừng cây. Chúng tôi nghe rõ tiếng bước chân rón rén của chúng ở bên ngoài. Ngồi nép thu lu trong cái hốc cây, chúng tôi cảm thấy mình thật bé nhỏ và sợ hãi.

Bọn chúng tìm kiếm một hồi thật lâu, nhưng không phát hiện ra chúng tôi. Rồi tiếng bọn chúng mỗi lúc một xa dần. Cuối cùng tất cả trở lại tĩnh lặng. Cái hốc cây đã cứu chúng tôi.

Tại sao cái cây lại cứu chúng tôi? Tôi không hiểu. Phải chăng vì cả Rừng Chết đều ghét Nam tước Kato, và sẵn lòng giúp đỡ bất cứ ai đến đánh hắn? Rất có thể thân cây chết này đã từng là một cây con khỏe mạnh, phủ đầy lá xanh non xào xạc mỗi khi gió lướt qua cành. Có thể chính tội ác của Nam tước Kato đã khiến chúng héo khô rồi chết. Tôi nghĩ cây cối sẽ không bao giờ tha thứ cho kẻ nào đã tàn phá những chiếc lá xanh non của chúng. Có lẽ vì thế mà cái cây này muốn giúp bất cứ ai đến đánh Nam tước Kato.

"Cảm ơn cây tốt bụng," tôi nói lúc chúng tôi bò ra khỏi hốc cây. Nhưng cái cây đứng chết lặng, và không trả lời.

Chúng tôi đi mãi, xuyên qua Rừng Chết.

"Bình minh lên rồi," Pompoo nói, "mà mình vẫn chưa tìm thấy hang của ông Thợ Rèn Gươm."

Phải, đêm đã gần tàn. Nhưng bình minh ở xứ sở này không trong trẻo và rạng rỡ như ở nhà chúng tôi. Bình minh nơi đây xám xịt, mờ đục, không khác bóng đêm là mấy. Tôi nhớ đến buổi rạng đông ở nhà, trên Đảo Đồng Xanh, vào giờ này chúng tôi đang cưỡi con Miramis lao đi, cỏ ướt đầm sương, từng nhánh cỏ non lấp lánh. Tôi vừa đi vừa nghĩ đến con Miramis, và gần như quên là mình đang ở đâu. Vì thế tôi không ngạc nhiên hay hoảng sợ chút nào khi nghe tiếng vó ngựa đến gần. "Con Miramis đây rồi," tôi nghĩ. Nhưng Pompoo nắm lấy tay tôi, thì thầm, "Nghe kìa! Bọn lính canh đang cưỡi ngựa qua Rừng chết đấy."

Vậy là hết. Tôi biết thế! Giờ thì chẳng còn ai cứu được chúng tôi nữa. Chẳng mấy chốc chúng tôi sẽ thấy lũ lính canh đen ngòm từ trong rừng cây tiến đến, chúng sẽ thấy chúng tôi. Chúng phi ngựa ào ào như gió, rồi chỉ cần cúi xuống tóm lấy chúng tôi quăng lên ngựa và phóng về lâu đài của Nam tước Kato. Tôi sẽ chẳng bao giờ có dịp giao chiến với hắn nữa. Rồi tối mai ông lão Eno sẽ nghe thấy tiếng hai con chim mới vừa bay vừa than khóc trên mặt hồ.

Vậy là hết. Tôi biết chắc. Tiếng vó ngựa mỗi lúc một gần hơn. Nhưng rồi điều kỳ lạ diễn ra. Mặt đất đá sỏi lại nứt toác trước mặt chúng tôi, rồi một cái hang lộ ra. Chưa kịp hiểu ra chuyện gì thì cả hai đứa chúng tôi đã lọt vào trong hang, run rẩy như hai con thỏ non bị cáo săn đuổi.

Vừa kịp ngồi yên bên trong, chúng tôi đã nghe tiếng vó ngựa đến sát ngay trên đầu mình, bên trên cái hang. Tiếng móng nện thình thình như sấm động quần thảo mặt đất ngay trên đầu mình. Những tảng đất vụn ra lả tả rơi xuống. Chúng tôi ngồi nép mình thu lu, cảm thấy nhỏ bé và sợ hãi.

Nhưng rồi không gian trở lại tĩnh lặng. Tĩnh lặng như không có tên lính canh nào trong Rừng Chết. Chúng tôi đợi thêm một lúc.

"Tớ nghĩ bây giờ mình bò ra được rồi đấy," cuối cùng tôi nói.

Nhưng ngay lúc đó chúng tôi lại nghe tiếng vó ngựa rầm rập khủng khiếp. Bọn lính canh đang quay lại. Một lần nữa những tiếng vó ngựa lại nện ầm ầm như sấm động trên đầu, chúng tôi nghe thấy bọn lính canh quát tháo inh ỏi. Chúng nhảy xuống ngựa, ngồi trên mặt đất ngay phía ngoài hang. Chúng tôi có thể thấy bọn chúng qua khe hở. Bọn chúng ở gần đến nỗi nếu thò tay ra là chúng tôi có thể chạm vào chúng được.

"Nam tước Kato có lệnh phải bắt bằng được kẻ thù," một tên trong bọn nói. "Kẻ thù cưỡi con ngựa bạch phải bị bắt tối nay. Đó là lệnh của Nam tước Kato."

"Kẻ thù đang ở giữa chúng ta," một tên khác nói, "chúng ta chắc chắn sẽ bắt được nó. Tìm đi! Tìm khắp nơi đi!"

Đen ngòm và gớm ghiếc, bọn chúng ngồi sát sạt cạnh chúng tôi, bàn cách bắt chúng tôi. Bên trên những vòm cây trụi trụi của Rừng Chết hừng lên một ban mai mờ đục, còn lũ ngựa đen của bọn lính canh thì hung hãn tấp mồm vào hàm thiếc và giậm chân thình thịch lên mặt đất.

"Tìm đi! Tìm khắp nơi đi!" một tên lính canh nói. "Này, cái hố gì trên mặt đất đằng kia thế?"

"Một cái hang," một tên khác đáp. "Có thể kẻ thù ở trong đó. Lục soát khắp mọi nơi đi!"

Pompoo và tôi ôm chặt lấy nhau. Tôi biết thế là hết.

"Tao sẽ chọc cây giáo của tao vào," một tên lính canh nói. "Nếu kẻ thù ở trong đó thì tao sẽ xuyên thủng nó bằng mũi giáo của tao."

Chúng tôi thấy một ngọn giáo đâm xuyên qua cửa hang. Chúng tôi cố hết sức bò thật sâu vào hang. Nhưng ngọn giáo dài, mũi giáo nhọn càng lúc càng gần. Ngọn giáo cứ đâm mãi. Nhưng không trúng chúng tôi. Nó đâm trúng vách hang giữa Pompoo và tôi, nhưng không trúng chúng tôi.

"Tìm đi! Lục soát khắp Rừng Chết đi!" lũ lính canh bên ngoài gào lên. "Lệnh của Nam tước Kato là kẻ thù phải bị bắt. Nhưng nó không có ở đây. Tìm khắp nơi đi!"

Rồi lũ lính canh cưỡi lên lưng lũ ngựa đen và phóng đi.

Chúng tôi đã được an toàn. Cái hang đã cứu chúng tôi, tôi tự hỏi tại sao. Phải chăng ngay cả đất đai cũng căm ghét Nam tước Kato và sẵn lòng giúp bất cứ ai đến đánh hắn? Có lẽ cỏ xanh mềm mại đã từng mọc trên mặt đất này, đã từng ươm mầm sương mai. Có lẽ chính sự tàn ác của Nam tước Kato đã làm cho cỏ héo úa rồi chết đi. Tôi tin đất đai sẽ không bao giờ có thể tha thứ cho kẻ nào tàn phá cỏ xanh mềm mại đã từng mọc ở đó. Chắc vì thế đất đai mới bảo vệ người đến đánh Nam tước Kato.

"Cảm ơn, mặt đất tốt bụng," tôi nói lúc chúng tôi ra đi. Nhưng mặt đất không đáp lời. Nó nằm im, và cái hang đã biến mất.

Chúng tôi cứ đi, đi mãi đến tận cùng Rừng Chết. Núi non và vách đá lại dựng đứng lên trước mắt. Nỗi tuyệt vọng xâm chiếm tôi. Chúng tôi đã trở lại những dãy núi xung quanh Hồ chết, chúng tôi cảm thấy quá tuyệt vọng, Pompoo và tôi. Cứ đi nữa cũng chẳng có ích gì. Chúng tôi sẽ chẳng bao giờ tìm thấy ông Thợ Rèn Gươm. Chúng tôi đã băng qua Rừng Chết suốt đêm, bây giờ lại trở về đúng điểm xuất phát. Ngôi nhà nhỏ của ông lão Eno ở đằng kia, nhỏ bé, xám xịt và tiêu tụy. Nó đứng dựa lưng vào vách đá để khỏi đổ sập xuống. Cái vách đá mà nó dựa vào cao vút và đen nhánh.

"Đây chắc chắn là ngọn núi đen nhất thế gian," Pompoo nói.

Ngọn núi đen nhất - đúng, tất nhiên đó là nơi phải có cái hang của Ông Thợ Rèn Gươm! "Cái Hang Sâu Nhất trong Ngọn Núi Đen Nhất," ông lão Eno đã nói như thế.

"Ôi, Pompoo," tôi bật nói. "Cậu sẽ thấy..."

Nhưng tôi chột nín bật. Rồi tôi biết thế là hết, vì một hàng dài lính canh đen ngòm từ Rừng Chết đang xông ra. Có tên chạy bộ, có tên cưỡi ngựa đen lao tới, tất cả tiến thẳng về phía chúng tôi. Bọn chúng đã thấy chúng tôi, chúng quát tháo ầm ĩ bằng giọng ken két góm ghiếc.

"Kẻ thù ở giữa chúng ta. Nó kia kia! Bắt lấy nó! Bắt lấy nó! Lệnh của Nam tước Kato là kẻ thù phải bị bắt."

Chúng tôi đứng đó, Pompoo và tôi, lưng dựa vào vách đá, thấy lũ lính canh mỗi lúc một đến gần. Phải, thế là hết! Tôi sẽ chẳng bao giờ được chiến đấu với Nam tước Kato nữa. Thật đáng buồn làm sao! Tôi chỉ muốn nằm lăn ra đất mà khóc thôi. Tối mai ông lão Eno sẽ nghe thấy tiếng một con chim bay lượn trên mặt hồ, một con chim khóc than lớn hơn và sầu não hơn tất cả những con chim khác trong bầy. Và ông lão Eno sẽ đứng bên cửa sổ, lầm bầm một mình, "Hoàng tử Mio đang bay ngoài kia."

Hang Sâu Nhất trong Ngọn Núi Đen Nhất

NHƯNG RỒI ĐIỀU kỳ lạ lại diễn ra. Vách đá mà chúng tôi đang ép sát người vào bỗng mở ra, và chưa kịp hiểu vì sao vách đá lại mở ra, chúng tôi đã đứng trong lòng núi, Pompoo và tôi, run rẩy như hai con cừu non bị chó sói săn đuổi.

Chúng tôi không phải sợ hãi nữa. Chúng tôi đang ở trong lòng núi và lũ lính canh ở bên ngoài. Vách đá đã đóng lại, không một khe hở. Bọn chúng không bao giờ bắt được chúng tôi trong này. Nhưng chúng tôi nghe tiếng chúng đang vô cùng giận dữ.

"Tìm đi! Tìm khắp nơi đi!" chúng quát tháo. "Kẻ thù ở giữa chúng ta, nhưng bây giờ nó đã biến mất. Tìm khắp nơi đi!"

"Hừ, các người cứ tìm đi," tôi nói. "Các người sẽ không bao giờ tìm thấy bọn ta trong này đâu."

Chúng tôi rất khoái chí, Pompoo và tôi, chúng tôi cười vang trong núi. Nhưng nghĩ đến con Miramis, tôi lại không cười được nữa.

Chúng tôi nhìn xung quanh. Chúng tôi đang ở trong một cái hang lớn. Hang tối, nhưng không tối hoàn toàn. Có một tia sáng le lói, nhưng chúng tôi không biết nó phát ra từ đâu. Từ hang đá mở ra nhiều đường hầm chằng chịt dẫn sâu vào lòng núi.

"Ông Thợ Rèn Gươm sống ở Hang Sâu Nhất trong Ngọn Núi Đen Nhất," ông lão Eno đã nói thế. Có lẽ một trong những đường hầm này dẫn tới chỗ ông Thợ Rèn Gươm, nhưng là lối nào đây? Chúng tôi không biết. Có thể chúng tôi sẽ phải còn đi lâu nữa mới tìm được ông.

"Thế là mình đã vào được Ngọn Núi Đen Nhất rồi," Pompoo nói.

"Vào Ngọn Núi Đen Nhất thì mình đã vào rồi," tôi nói, "nhưng tớ e là mình khó mà tìm được lối ra đấy."

Ở trong lòng quả núi này quả là rất dễ bị lạc. Một ngọn núi như thế này chỉ có thể thấy trong những giấc mơ đáng sợ mà thôi. Bạn cứ đi mãi

trong những đường hầm tối đen kỳ lạ, và chẳng bao giờ tìm được lối ra cả.

Tay trong tay, Pompoo và tôi đi sâu vào lòng núi. Chúng tôi cảm thấy mình quá ư bé nhỏ và hoang mang, mà con đường dẫn tới Hang Sâu Nhất có lẽ còn dài hun hút.

"Ôi, ước gì núi đừng đáng sợ như thế này," Pompoo nói. "Ước gì các đường hầm đừng tối tăm, ước gì mình đừng nhỏ bé và cô đơn thế này."

Chúng tôi cứ đi mãi, đi mãi. Thỉnh thoảng lối đi rẽ thành các nhánh đâm ra các hướng. Những con đường tối đen chằng chịt đâm sâu mãi. Thỉnh thoảng ánh sáng chập chờn rọi lên đôi chút, vì thế chúng tôi có thể nhìn thấy vài mét ở phía trước, nhưng có lúc thì tối tăm mù mịt chẳng nhìn được gì. Đôi chỗ trần hang thấp đến mức chúng tôi phải bước lom khom, có chỗ lại mở cao lên như vòm giáo đường. Vách núi ẩm lạnh, chúng tôi phải quấn chặt áo choàng quanh mình cho khỏi rét cóng.

"Có lẽ bọn mình sẽ chẳng bao giờ tìm được lối ra, chẳng bao giờ tìm được hang của ông Thợ Rèn Gươm," Pompoo nói.

Cảm thấy đói bụng, chúng tôi bèn lấy Bánh Hết Đói ra nhấm nháp. Chúng tôi chỉ ăn tí tẹo thôi, vì không biết sẽ phải ở đây đến bao giờ.

Chúng tôi vừa đi vừa ăn, đến khi tôi ăn hết mẩu bánh của mình thì chúng tôi đến một ngã ba.

Từ vách đá nước nhỏ giọt tí tách, mà tôi thì đang khát cháy cổ. Tôi dừng lại uống nước. Nước chẳng ngon lành gì, nhưng không còn gì khác. Khi uống xong tôi quay sang Pompoo. Nhưng Pompoo không còn ở đó. Nó đã biến mất. Có lẽ nó không biết tôi dừng lại uống nước nên nó cứ tiếp tục tiến vào một trong ba lối đi và nghĩ là tôi đang bám sát đằng sau.

Thoạt đầu tôi không thấy sợ. Tôi đứng ở đầu ngã rẽ, băn khoăn không biết Pompoo đã đi lối nào. Có lẽ nó chưa thể đi xa quá vài bước chân, tôi chỉ cần gọi to lên là được mà.

"Pompoo, cậu đang ở đâu đây?" tôi gào lên hết cỡ. Nhưng tiếng gọi của tôi vang lên chỉ như những tiếng thì thầm ma quái, chẳng hiểu núi

non gì mà quái lạ. Những vách đá bóp nghẹt tiếng gọi của tôi, khiến nó lặng đi thành những tiếng thì thầm. Từ trong lòng núi nó khe khẽ dội lại và lan xa.

"Pompoo, cậu đang ở đâu đấy?" hành lang tối thì thầm. "Pompoo, cậu đang ở đâu đấy... Pompoo, cậu đang ở đâu đấy?"

Tôi bắt đầu phát hoảng, và càng cố gọi to hơn, nhưng ngọn núi cứ tiếp tục thì thầm lặp lại những lời của tôi. Cứ như tôi đang nghe thấy giọng nói của một ai đó khác, chứ không phải của chính mình. Một kẻ nào đó đang ngồi tít trong lòng núi mà giấu cợt tôi.

"Pompoo, cậu đang ở đâu đấy... Pompoo, cậu đang ở đâu đấy... Pompoo, cậu đang ở đâu đấy?" tiếng vọng thì thầm.

Ôi, sợ quá! Tôi cuống cuồng đâm bổ mấy bước vào ngã rẽ bên trái, rồi lại chạy vội ra đầu ngã ba, chạy sang bên phải, quay trở lại, rồi cuống quýt lao vào con đường chính giữa. "Pompoo, cậu đi đường nào thế?" Tôi không dám gọi to, vì tiếng thì thầm thật đáng sợ. Nhưng tôi nghĩ nhất định Pompoo biết tôi mong gặp nó và muốn nó quay lại với tôi kinh khủng.

Lối đi lại rẽ nhánh. Hướng nào cũng mở ra thành những lối đi tối tăm chằng chịt, còn tôi thì cứ chạy quần quanh tìm kiếm. Tôi cố nén khóc, vì tôi là một hiệp sĩ. Nhưng lúc này tôi không còn đủ sức để làm hiệp sĩ nữa. Tôi nghĩ Pompoo đang chạy đâu đó trên một lối đi khác, vừa lo lắng vừa gọi tôi, thế là tôi nằm xuống sàn đá lồm chồm mà khóc tầm tã y như lúc bọn lính canh bắt mất con Miramis. Tôi đã chẳng còn con Miramis, chẳng còn Pompoo nữa. Tôi đã hoàn toàn đơn độc. Tôi nằm khóc, hối tiếc vì mình đã đến đây, tôi không biết vì sao Đức Vua cha tôi lại muốn tôi ra đi chiến đấu với Nam tước Kato. Tôi ước gì có Đức Vua cha tôi ở đây để tôi có thể bày tỏ với ông.

"Đấy, con hoàn toàn cô đơn," tôi sẽ nói như thế. "Pompoo mất tích rồi, cha biết bây giờ nó là bạn thân nhất của con vì con không có Ben nữa. Bây giờ con cũng chẳng còn Pompoo. Con hoàn toàn cô đơn chỉ vì cha muốn con đi đánh Nam tước Kato."

Lần đầu tiên tôi gần như nghĩ rằng Đức Vua cha tôi đã có phần bất công khi muốn tôi mạo hiểm thế này. Nhưng trong lúc nằm khóc trên

nền đá lạnh, và ngẫm nghĩ về những nỗi bất hạnh của mình, dường như tôi nghe tiếng Đức Vua cha tôi. Tôi biết đó chỉ là tưởng tượng của tôi, nhưng tôi thực sự nghĩ là mình đã nghe thấy tiếng của Người.



"Mio, con trai ta," Người nói.

Thế thôi. Nhưng những lời đó vang lên như thể Người muốn an ủi tôi: nín đi, chẳng có lý do gì khiến con phải buồn khổ hết, không có đâu! Và tôi nghĩ có lẽ cuối cùng tôi cũng sẽ tìm thấy Pompoo.

Thế là tôi đứng bật dậy, và từ trong túi có vật gì đó rơi ra. Đó chính là cây sáo gỗ nhỏ mà Nonno đã khoét cho tôi. Cây sáo tôi đã thổi bên đồng lửa đốt lên trên Đảo Đồng Xanh.

"Sẽ ra sao, nếu mình thổi sáo nhỉ?" tôi ngẫm nghĩ. "Mình sẽ thổi khúc nhạc cổ xưa mà Nonno đã dạy." Tôi nhớ Pompoo và tôi đã từng hứa với nhau, "Nếu một trong hai đứa gặp chuyện không may, mình sẽ thổi điệu nhạc cổ xưa này nhé."

Tôi nâng cây sáo lên môi, nhưng ngập ngừng không dám thổi. Biết đâu những âm thanh ma quái trầm đục khủng khiếp ấy lại nổi lên, như khi tôi lớn tiếng gọi Pompoo thì sao. Nhưng tôi nghĩ mình phải thử. Thế là tôi bắt đầu thổi khúc nhạc.

Ôi! Tiếng sáo mới trong trẻo, thanh khiết làm sao! Nó véo von vang lên trong lòng ngọn núi tối tăm, nghe như còn hay gấp bội lần hồi còn ở trên Đảo Đồng Xanh.

Tôi thổi hết khúc nhạc, rồi lắng nghe. Từ tí xa trong lòng núi, có tiếng nhạc trong vắt đáp lại. Tiếng nhạc khẽ khàng, nhưng tôi biết Pompoo đang trả lời. Tôi chưa bao giờ mừng rỡ đến thế.

Tôi tiếp tục thổi, và mặc dù đang vui sướng, nước mắt tôi vẫn trào ra. Tôi cứ vừa đi vừa thổi sáo và vừa thốn thức. Những âm thanh vang vẳng mỗi lúc một gần hơn. Khúc nhạc cổ xưa từ cây sáo của Pompoo

mỗi lúc một trong vắt, trong vắt hơn và vang lên réo rắt hơn. Rồi đột nhiên Pompoo hiện ra ngay trước mặt tôi. Pompoo, người bạn tốt nhất của tôi. Tôi đưa tay ra chạm vào nó. Tôi quàng cánh tay lên vai nó. Tôi ôm lấy nó. Tôi muốn chắc chắn quả đúng là nó. Và đó chính là nó! Người bạn thân thiết nhất của tôi.

"Nêu còn gặp lại được Nonno, tớ sẽ cảm ơn nó đã làm cây sáo cho bọn mình," Pompoo nói.

"Tớ cũng thế," tôi nói.

Nhưng rồi tôi nghĩ có lẽ chúng tôi sẽ chẳng bao giờ được gặp lại Nonno nữa.

"Ponipoo, bây giờ mình đi lối nào?" tôi nói.

"Đi lối nào cũng được, miễn là mình đi cùng nhau," Pompoo nói.

Tôi cũng nghĩ y như thế. Chúng tôi cứ đi mãi, đi mãi, không cảm thấy mình là những đứa trẻ nhỏ bé và bơ vơ nữa. Vì chúng tôi đang ở bên nhau và đang cùng nhau thổi sáo. Khúc nhạc cổ xưa trong trẻo và véo von tuyệt diệu vang lên trong lòng Ngọn Núi Đen Nhất, như muốn an ủi chúng tôi và khích lệ chúng tôi thêm phần can đảm.

Lối đi dốc xuống, càng lúc càng sâu. Ánh sáng yếu ớt rọi chập chờn lên những vách đá lúc này hơi sáng hơn. Hình như có một ngọn lửa. Đúng, có ngọn lửa đang bập bùng cháy sáng trong bếp lò và hắt lên những vách đá tối đen lờm chờm, càng lúc càng tỏa rạng.

Và thế là chúng tôi vừa thổi khúc nhạc cổ xưa vừa bước vào hang của ông Thợ Rèn Gươm.

Chúng tôi đến bên lò rèn, một ngọn lửa khổng lồ cháy rùng rục bên trong. Có một cái đe to, bên cạnh cái đe là một người đàn ông đang đứng, ông có lẽ là người to lớn nhất và tráng kiện nhất mà tôi từng được thấy, ông có mái tóc dài màu đỏ rậm rì và một bộ râu dài cũng màu đỏ. Ông đen như bồ hóng, và có bàn tay to nhất và đen nhất mà tôi từng thấy. Lòng mày của ông dày và rậm. Khi chúng tôi bước vào hang, ông đứng yên nhìn chúng tôi với cặp lông mày nhướng lên đầy ngạc nhiên.

"Ai thổi sáo trong núi của ta thế?" ông nói. "Ai đang thổi sáo trong núi của ta thế?"

"Một hiệp sĩ và một tùy tùng," Pompoo nói. "Một hiệp sĩ đến từ Xứ Sở Xa Xăm. Hoàng tử Mio là người thổi sáo trong núi của ông."

Ông Thợ Rèn Gươm tiến về phía tôi. ông lấy ngón tay đen như bồ hóng sờ trán tôi và có vẻ ngạc nhiên.

"Vàng trán của cháu đẹp làm sao," ông nói. "Mắt cháu mới trong làm sao! Cháu thổi sáo trong núi của ta mới hay làm sao!"

"Cháu đến xin ông một thanh gươm," tôi nói. "Ông lão Eno bảo cháu đến đây."

"Cháu cần gươm làm gì?" ông Thợ Rèn Gươm hỏi.

"Cháu sẽ chiến đấu với Nam tước Kato," tôi đáp.

Tôi vừa dứt lời, ông Thợ Rèn Gươm gầm lên một tiếng khủng khiếp mà tôi chưa từng nghe thấy bao giờ.

"Nam tước Kato!" ông quát lên, tiếng vang âm trong núi. "Nam tước Kato, quân chết tiệt!"

Cứ như thể tiếng sấm ầm ầm lan xa trong những lối ngầm âm u. Tiếng quát của ông Thợ Rèn Gươm không bị bóp nghẹt thành tiếng thì thầm. Không, nó oang oang và vang vọng to hơn cả tiếng sấm dội giữa những vách đá.

Ông Thợ Rèn Gươm đứng đó, đôi tay to tướng đen sì của ông siết chặt, ánh lửa đỏ hắt lên khuôn mặt tối sẫm vì giận dữ của ông.

"Nam tước Kato, quân chết tiệt!" ông lại rít lên.

Ánh lửa đỏ đỏ dài trên một hàng những thanh gươm sắc lẹm treo trên vách hang. Chúng lóe lên và sáng ánh trông hết sức rùng rợn. Tôi bước tới nhìn chúng, ông Thợ Rèn Gươm ngưng hét và tiến lại gần tôi.

"Hãy ngắm gươm của ta," ông nói. "tất cả những thanh gươm sắc của ta. Ta đã rèn chúng cho Nam tước Kato. ông Thợ Rèn Gươm của Nam tước Kato chính là ta."

"Nếu ông là Ông Thợ Rèn Gươm cho hắc thì tại sao ông lại quát 'Nam tước Kato chết tiệt?' " tôi hỏi.

Ông siết nắm tay chặt đến nỗi các đốt ngón tay đều trắng bệch. "Vì không ai căm ghét Nam tước Kato bằng ông Thợ Rèn Gươm của hắc," ông nói.

Rồi tôi thấy ông kéo lê một sợi xích sắt dài xiềng ông vào vách núi. Dây xích khua loảng xoảng mỗi khi ông bước trên sàn.

"Sao ông lại bị xích vào núi?" tôi hỏi. "Tại sao ông không nung sợi xích trên ngọn lửa rồi chặt đứt nó trên cái đe của ông?"

"Chính Nam tước Kato đã xích chặt ta lại," ông Thợ Rèn Gươm nói.

Không ngọn lửa nào, không cây búa nào có thể làm đứt dây xích của hắc. Không dễ gì chặt đứt dây xích đúc từ lòng thù hận của Nam tước Kato."

"Vì sao ông lại phải đeo sợi xích đúc từ lòng thù hận như thế?" tôi hỏi.

"Vì ta rèn gươm cho hắc," ông nói. "Ta rèn những thanh gươm giết người tốt và kẻ vô tội. Đó là lý do Nam tước Kato xích chặt ta lại bằng dây xích bền chắc nhất. Hắc không thể xoay sở nếu không có những thanh gươm của ta."

Ông Thợ Rèn Gươm nhìn tôi bằng cặp mắt rực lửa. "Ta ngồi trong hang này rèn gươm cho Nam tước Kato. Ngày đêm ta rèn gươm cho hắc, hắc biết. Nhưng có một điều hắc không biết và đó là cái này."

Ông Thợ Rèn Gươm kéo lê dây xích tới góc hang tối nhất, và lấy từ trong hốc đá ra một thanh gươm.

Thanh gươm rực sáng như ngọn lửa trong tay ông.

"Ta rèn thanh gươm chém được đá này đã hàng nghìn năm," ông nói. "Và cuối cùng, chính trong đêm nay, ta đã rèn xong."

Ông vung thanh gươm chém một nhát xẻ toạc vách đá.

"Ôi, thanh gươm của ta, Gươm Lửa của ta," ông lẩm bẩm. "Thanh gươm chém đá của ta!"

"Sao ông lại phải rèn thanh gươm chém đá?" tôi hỏi.

"Để ta kể cho cháu nghe," ông Thợ Rèn Gươm nói. "Thanh gươm này rèn ra không để giết người tốt và kẻ vô tội. Thanh gươm này nằm đây để đợi Nam tước Kato. Hắn có trái tim bằng đá. Cháu không biết sao?"

"Không, cháu biết rất ít về Nam tước Kato," tôi nói. "Cháu chỉ biết cháu phải đi đánh nhau với hắn thôi."

"Hắn có trái tim bằng đá," ông Thợ Rèn Gươm nói, "và bộ vuốt bằng sắt."

"Hắn có bộ vuốt sắt ư?" tôi nói.

"Cháu không biết sao?" ông Thợ Rèn Gươm nói. "Bàn tay phải của hắn bị cụt và được thay bằng bộ vuốt sắt."

"Hắn dùng bộ vuốt sắt để làm gì?" tôi hỏi.



"Hắn moi tim người ra khỏi lồng ngực," ông Thợ Rèn Gươm nói. "Chỉ cần bộ vuốt sắt chạm đến là lập tức quả tim tan nát. Rồi hắn thay vào đó một quả tim bằng đá. Hắn bắt buộc mọi người xung quanh hắn phải có một quả tim đá."

Nghe thế tôi rùng mình. Và mỗi lúc một thêm ao ước chóng đến lúc được chiến đấu với Nam tước Kato.

Ông Thợ Rèn Gươm đứng cạnh tôi. Ông dùng đôi tay đen như bồ hống vuốt ve thanh gươm. Chắc chắn nó phải là báu vật quý giá vô song

của ông.

"Hãy cho cháu thanh gươm chém đá của ông," tôi xin. "Cho cháu thanh gươm của ông để cháu đi tiêu diệt Nam tước Kato."

Ông Thợ Rèn Gươm đứng lặng nhìn tôi hồi lâu. "Ừ, cho cháu thanh gươm của ta," cuối cùng ông nói. "Cháu hãy cầm lấy Gươm Lửa của ta đi. Chỉ vì trán cháu đẹp, mắt cháu trong sáng, và vì cháu thối sáo rất hay trong ngọn núi của ta thôi đấy."

Ông đặt thanh Gươm Lửa vào tay tôi. Phút chốc tôi thấy mình trở nên cực kỳ khỏe, như thể ngọn lửa từ thanh gươm đã truyền đi khắp cơ thể tôi.

Sau đó, Ông Thợ Rèn Gươm bước tới bên vách hang và mở toang một ô cửa nhỏ bí mật. Một luồng gió lạnh buốt ủa vào cùng với tiếng sóng vỗ rì rầm.

"Nam tước Kato biết rất nhiều thứ," ông Thợ Rèn Gươm nói. "Nhưng hẳn không biết ta đã đục thủng núi đá để mở cửa ngục tù. Ta đã khoan trong nhiều năm để có cửa sổ trong cái nhà tù của ta."

Tôi bước tới bên lỗ hổng, đưa mắt nhìn qua mặt Hồ Chết tới tận lâu đài của Nam tước Kato. Đêm đã lại buông, tòa lâu đài đúng sừng sững âm u và ma quái hết như tôi đã trông thấy trước đó. Và cũng như lần trước, từ đó có một ô cửa sổ duy nhất sáng lóe trùng trùng như con mắt quỷ nhìn ra mặt nước Hồ Chết.

Pompoo bước đến và đứng cạnh tôi. Chúng tôi im lặng, cùng nghĩ về trận chiến sắp tới.

Ông Thợ Rèn Gươm đứng sau lưng chúng tôi. Tôi nghe tiếng ông thốt lên, "Giờ sắp điểm, giờ sắp điểm! Trận chiến cuối cùng của Nam tước Kato sắp đến."

Bộ Vuốt Sắt

NHỮNG ĐÁM MÂY đen kịt sà xuống mặt hồ âm u, không gian đầy tiếng kêu khóc của lũ Chim Bị Bùa Mê. Những con sóng tung bọt đen, con thuyền của chúng tôi sẽ lướt trên những con sóng đó mà qua Hồ Chết, hoặc có thể sẽ bị chúng xô đập vào ghềnh đá nằm không xa dưới chân lâu đài của Nam tước Kato.

Ông Thợ Rèn Gươm đứng cạnh lỗ cửa và nhìn tôi tháo dây neo con thuyền bé nhỏ. Nó được neo trên một cái vịnh nhỏ ở trong núi, nằm khuất giữa những vách đá cao.

"Nam tước Kato biết rất nhiều thứ," ông Thợ Rèn Gươm nói, "nhưng hẳn không biết Hồ Chết ăn sâu vào ngọn núi của ta, hẳn không biết. Hẳn không biết gì về cái vịnh bí mật của ta, không biết gì về con thuyền neo ở trên cái bến bí mật dưới cửa sổ của ta."

"Ông có con thuyền làm gì nếu ông bị xích thế và ông chẳng bao giờ được chèo?" tôi hỏi.

"Ta chèo được," ông Thợ Rèn Gươm nói. "Ta leo qua cái cửa hang này, kéo thật căng sợi dây xích, rồi ta chèo. Ta có thể chèo được một quãng dài bằng ba lần con thuyền trong cái vịnh bí mật của ta."

Ông đứng cạnh cửa hang, bóng ông to lớn sừng sững và đen thẫm trên bến. Trời rất tối, nên tôi không thấy rõ ông, nhưng tôi nghe tiếng ông cười. Tiếng cười lạ lùng, đáng sợ, như thể ông thực sự không biết cười.

"Nam tước Kato biết rất nhiều thứ," ông nói. "Nhưng hẳn còn chưa biết người lên con thuyền của ta sẽ vượt Hồ Chết tối nay."

"Nhưng cũng có việc ông không biết," tôi nói. "ông không biết con thuyền của ông liệu có còn trở lại với ông nữa hay không. Có thể đêm nay nó sẽ chìm sâu xuống đáy hồ. Có thể nó sẽ giống như chiếc nô bị sóng đánh ngã nghiêng giữa lòng Hồ Chết, và trong chiếc nô đó là cháu và Pompoo đang ngủ. Lúc đó ông sẽ nói gì?"

Ông Thợ Rèn Gươm thở dài.

"Nêu như thế thì ta sẽ nói, 'Hãy ngủ cho ngon, Hoàng tử Mio! Ngủ ngon trong nôi cho sóng đu đưa!'"



Tôi vung mái chèo lên, và bóng ông Thợ Rèn Gươm dần khuất. Ông biến mất vào bóng đêm. Nhưng chúng tôi chưa kịp vượt qua đoạn kênh hẹp thông giữa cái vịnh bí mật và Hồ Chết thì đã nghe tiếng ông gọi khẽ, "Cẩn thận nhé, Hoàng tử Mio. Cẩn thận trước Bộ vuốt sắt nhé. Hãy cầm gươm sẵn sàng, nếu không Hoàng tử Mio sẽ chết."

"Hoàng tử Mio sẽ chết... Hoàng tử Mio sẽ chết," những vách đá xung quanh chúng tôi thì thầm ma quái. Nhưng tôi không có thời gian để nghĩ ngợi, vì đúng lúc đó Hồ Chết nổi sóng dữ dội ập vào con thuyền của chúng tôi, đẩy nó rời xa ngọn núi của ông Thợ Rèn Gươm.

Con thuyền lướt đến một vùng nước sâu, cuộn xoáy, ở cách bờ rất xa. Cả Pompoo và tôi đều cảm thấy mình quá nhỏ nhoi và hoảng sợ.

"Ước gì con thuyền của mình đừng quá nhỏ thế này," Pompoo nói. "Ước gì cái hồ đừng sâu thăm thẳm thế này, những con sóng đừng cuộn cuộn thế này, ước gì mình đừng quá nhỏ bé và cô đơn!"

Chao ôi, sóng ở Hồ Chết mới dữ dội làm sao! Tôi chưa từng thấy những con sóng dữ dội đến thế bao giờ. Sóng đổ ào lên chúng tôi, xô đẩy, cuốn chúng tôi đi băng băng mỗi lúc một xa hơn, tới đối mặt với những con sóng còn cuồng nộ hơn. Chèo chống chỉ vô ích. Chúng tôi gồng hết sức mình giữ chặt mái chèo, nhưng một đợt sóng chồm lên giật phăng một mái chèo, rồi một đợt sóng hung hãn khác xô vào bẻ gãy nốt mái chèo kia. Sóng tung bọt dựng đứng xung quanh chúng tôi và con thuyền bé nhỏ, mỏng mảnh của chúng tôi.

"Bọn mình mất hết mái chèo rồi," Pompoo nói. "Chẳng mấy chốc có lẽ con thuyền cũng chẳng còn. Nếu sóng ném bọn mình vào vách đá ở dưới chân lâu đài của Nam tước Kato thì con thuyền sẽ vỡ tan mất thôi. Lúc đó thì mình sẽ chẳng cần đến cả mái chèo lẫn con thuyền nữa."

Lũ Chim Bị Bùa Mê từ khắp nơi bay đến. Chúng lượn vòng quanh chúng tôi, vừa kêu thảng thốt vừa than vãn về số phận của mình. Chúng bay rất gần. Có thể thấy rõ những đôi mắt nhỏ của chúng vô hồn, sâu muện trong bóng tối.

"Có phải chim là em trai của Nonno đấy không?" tôi hỏi một con. "Có phải chim là em gái nhỏ của Totty đấy không?" tôi hỏi một con khác.

Nhưng chúng chỉ nhìn tôi bằng cặp mắt nhỏ vô hồn, sâu muện, và tiếng kêu của chúng nghe vô cùng tuyệt vọng.

Mặc dù mái chèo không còn nữa và con thuyền bị sóng đánh tơi tả đã thành rệu rã, chúng tôi vẫn tấp thẳng đến lâu đài của Nam tước Kato. Đó là nơi những con sóng muốn đưa chúng tôi đến, là nơi chúng nghĩ rằng chúng sẽ đập chúng tôi vào vách đá. Chúng tôi phải chết dưới chân Nam tước Kato. Đó là điều những con sóng muốn.

Chúng tôi ngày càng đến gần vách đá hiểm trở, càng lúc càng gần tòa lâu đài thâm u có con mắt trùng trùng ma quái, con thuyền mỗi lúc một lướt nhanh, sóng càng lúc càng dữ dội.

"Giờ thì," Pompoo nói, "giờ thì... ối, Mio ơi, thôi hết rồi!"

Nhưng rồi một điều kỳ lạ đã xảy ra. Ngay lúc chúng tôi tưởng mình chết đến nơi rồi thì sóng chợt dịu dần rồi trở nên êm ả. Sóng nhịp nhàng đưa con thuyền của chúng tôi vượt qua tất cả những bãi đá ngầm nguy hiểm, rồi nhẹ nhàng đẩy nó áp vào vách đá đen lờm chờm ngay bên chân tòa lâu đài của Nam tước Kato.

Tại sao lúc đầu những con sóng trào lên giận dữ như thế rồi lại lặng dần? Tôi không hiểu. Có lẽ sóng căm ghét Nam tước Kato và vui mừng giúp người nào đến tiêu diệt hắn. Có lẽ Hồ Chết đã từng là một hồ nước xanh nhỏ vui tươi giữa đôi bờ thanh bình, một hồ nước nhỏ phản chiếu ánh nắng vào những ngày hè tươi đẹp với những con sóng lăn tăn rì rào vỗ vào bờ đá. Có lẽ đã có thời trẻ em bơi lội và chơi đùa trên bờ, tiếng cười của trẻ em reo vang trên mặt nước chứ không phải tiếng than khóc sầu muộn của đàn Chim Bị Bùa Mê như bây giờ. Có lẽ vì thế sóng đã dâng cao quanh chúng tôi, vì thế chúng đã sủi bọt thành hàng rào che chúng tôi khỏi con mắt trừng trừng ma quái từ tòa lâu đài nằm trên cao.

"Cảm ơn hồ nước tốt bụng!" tôi nói. "Cảm ơn những con sóng mãnh liệt!"

Nhưng sóng đã lặng. Mặt nước đen tĩnh mịch, im lìm không đáp.

Ở trên cao, tít trên đỉnh vách đá dốc đứng sừng sững nhô lên tòa lâu đài của Nam tước Kato. Chúng tôi đã đứng trên dải bờ biển của hắn. Chúng tôi chưa bao giờ đến gần hắn như thế, và đêm nay sẽ là đêm giao chiến của chúng tôi. Tôi tự hỏi mọi người có biết điều đó không, những người đã chờ đợi hàng nghìn năm nay. Tôi tự hỏi họ có biết đây là đêm giao chiến hay không, và họ có nghĩ về tôi không. Đức Vua cha tôi có nghĩ về tôi không? Tôi hy vọng là có. Tôi biết Người có nghĩ. Tôi biết Người đang ngồi một mình ở nơi xa xôi, nghĩ về tôi, và buồn bã thì thầm một mình, "Mio, con trai ta!"

Tôi ghì chặt thanh gươm, thấy nó như ngọn lửa nung bỏng tay mình. Tôi sẽ phải đánh một trận ác liệt, tôi không muốn đợi thêm một giây phút nào nữa. Tôi muốn gặp Nam tước Kato cho dù thế nào đi chăng nữa. Tôi đã sẵn sàng cho trận chiến, cho dù nó có thể đẩy tôi vào chỗ chết.

"Mio, tớ đói quá," Pompoo nói.

Tôi lấy phần Bánh Hết Đói còn lại ra, chúng tôi ăn bánh bên cạnh vách đá dưới lầu đài của Nam tước Kato. Sau khi đã ăn hết bánh, chúng tôi cảm thấy no nê, khỏe khoắn hơn và gần như vui sướng. Nhưng đó là mẫu bánh cuối cùng, và chúng tôi không biết khi nào mới lại được ăn nữa.

"Bây giờ mình phải leo lên vách đá," tôi bảo Pompoo. "Không có cách khác để lên lầu đài của Nam tước Kato đâu."

"Tớ cũng nghĩ vậy," Pompoo nói.

Thế là chúng tôi bắt đầu leo lên vách đá cao và dốc khủng khiếp.

"Ước gì vách đá đừng dốc đứng như thế," Pompoo nói. "Ước gì đêm đừng tối đen như thế, và mình đừng nhỏ bé và cô đơn thế này."

Chúng tôi cứ leo mãi lên cao, chậm chạp, khó khăn, tay chân bám chắc vào các khe hở và gờ đá nhô ra. Đôi khi tôi quá sợ, nghĩ rằng mình không thể tiếp tục và sẽ rơi xuống, thế là hết. Nhưng đến phút chót, thế nào tôi cũng vớ được chỗ để bám víu, cứ như chính vách đá mọc thêm ra một gờ nhỏ dưới chân tôi lúc tôi sắp rơi xuống. Có lẽ ngay cả vách đá cũng căm ghét Nam tước Kato và vui mừng giúp đỡ bất cứ ai đến tiêu diệt hắn.

Lầu đài của Nam tước Kato nằm cao tít, cao tít phía trên mặt nước, và chúng tôi buộc phải leo lên cao chót vót đến tận bức tường lầu đài trên đỉnh vách đá.

"Chẳng mấy chốc chúng mình sẽ lên đến đỉnh," tôi thì thầm với Pompoo. "Chẳng mấy chốc mình sẽ leo qua tường, rồi..."

Chợt có tiếng nói vẳng xuống! Bọn lính canh đang nói với nhau trong bóng tối, hai tên lính canh đen ngòm đang canh gác bên bức tường.

"Tìm đi! Tìm khắp nơi đi!" một tên nói. "Nam tước Kato có lệnh: kẻ thù phải bị bắt. Kẻ thù cưỡi con ngựa bạch phải bị bắt. Đó là lệnh của Nam tước Kato. Hãy tìm trong các hang núi, tìm trong đám cây rừng, tìm trên mặt nước, tìm trong không trung, tìm gần tìm xa, tìm khắp nơi đi!"

"Tìm gần, tìm gần đi!" một tên khác nói. "Chúng ta tìm gần thôi. Có thể kẻ thù đang ở giữa chúng ta. Có thể nó đang leo lên vách đá tối nay."

Tim khắp nơi đi!"

Tim tôi như ngừng đập khi tôi thấy gã thấp một ngọn đuốc. Gã sẽ thấy tôi nếu ngọn đuốc chiếu sáng bên dưới bức tường. Và nếu gã thấy tôi thì thế là hết. Gã chỉ cần vươn ngọn giáo dài đâm chúng tôi một cái. Sau đó gã sẽ không bao giờ cần tìm kẻ thù cưỡi trên con ngựa bạch nữa. Sẽ chỉ có một tiếng bồm ngán ngủi vang lên khi chúng tôi rơi xuống Hồ Chết và biến mất vĩnh viễn.

"Tìm đi! Tìm khắp nơi đi!" một tên lính canh nói. "Soi ngọn đuốc của mày lên bức tường của lâu đài. Có thể kẻ thù đang leo lên đấy. Tìm khắp nơi đi!"

Tên kia bèn giơ cao ngọn đuốc trong tay rồi nghiêng người qua bờ tường. Ánh sáng rọi trên mặt vách đá, chúng tôi ôm lấy nhau run rẩy như hai con chuột bị mèo vờn đuổi. Ánh đuốc đến gần hơn, bò dọc theo bức tường, càng lúc càng gần.

"Thôi rồi," Pompoo thì thầm, "thôi rồi... Mio ơi, thế là hết!"

Nhưng rồi một điều kỳ diệu xảy ra. Một đàn chim từ bên kia hồ bay tới. Tất cả đàn Chim Bị Bùa Mê đã vỗ cánh bay tới. Một con lao thẳng vào ngọn đuốc làm nó tuột khỏi tay tên lính canh. Chúng tôi thấy một vệt lửa rơi vèo xuống, rồi chúng tôi nghe thấy tiếng xèo xèo của ngọn đuốc chìm xuống tắt ngấm dưới đáy hồ. Nhưng có một vệt lửa khác cũng rơi xuống nước. Con chim cứu chúng tôi đã bốc cháy. Với đôi cánh bốc lửa nó chìm dưới những ngọn sóng trên Hồ Chết.

Chúng tôi rất đau buồn vì cái chết của con chim.

"Cảm ơn con chim bé nhỏ đáng thương," tôi thì thào, mặc dù tôi biết con chim không nghe được và sẽ không bao giờ nghe được gì nữa.

Tôi muốn khóc vì con chim, nhưng lúc này tôi buộc phải nghĩ đến bọn lính canh. Chúng tôi vẫn chưa leo qua tường, còn nhiều hiểm nguy chờ đợi chúng tôi.

Bọn lính canh rất tức giận con chim. Chúng đứng trên bờ tường ngay phía trên chúng tôi. Tôi có thể thấy chiếc mũ đen góm ghiếc của chúng, nghe giọng nói khàn đục của chúng khi bọn chúng bí mật thì thầm với nhau.

"Tìm đi! Tìm khắp nơi đi!" chúng nói. "Có thể kẻ thù ở mãi tít đằng kia; có thể nó đang leo tường thành ở chỗ nào đó. Tìm khắp nơi!"

Chúng đi vài bước, nhìn về hướng khác.

"Nào!" tôi thì thào với Pompoo. "Nào!"

Chúng tôi leo qua bờ tường. Thật nhanh, chúng tôi leo thật nhanh qua tường; thật nhanh, chúng tôi chạy thật nhanh trong bóng tối đến lầu đài của Nam tước Kato. Chúng tôi nép sát vào bức tường đen của tòa lầu đài rồi đứng im, sợ bọn lính canh phát hiện ra.

"Làm sao vào lầu đài của Nam tước Kato được đây?" Pompoo thì thào.

Làm sao để vào được bên trong tòa lầu đài đen ngòm nhất thế gian được?"

Nó vừa nói xong, một cánh cửa trên vách tường mở ra - một cánh cửa đen lặng lẽ mở ra bên cạnh chúng tôi. Không một tiếng động. Sự yên tĩnh mênh mông và khủng khiếp không giống bất cứ sự yên tĩnh nào khác. Giá như lúc mở ra, cánh cửa "kéo kẹt" lên một tiếng! Bản lề cửa chỉ cần hơi cọt két thì cũng không đáng sợ như thế. Nhưng đây là cánh cửa im lặng nhất trong tất cả các cánh cửa.

Pompoo và tôi tay trong tay bước vào lầu đài của Nam tước Kato. Chúng tôi cảm thấy mình bé nhỏ và sợ hãi chưa từng thấy.

Chưa có bóng tối nào đầy sát khí như thế, chưa có cái lạnh nào thấu xương đến thế, chưa có sự im lặng nào ma quái như trong lầu đài của Nam tước Kato.

Cánh cửa mở vào một cầu thang nhỏ tối, quanh co dẫn lên cao. Đó là cái cầu thang cao nhất, tối tăm nhất tôi từng gặp.

"Ước gì bóng tối đừng đáng sợ thế này," Pompoo thì thào. "Ước gì Nam tước Kato đừng quá độc ác, và chúng mình đừng quá nhỏ bé và cô đơn."

Tôi nắm chặt thanh gươm của mình, rồi chúng tôi rón rén bước lên các bậc thang, tôi đi trước, Pompoo theo sau.

Thỉnh thoảng tôi vẫn mơ thấy mình đi qua một ngôi nhà tối tăm - một ngôi nhà không tên, đen tối, đáng sợ. Tôi bị nhốt trong một căn phòng tối, vì thế tôi không thở được, rồi cánh cửa mở ra nuốt chửng tôi vào trong bóng đen sâu thẳm của nó, rồi cầu thang đổ ập làm tôi ngã nhào. Nhưng ngôi nhà trong giấc mơ của tôi vẫn không đáng sợ bằng tòa lâu đài của Nam tước Kato.

Chúng tôi cứ đi, đi mãi lên theo những bậc thang quanh co mà không biết mình sẽ gặp chuyện gì ở nơi cao nhất.

"Mio ơi, tớ sợ lắm," Pompoo thì thào phía sau tôi. Tôi quay lại nắm tay nó, nhưng đúng lúc ấy Pompoo biến mất. Bức tường đã nuốt chửng nó mà tôi không kịp hiểu thế nào. Tôi còn lại một mình trên cầu thang, nghìn lần cô đơn hơn lúc chúng tôi lạc nhau trong ngọn núi của ông Thợ Rèn Gươm, nghìn lần cô đơn hơn những nỗi cô đơn từ trước đến nay. Tôi không dám gọi to, nhưng đôi tay run rẩy của tôi lần mò trên vách tường chỗ Pompoo biến mất. Tôi khóc và thì thào, "Pompoo, cậu đang ở đâu thế? Pompoo, quay lại đi!"

Nhưng bức tường lạnh lẽo và rắn chắc dưới tay tôi. Không có bất kỳ một kẽ hở nào để Pompoo lọt qua. Tất cả lại im lìm như cũ. Pompoo không đáp lại những tiếng thì thào của tôi, nước mắt tuôn chỉ vô ích.

Chắc chắn không ai trên thế gian cô đơn như tôi lúc tôi quay lại và tiếp tục bước lên những bậc thang. Chắc chắn không bước chân ai nặng nề như bước chân tôi. Tôi gần như không còn sức để nhắc đôi chân của mình, mà những bậc thang rất cao và rất nhiều.

Rất nhiều, nhưng rồi một trong số đó sẽ là bậc thang cuối cùng. Tôi không biết đó là bậc cuối cùng. Tôi không biết bậc nào là bậc cuối, tôi không biết, khi tôi bước trên cầu thang trong bóng tối. Tôi bước một bước và chẳng có gì đỡ dưới chân tôi. Tôi hét lên và rơi xuống, cố vớ lấy một cái gì để bám vào. Và quờ quạng bám được vào bậc thang trên cùng. Tôi treo lơ lửng ở đó, gằng sức quờ chân tìm một chỗ đứng. Nhưng chẳng có gì. Tôi lơ lửng trên một hố đen không đáy. Tôi hoảng sợ vô cùng nhưng không có ai trợ giúp. Chỉ chút nữa thôi tôi sẽ rơi xuống, tôi nghĩ, và thế là hết... "Ôi! Có ai giúp tôi với, giúp tôi với!" tôi gào lên.

Có người lên thang. Có phải là Pompoo không nhỉ?

"Pompoo, Pompoo, giúp tớ với!" tôi thì thào.

Tôi không nhìn thấy nó, trời rất tối. Tôi không nhìn thấy khuôn mặt hiền lành và đôi mắt giống như đôi mắt Ben của nó.



"Ừ, ừ. Nắm lấy tay nào, ta sẽ giúp," kẻ mà tôi ngỡ là Pompoo thì thào.
"Nắm lấy tay nào, ta sẽ giúp!"

Tôi chìa tay ra. Nhưng đó không phải là một bàn tay. Đó là Bộ Vuốt Sắt!

Ta chưa từng thấy thanh gươm nào đáng sợ hơn trong lâu đài của ta

ĐẾN MỘT LÚC NÀO ĐÓ, có lẽ tôi sẽ quên được điều này. Đến một lúc nào đó có lẽ tôi sẽ thôi hồi tưởng về Nam tước Kato. Tôi sẽ quên bộ mặt khủng khiếp của hắn, con mắt khủng khiếp của hắn, và Bộ Vuốt Sắt khủng khiếp của hắn. Tôi mong đến ngày đó, ngày mà tôi sẽ không còn nhớ đến hắn nữa. Khi ấy tôi cũng có thể quên đi căn phòng rùng rợn của hắn.

Nam tước Kato có một căn phòng trong tòa lâu đài, không khí đầy vẻ ma quái. Vì đó là nơi hắn ngày đêm ngồi vạch ra những mưu đồ hiểm ác. Ngày đêm, ngày đêm hắn ngồi đó bày mưu tính kế. Không khí đầy ma quái, không ai có thể thở được trong căn phòng của hắn. Tội ác ồ ạt tràn ra ngoài, giết chết mọi thứ tuyệt diệu và sống động ở xung quanh, làm khô héo cả những chiếc lá xanh, cả hoa tươi lẫn cỏ mềm. Nó trải ra thành một bức màn ma quái che phủ mặt trời, vì thế không còn ngày mà chỉ có đêm, hay một thứ gì đó giống như đêm đen. Và chẳng có gì đáng ngạc nhiên khi ô cửa sổ trong tòa lâu đài trên mặt nước Hồ Chết sáng lóe lên như con mắt quỷ. Sự ác hiểm của Nam tước Kato chiếu rọi ra bên ngoài qua cửa sổ như thế đó khi hắn ngồi suy tính những kế hoạch xấu xa ròng rã đêm ngày.

Tôi bị đưa vào chính căn phòng này. Nam tước Kato đã tóm được tôi khi tôi phải dùng cả hai tay để leo lên và không thể sử dụng thanh gươm của mình. Bọn lính canh đen ngòm của hắn lôi tôi vào giữa phòng. Pompoo đã đứng ở đó. Nó tái xanh và yếu ớt, nó thì thào, "Mio ơi, thế là hết."

Nam tước Kato bước vào, chúng tôi run lên trước vẻ hung ác của hắn. Hắn lặng thinh nhìn chúng tôi trừng trừng bằng đôi mắt rắn hung hiểm. Rồi vẻ hung ác của hắn lướt qua chúng tôi như một dòng sông băng giá, vẻ hung ác của hắn lan khắp cơ thể chúng tôi như ngọn lửa bùng bùng cháy, rồi nó lan đến mặt và tay chúng tôi, làm mắt chúng tôi đau buốt, rồi nó tràn xuống phổi khiến chúng tôi nghẹt thở. Tôi cảm

thấy sự hung ác của hắn choán ngập con người tôi khiến tôi mệt mỏi và không còn đủ sức để nâng thanh gươm lên dù có cố gắng đến mấy. Bọn lính canh đưa thanh gươm của tôi cho Nam tước Kato. Hắn liếc thanh gươm và run rẩy thốt lên.

"Ta chưa bao giờ thấy thanh gươm nào đáng sợ hơn trong lâu đài của ta!"

Hắn bước lại gần cửa sổ, và đứng hồi lâu ở đó, tay nâng thanh gươm để ước lượng sức nặng.

"Ta nên làm gì với thanh gươm này?" Nam tước Kato nói. "Người tốt và kẻ vô tội không chết dưới thanh gươm này. Ta nên làm gì với nó?"

Hắn nhìn tôi bằng cặp mắt hung ác và hiểu rằng tôi khao khát giành lại thanh gươm của mình đến chừng nào.

"Ta sẽ nhấn chìm thanh gươm này dưới Hồ Chết," Nam tước Kato nói. "Ta sẽ nhấn chìm nó xuống nơi sâu nhất dưới đáy Hồ Chết, vì ta chưa bao giờ thấy thanh gươm nào đáng sợ hơn trong lâu đài của ta."

Hắn nhắc thanh gươm lên rồi ném vèo nó ra ngoài cửa sổ. Tôi trông thấy thanh gươm xoay tròn trong không khí và đau nhói trong lòng, ông Thọ Rền Gươm đã rèn thanh gươm chém đá này hàng nghìn, hàng nghìn năm. Mọi người đã đợi hàng nghìn, hàng nghìn năm, hy vọng tôi sẽ đánh bại Nam tước Kato. Thế mà bây giờ hắn lại ném thanh gươm của tôi xuống Hồ Chết. Tôi sẽ không bao giờ còn trông thấy nó nữa, và thế là hết.

Nam tước Kato đến trước mặt chúng tôi, vẻ hung ác của hắn gần như làm tôi nghẹt thở vì hắn đứng quá gần.

"Bây giờ ta nên làm gì với kẻ thù của ta?" Nam tước Kato nói. "Ta nên làm gì với kẻ thù từ nơi xa xôi đến để giết ta? Ta có thể biến chúng thành chim rồi cho chúng bay trên Hồ Chết để than khóc hàng nghìn, hàng nghìn năm." Hắn trừng trừng nhìn chúng tôi bằng cặp mắt hung ác trong khi cân nhắc số phận của chúng tôi.

"Ừ, ta có thể biến chúng thành chim," hắn nói. "Hay là ta có thể moi tim chúng ra và cho chúng trái tim bằng đá. Ta có thể biến chúng thành lũ đầy tớ bé mọn trung thành của ta, nếu ta cho chúng trái tim bằng đá."

"Ôi, ta thà làm chim còn hơn," tôi suýt quát lên với hắn. Tôi nghĩ không gì tệ hơn là có một trái tim bằng đá. Nhưng tôi không nói. Tôi biết nếu tôi xin làm chim, Nam tước Kato sẽ cho tôi một trái tim bằng đá.

Nam tước Kato nhìn chúng tôi từ đầu đến chân bằng cặp mắt hung ác của hắn.

"Hay ta có thể quăng chúng vào tháp cho chúng chết đói," hắn nói. "Ta đã có đủ chim rồi, ta đã có đủ tôi tớ rồi. Ta nghĩ ta sẽ ném hai tên tù này vào tháp cho chúng chết đói."

Hắn cứ đi đi lại lại trong phòng, suy nghĩ đăm chiêu, mỗi ý nghĩ lại làm bầu không khí trở nên ngột ngạt ma quái hơn.

"Trong lâu đài của ta các người sẽ chết đói, chỉ trong một đêm," hắn nói. "Trong lâu đài của ta, đêm rất dài, cái đói rất dữ dội, chỉ cần một đêm là các người sẽ chết."

Hắn dừng lại trước mặt tôi, đặt Bộ vuốt sắt lên vai tôi.

"Ta biết là ngươi, Hoàng tử Mio," hắn nói. "Ta biết ngươi đã đến ngay khi ta thấy con ngựa bạch của ngươi. Ta ngồi đây đợi ngươi. Và ngươi đã đến. Ngươi đã tưởng rằng đêm nay sẽ là đêm giao chiến với ta."

Hắn cúi xuống rít lên trong tai tôi, "Ngươi nghĩ đêm nay sẽ giao chiến với ta, nhưng ngươi đã nhầm, Hoàng tử Mio ạ. Đêm nay sẽ là đêm chết đói của ngươi. Khi đêm tàn, trong tháp của ta chỉ còn hai bộ xương trắng nhỏ. Đó là tất cả những gì Hoàng tử Mio và kẻ tùy tùng của hắn để lại."

Hắn nện Bộ vuốt sắt xuống chiếc bàn đá to đặt giữa căn phòng, một hàng lính canh bước vào.

"Ném chúng vào tháp!" hắn vừa nói vừa chỉ Bộ vuốt sắt về phía chúng tôi. "Ném chúng vào ngọn tháp bảy khóa! Sai bảy lính canh gác cửa, bảy mươi bảy lính canh gác các đại sảnh, cầu thang, và hành lang nối ngọn tháp với căn phòng của ta."

Hắn ngồi phịch xuống mặt bàn.

"Ta sẽ yên tâm ngồi đây vạch kế hoạch cho những hành động ma quái của mình mà không bị Hoàng tử Mio phá đám nữa. Khi đêm tàn, ta sẽ đến liếc qua bộ xương trắng nhỏ trong tháp. Vĩnh biệt, Hoàng tử Mio! Chúc ngủ ngon trong Tháp Đôi của ta!"

Bọn lính canh tóm lấy Pompoo và tôi, dẫn chúng tôi qua các đại sảnh tới ngôi tháp, nơi chúng tôi sẽ chết. Khắp nơi, trong tất cả các sảnh đường và hành lang, bọn lính canh gác nghiêm ngặt đường dẫn vào căn phòng của Nam tước Kato. Nam tước Kato, hấn sợ tôi đến thế sao, đến nỗi hấn cần đến chừng ấy lính gác ư? Phải chăng hấn sợ tôi ngay cả khi tôi không có thanh gươm, bị nhốt sau bảy lần khóa, và có bảy tên lính gác ngoài cửa?

Bọn lính canh túm chặt cánh tay chúng tôi khi chúng tôi bước tới nhà tù. Chúng tôi cứ đi, đi mãi trong tòa lâu đài khổng lồ tối tăm. Có lúc chúng tôi đi ngang một ô cửa sổ có chấn song, qua cửa sổ, chúng tôi nhìn thấy mảnh sân ở phía trong tòa lâu đài. Ở giữa sân có một con ngựa bị buộc vào cột. Con ngựa đen với một con ngựa non màu đen bên cạnh. Tôi đau lòng khi thấy con ngựa. Nó khiến tôi nghĩ đến con Miramis mà tôi sẽ không bao giờ gặp lại nữa, tôi tự hỏi bọn chúng đã làm gì với nó. Có lẽ nó đã chết. Nhưng một tên lính canh lôi tay tôi thúc tôi đi tiếp, và tôi không còn thời gian để nghĩ đến con Miramis nữa.

Chúng tôi đến ngọn tháp nơi chúng tôi sẽ sống đêm cuối cùng của mình. Cánh cửa sắt nặng nề mở ra, chúng tôi bị ném vào bên trong. Cánh cửa đóng lại sau lưng một tiếng rầm, rồi chúng tôi nghe tiếng bọn lính canh vặn chìa của bảy ổ khóa. Chúng tôi còn lại cô đơn trong tù, Pompoo và tôi.



Nhà tù của chúng tôi là một căn phòng hình tròn, tường đá dày. Có một lỗ nhỏ gắn song sắt kiên cố, và qua chấn song chúng tôi nghe thấy tiếng lũ Chim Bị Bùa Mê than vãn trên Hồ Chết.

Chúng tôi ngồi trên sàn. Chúng tôi cảm thấy mình nhỏ bé, sợ hãi, và biết rằng chúng tôi sẽ chết trước khi đêm tàn.

"Ước gì cái chết đừng quá đau đớn," Pompoo nói. "Ước gì cái chết đừng quá đau đớn, đừng quá đau đớn, và chúng mình đừng quá nhỏ bé và cô đơn."

Chúng tôi nắm tay nhau. Nắm chặt, chúng tôi nắm chặt tay nhau trong khi ngồi trên sàn đá lạnh lẽo. Cơn đói ập đến, cái đói không như bất kể cái đói nào khác. Nó gặm nhấm chúng tôi, giằng xé chúng tôi, hút hết sinh lực trong máu chúng tôi. Chúng tôi muốn nằm lăn ra sàn, thiếp đi và không bao giờ thức dậy nữa. Nhưng chúng tôi không được ngủ, chúng tôi phải hết sức chống lại giấc ngủ. Chúng tôi cố giữ mình tỉnh táo và bắt đầu nói về Xứ sở Xa Xăm trong khi chờ chết.

Tôi nghĩ về Đức Vua cha tôi, nước mắt tôi rơi xuống, cơn đói đã làm tôi quá yếu, và nước mắt lạnh lẽo chảy xuống má tôi. Pompoo cũng lặng lẽ khóc như tôi.

"Ước gì Xứ Sở Xa Xăm đừng quá xa nơi này," Pompoo thì thào. "Ước gì Đảo Đồng Xanh đừng quá xa, và chúng mình đừng quá nhỏ bé và cô đơn."



"Bạn có nhớ khi chúng mình vừa đi vừa thổi sáo trên những ngọn đồi ở Đảo Đồng Xanh không?" tôi nói. "Bạn có nhớ không, Pompoo?"

"Có, nhưng đã lâu lắm rồi," Pompoo nói.

"Mình cũng có thể thối sáo ở đây nữa," tôi nói. "Mình có thể thối khúc nhạc cổ xưa đó, cho đến khi nào cơn đói quật ngã mình và mình thiếp vào giấc ngủ."

"Ừ, chúng mình lại thối sáo nhé," Pompoo thì thào.

Chúng tôi lấy sáo ra. Đôi tay mệt mỏi của chúng tôi không còn sức để giữ chắc cây sáo nữa, nhưng chúng tôi vẫn cất tiếng. Pompoo vừa thối vừa nức nở, nước mắt lặng lẽ tuôn trên má nó. Có lẽ tôi cũng khóc nhiều như thế, tôi không biết nữa. Khúc nhạc xưa hay tuyệt, nhưng nghe sao mà yếu ớt, như thể nó biết chẳng bao lâu nữa nó cũng sẽ tắt lịm vậy. Mặc dù chúng tôi thối rất khế, đàn Chim Bị Bùa Mê vẫn nghe thấy chúng tôi. Chúng nghe thấy những nốt nhạc yếu ớt và bay đến bên ô cửa sổ nhỏ của chúng tôi. Qua chấn song tôi thấy những con mắt nhỏ của chúng thần thờ, sầu muộn. Nhưng rồi đàn chim biến mất và chúng tôi không còn hơi sức để tiếp tục thối sáo nữa.

"Bọn mình đã thối xong lần cuối rồi," tôi vừa nói vừa nhét cây sáo vào túi.

Có một vật gì đó trong túi, tôi thò tay vào sờ xem là gì. Đó là chiếc thìa nhỏ mà em gái Totty vẫn dùng.

Tôi ước gì đàn Chim Bị Bùa Mê trở lại để tôi cho chúng xem chiếc thìa. Có lẽ em gái của Totty sẽ nhận ra nó. Nhưng đàn Chim Bị Bùa Mê không còn ở bên ô cửa sổ nhỏ của chúng tôi nữa.

Tôi buông chiếc thìa xuống sàn vì tay tôi quá mỏi.

"Xem này, Pompoo," tôi nói. "Bọn mình có một cái thìa."

"Bọn mình có một cái thìa," Pompoo nói, "nhưng mình làm gì với cái thìa này trong khi mình không có thức ăn?"

Pompoo nằm xuống sàn rồi nhắm mắt lại. Nó không còn sức để nói thêm. Tôi cũng vô cùng mệt mỏi. Tôi thèm có cái gì đó để ăn. Bất cứ cái gì, cái gì cũng được, miễn là ăn được. Tôi thèm nhất là Bánh Hết Đói, nhưng tôi biết mình sẽ không bao giờ được ăn nó nữa. Tôi cũng khát và nhớ đến nước trong Giếng Hết Khát. Nhưng tôi biết mình sẽ không bao

giờ được uống nó nữa. Không bao giờ được uống, không bao giờ được ăn nữa. Tôi nghĩ đến món cháo cô Huida cho tôi ăn mỗi buổi sáng mà tôi vẫn cho là rất tệ. Nhưng nếu bây giờ mà có thì tôi sẽ ăn món cháo đó ngay và nghĩ là nó rất ngon, ôi, tôi muốn ăn một cái gì đó... bất cứ cái gì! Dồn chút hơi tàn, tôi cầm chiếc thìa nhét vào miệng và giả vờ là mình đang ăn.

Tôi cảm thấy có điều gì kỳ diệu trong miệng mình. Có thứ gì đó ăn được ở trong chiếc thìa. Thứ gì mùi vị như Bánh Hết Đói, như nước Giếng Hết Khát. Trong thìa có bánh và nước, mùi vị của nó tuyệt vời nhất. Nó mang lại cho tôi sức khỏe, và cơn đói của tôi biến mất. Thật kỳ lạ, chiếc thìa không bao giờ vơi cạn thức ăn. Nó lại đầy ắp lên mỗi lần tôi đưa vào miệng, và tôi ăn đến khi không còn ăn thêm được nữa.

Pompoo nằm trên sàn, mắt nhắm nghiền. Tôi đặt chiếc thìa vào miệng nó, và nó ăn trong giấc ngủ. Nó nằm đó, vừa nhắm mắt vừa ăn. Khi ăn xong, nó nói, "Mio ơi, tớ có một giấc mơ kỳ diệu. Giấc mơ làm cho cái chết dễ dàng hơn. Tớ mơ thấy Bánh Hết Đói."

"Không phải mơ đâu," tôi nói.

Pompoo mở mắt rồi ngồi dậy. Nó biết nó còn sống và đã hết đói. Hai đứa chúng tôi sững sốt, gần như hài lòng với nỗi bất hạnh của mình.

"Nhưng Nam tước Kato sẽ làm gì mình khi thấy mình không bị chết đói nhỉ?" Pompoo nói.

"Cầu mong hắn đừng cho mình trái tim bằng đá," tôi nói. "Tớ sợ có trái tim bằng đá lắm. Tớ nghĩ nó sẽ cào xé trong ngực rất đau."

"Đêm chưa tàn," Pompoo nói. "Phải nhiều giờ nữa Nam tước Kato mới đến đây."

Mình cứ ngồi đây nói về Xứ sở Xa Xăm để giết thời gian vậy. Chúng mình hãy ngồi xích lại gần nhau để sưởi ấm cho nhau đi."

Trong tháp rất lạnh và chúng tôi rét cóng. Tấm áo choàng của tôi tuột xuống. Nó nằm trên sàn, tôi cầm lấy quần quanh người. Chiếc áo choàng đã được Bà Thợ Dệt vá bằng tấm vải thần tiên.

Đúng lúc đó tôi nghe tiếng Pompoo gọi, "Mio! Mio, cậu ở đâu thế?"

"Tớ đây," tôi nói. "Bên cạnh cánh cửa."

Pompoo giờ cao ngọn nến nhỏ mà bọn lính canh đã cho chúng tôi thấp trong đêm cuối cùng của mình. Ngọn nến chiếu sáng khắp căn phòng giam, trông Pompoo có vẻ cực kỳ sợ hãi.

"Tớ không nhìn thấy cậu," Pompoo nói, "tớ biết tớ không bị mù vì tớ vẫn nhìn thấy cánh cửa có cái ổ khóa kiên cố và những thứ khác ở trong này."

Đến lúc đó tôi mới nhận ra mình mặc áo trái. Tấm vải lót thần tiên lung linh mà Bà Thợ Dệt đã cho tôi lộn ngược ra ngoài. Tôi cởi áo choàng ra để mặc lại, và Pompoo kêu to.

"Đừng làm tớ sợ như thế nữa," nó nói. "Cậu vừa trốn ở đâu thế?"

"Bây giờ cậu đã thấy tớ chưa?" tôi hỏi.

"Tất nhiên tớ thấy cậu rồi," Pompoo nói. "Cậu trốn ở đâu thế?"

"Trong tấm áo choàng," tôi nói. "Chắc Bà Thợ Dệt đã biến nó thành Áo Choàng Tàng Hình."

Chúng tôi thử thêm vài lần. Mỗi khi mặc làn vải lót thần tiên ra phía ngoài, chiếc áo choàng của tôi đều trở thành Áo Choàng Tàng Hình.

"Mình hãy hét lên thật to," Pompoo nói. "Có thể bọn lính canh sẽ vào để xem tại sao mình hét. Khi ấy cậu có thể lên qua chúng. Cậu có thể lên ra khỏi lâu đài của Nam tước Kato trong chiếc Áo Choàng Tàng Hình và an toàn trở về Xứ sở Xa Xăm."

"Thế cậu thì sao, Pompoo?" tôi nói.

"Tớ ở lại," Pompoo đáp, giọng nó run run. "Cậu có mỗi một chiếc Áo Choàng Tàng Hình thôi mà."

"Tớ chỉ có một chiếc Áo Choàng Tàng Hình," tôi nói, "tớ cũng chỉ có một đứa bạn. Bọn mình sẽ cùng chết nếu cả hai không được giải thoát."

Pompoo quàng tay ôm lấy tôi mà nói, "Tớ muốn cậu được an toàn ở Xứ Sở Xa Xăm, nhưng tớ cũng mừng vì cậu muốn ở lại với tớ. Tớ không sao nghĩ khác được."

Nó vừa dứt lời, thì xảy ra một điều kỳ lạ. Bầy Chim Bị Bùa Mê đã trở lại. Những đôi cánh đập liên hồi kề bên ô cửa sổ của chúng tôi. Đàn chim đang nặng nhọc mang theo vật gì đó trên mỏ. Cả đàn chim xúm vào cùng nhau khiêng. Một vật rất nặng. Đó là thanh gươm. Thanh gươm chém đá của tôi.

"Ồ, Mio ới," Pompoo nói, "Đàn Chim Bị Bùa Mê đã mang thanh gươm của cậu từ dưới đáy Hồ Chết lên kia."

Tôi lao ra cửa sổ, nôn nóng đưa tay qua chấn song để nắm lấy thanh gươm. Nó rực sáng như lửa. Nước từ thanh gươm nhỏ giọt, những giọt nước lấp lánh như lửa.

"Cảm ơn đàn chim tốt bụng," tôi nói.

Nhưng đàn chim chỉ nhìn tôi dăm dăm bằng cặp mắt thần thờ sầu muộn, chúng vừa kêu khóc vừa bay trở lại Hồ Chết.

"Ồ, may quá vì chúng mình đã nghĩ ra phải thổi sáo," Pompoo nói. "Nếu không đàn chim sẽ không bao giờ tìm được đường tới tháp của mình."

Tôi gần như không nghe thấy nó nói gì. Tôi đứng trong ngục tối, nâng thanh gươm trên tay. Thanh gươm của tôi, Gươm Lửa của tôi! Trong đời, chưa bao giờ tôi thấy mình khỏe như thế. Đầu tôi hân hoan quay cuồng. Tôi nghĩ về Đức Vua cha tôi, và biết rằng Người cũng đang nghĩ về tôi.

"Nào, Pompoo," tôi nói, "thời khắc trận chiến cuối cùng của Nam tước Kato đã điểm rồi đấy."

Pompoo xanh nhợt hẳn đi, mắt nó long lanh kỳ lạ.

"Nhưng làm sao cậu mở được bảy ổ khóa?" nó nói. "Làm sao cậu qua mặt được bảy mươi bảy tên lính canh?"

"Tớ sẽ dùng gươm mở bảy ổ khóa," tôi nói. "Và dùng Áo Choàng Tàng Hình để qua mặt bảy mươi bảy tên lính canh."

Tôi khoác áo choàng lên vai. Tấm vải thần tiên lung linh trong bóng tối, nó lung linh đủ để sáng cả tòa lâu đài của Nam tước Kato. Nhưng

Pompoo kêu lên, "Tớ không nhìn thấy cậu, Mio ạ, mặc dù tớ biết cậu ở đó. Tớ sẽ đợi đến khi cậu trở lại."

"Thế nhờ tớ không bao giờ trở lại..." tôi thốt lên rồi im bật. Làm sao tôi biết được ai sẽ chiến thắng trong trận chiến cuối cùng của Nam tước Kato.

Căn phòng giam giữ chúng tôi chợt lặng đi. Chúng tôi không nói gì suốt một hồi lâu. Rồi Pompoo thốt lên, "Nếu cậu không bao giờ trở lại, Mio, chúng mình vẫn sẽ nghĩ về nhau. Chúng mình sẽ nghĩ về nhau thật lâu cho đến khi không còn nghĩ được nữa."

"Ừ, Pompoo," tôi nói. "Tớ sẽ nghĩ về cậu và Đức Vua cha tớ cho tới giây phút cuối cùng."

Tôi vung gươm lên. Nó chém xuyên cánh cửa sắt như chém bún. Vì đối với một thanh gươm có thể chém đá thì cánh cửa sắt dù thế nào đi nữa cũng chỉ là bún thôi. Im lìm, không phát ra tiếng động nào, như xuyên qua bùn đất, thanh gươm của tôi xẻ toang cánh cửa sắt cứng. Rồi với hai nhát gươm như chớp lùa, tôi chém rơi những ổ khóa khổng lồ.

Tôi mở cửa. Nó kêu cọt két. Bảy tên lính canh đứng gác bên ngoài đồng loạt quay về phía cánh cửa khi nó phát ra những tiếng cọt két. Về phía cánh cửa, về phía tôi. Tôi đứng đó trong tấm vải thần tiên lung linh và nghĩ là ánh sáng quanh áo quá rõ nên rất có thể bọn chúng sẽ thấy tôi.

"Tao nghe tiếng cọt két trong đêm," một tên lính canh nói.

"Ừ, có tiếng cọt két trong đêm," một tên khác nói.

Bọn lính canh nhìn dáo dác tứ phía, nhưng không thấy tôi.

"Có thể ý nghĩ ma quái của Nam tước Kato phát ra tiếng cọt két ấy," một tên lính canh khác nói.

Nhưng tôi đã đi xa. Ghì chặt thanh gươm bên dưới tấm áo choàng, tôi chạy thật nhanh đến căn phòng của Nam tước Kato.

Khắp nơi, trong các đại sảnh, cầu thang, hành lang đều nhưng nhúc bọn lính canh đứng gác. Tòa lâu đài khổng lồ tối âm u, đầy nhóc bọn lính canh đen ngòm. Nhưng chúng không nhìn thấy tôi. Chúng không hề

nghe thấy tôi. Còn tôi cứ chạy mãi về phía căn phòng của Nam tước Kato.

Tôi không còn sợ hãi nữa. Tôi chưa bao giờ can đảm như thế. Tôi không còn là thằng bé Mio dựng lều trong Vườn Hoa Hồng và sống trên Đảo Đồng Xanh nữa. Tôi là chàng hiệp sĩ đang sẵn sàng lâm trận. Và tôi cứ chạy mãi về phía căn phòng của Nam tước Kato.

Tôi chạy như bay. Tấm áo bằng vải thần tiên phấp phới sau lưng. Nó lung linh bay trong bóng tối thâm u. Và tôi cứ chạy mãi về phía căn phòng của Nam tước Kato.

Thanh gươm cháy lên như ngọn lửa trong tay tôi, lấp lánh rực rỡ. Tôi nắm chắc chuôi gươm. Và tôi cứ chạy mãi về phía căn phòng của Nam tước Kato.

Tôi nghĩ đến Đức Vua cha tôi. Tôi biết Người cũng đang nghĩ về tôi. Chẳng bao lâu, chẳng bao lâu nữa, trận chiến sẽ bắt đầu. Nhưng tôi không sợ. Tôi là chàng hiệp sĩ can đảm với thanh gươm trên tay. Và tôi cứ chạy mãi về phía căn phòng của Nam tước Kato.

Đầu óc tôi bùng bùng phấn khích. Tôi đã đứng trước cửa phòng Nam tước Kato đây rồi.



Tôi mở toang cửa. Nam tước Kato đang ngồi bên chiếc bàn đá, quay lưng về phía tôi. Một quầng sáng ma quái bao quanh hắn.

"Hãy quay lại đây, Nam tước Kato," tôi thét lên. "Trận chiến cuối cùng của người đã đến rồi."

Hắn quay lại. Tôi ném tấm áo choàng xuống, và hiện ra trước mặt hắn, thanh gươm nắm chắc trong tay. Khuôn mặt ghê sợ của hắn xám ngoét đi và nhăn nhúm lại. Đôi mắt kinh khủng của hắn lóe lên vẻ căm

hận và đe dọa. Hấn chớp nhanh lấy thanh gươm trên bàn. Thế là trận chiến cuối cùng của Nam tước Kato bắt đầu.

Thanh gươm của hấn thật đáng sợ. Nhưng làm sao sánh được với thanh gươm của tôi. Thanh gươm của tôi lấp lánh, rùng rục lửa, rạch không khí như ánh chớp lòe, chạm nhau chan chát với thanh gươm của Nam tước Kato.

Trận chiến đã được chờ đợi từ hàng nghìn năm trước kéo dài trong một giờ. Thanh Gươm Lửa của tôi bay vút qua không trung, cuối cùng đã đánh bật gươm ra khỏi tay của Nam tước Kato. Hấn đứng sừng sững trước mặt tôi, trong tay không còn vũ khí. Hấn biết trận đấu đã kết thúc.

Hấn xé toạc tấm áo choàng nhưng đen, phơi ra bộ ngực trần. "Người phải đâm thủng tim ta!" hấn rít lên. "Người phải chém thẳng vào trái tim bằng đá của ta! Nó đã hận thù quá lâu và đau khổ quá nhiều rồi."

Tôi nhìn vào mắt hấn và nhận thấy một điều gì kỳ lạ. Nam tước Kato đang khao khát được giải thoát khỏi trái tim bằng đá của mình. Có lẽ không ai ghét Nam tước Kato bằng chính hấn căm ghét hấn.

Tôi không chờ đợi nữa. Tôi vung thanh gươm rực lửa lên, rồi thọc sâu vào trái tim bằng đá khủng khiếp của Nam tước Kato.

Trong chớp mắt Nam tước Kato biến mất. Hoàn toàn mất dạng. Nhưng trên sàn nhà còn lại một tảng đá. Chỉ có một tảng đá và một bộ vuốt sắt.

Trên bệ cửa sổ trong phòng của Nam tước Kato có một con chim xám nhỏ đang vùng vẫy đập cánh vào tấm kính. Nó muốn bay ra. Trước đó tôi không hề nhìn thấy con chim, không biết nó ở đâu ra. Tôi bước tới mở cửa sổ giải thoát cho nó. Nó vừa bay vút lên không trung, vừa cất tiếng hót vui mừng. Nó đã bị giam cầm quá lâu rồi.



Tôi đứng bên cửa sổ dõi theo con chim tung cánh bay đi. Đêm đã qua và ban mai đã hửng.

Mio, Con trai ta

PHẢI, BAN MAI đã hứng lên rồi. Trời đẹp tuyệt, vàng dương rạng rỡ, một làn gió mùa hè ùa vào khung cửa mở rộng làm rối tung mái tóc tôi. Tôi nhào người nhìn xuống mặt hồ. Hồ nước xanh vui tươi, phản chiếu ánh nắng lấp lánh. Bầy Chim Bì Bù Mê đã biến mất.

Chao ôi, quả là một ngày tươi đẹp! Một ngày như thế này sẽ chỉ khiến bạn ao ước được vui chơi mà thôi. Tôi nhìn mặt nước gợn sóng lăn tăn trong gió sớm. Chợt tôi hết sức thèm được ném một thứ gì đó xuống hồ, thường cứ hể nhìn thấy nước là người ta vẫn hay muốn được làm như thế đấy, và tưởng tượng nếu ném từ trên cao xuống thì nước sẽ bắn lên tung tóe thế nào. Nhưng trong tay tôi không có gì khác ngoài thanh gươm, thế là tôi thả luôn nó xuống hồ. Tôi thích thú nhìn nó bay trong không trung, rồi rơi tùm xuống, bọt sóng bắn lên tung tóe. Ở chỗ thanh gươm chìm ngấm xuất hiện một vòng tròn rộng, mỗi lúc một lan xa hơn, và tỏa đi khắp mặt hồ.

Một cảnh hết sức tuyệt! Nhưng tôi không có thời gian ở lại xem những gợn nước lặng đi. Tôi phải lập tức trở lại với Pompoo. Tôi biết nó đang nóng lòng đợi tôi.

Tôi chạy ngược trở lại trên chính con đường tôi đã chạy cách đây một giờ. Các đại sảnh và hành lang dài vắng ngắt, im lìm. Không còn một tên lính canh hắc ám nào. Mặt trời soi vào tận những đại sảnh hoang vắng. Nó chiếu qua khung cửa sổ chấn song lên những tấm mạng nhện giăng đầy dưới vòm cửa, và bạn có thể thấy tòa lâu đài cũ kỹ tồi tàn đến nhường nào.

Khắp nơi vắng ngắt và im lìm, khiến tôi chợt phát hoảng: nhớ đâu Pompoo cũng có thể biến mất thì sao. Thế là tôi co cẳng chạy thực mạng mỗi lúc một nhanh. Nhưng khi đến gần ngọn tháp, tôi nghe tiếng Pompoo đang thổi sáo réo rắt, thế là tôi bật cười thật to.

Tôi mở cửa nhà tù, Pompoo đang ngồi trên sàn.

Trông thấy tôi, mắt nó ánh lên lấp lánh, rồi nó chạy ào lại nói, "Tớ cứ phải thối sáo liên tục đấy. Tớ lo kinh khủng."

"Bây giờ cậu không còn phải lo gì nữa," tôi nói.

Chúng tôi rất vui, Pompoo và tôi. Chúng tôi cứ nhìn nhau mà cất tiếng cười vang!

"Bây giờ chúng mình ra khỏi nơi này thôi," tôi nói. "Mình sẽ đi ngay và không bao giờ quay trở lại nữa."

Chúng tôi nắm tay nhau cùng chạy ào ra sân lâu đài của Nam tước Kato. Và kia, có ai đang phi nước đại về phía tôi, còn ai ngoài Miramis nữa chứ! Con Miramis bồm vàng của tôi! Bên cạnh nó là một con ngựa non trắng muốt đang nhảy nhót tung tăng!

Con Miramis phi thẳng về phía tôi, tôi vòng tay quanh cổ nó, tôi ôm cái đầu xinh đẹp của nó ghé sát vào mái đầu tôi một lúc thật lâu và tôi thì thầm vào tai nó, "Miramis, Miramis của ta!"

Con Miramis nhìn tôi với cặp mắt trung thành, tôi biết nó rất nhớ tôi, nhớ nhiều y như tôi đã nhớ nó vậy.

Giữa sân lâu đài vẫn còn chôn cây cột với sợi dây xích nằm vương vãi bên cạnh. Tôi chợt hiểu rằng con Miramis cũng đã bị bùa mê. Nó chính là con ngựa đen bị xích trong sân suốt đêm. Còn con ngựa non không không phải con ngựa nào khác mà là con ngựa bị Nam tước Kato bắt trộm trong Rừng sáng Trăng. Vì con ngựa non này mà một trăm con ngựa bạch đã khóc ra những giọt lệ máu. Bây giờ chúng sẽ không phải khóc nữa, vì con ngựa non của chúng đã sắp trở về rồi.

"Nhưng còn tất cả những người bị Nam tước Kato bắt thì sao?" Pompoo thốt lên. "Đàn Chim Bị Bùa Mê biến đâu rồi?"

"Mình cưỡi ngựa xuống hồ tìm chúng nhé," tôi nói.

Chúng tôi nhảy lên lưng Miramis, còn con ngựa non vội vàng theo sau. Chúng tôi phóng qua cổng lâu đài.

Đúng lúc đó chúng tôi nghe một âm thanh kỳ quái, đáng sợ. Phía sau lưng chúng tôi có thứ gì sụp đổ, làm rung chuyển cả mặt đất. Đó là tòa lâu đài của Nam tước Kato đổ ụp xuống thành một đồng đá khổng lồ.

Không còn ngọn tháp, không còn những đại sảnh hoang vắng, không còn cầu thang quanh co tối tăm, không còn cửa sổ lấp chấn song, không còn gì cả. Chỉ còn lại một đồng đá khổng lồ.

"Lâu đài của Nam tước Kato đã biến mất vĩnh viễn rồi," Pompoo kêu lên.

"Chỉ còn lại toàn đá thôi," tôi nói.

Một con đường quanh co, dốc đứng đổ từ vách đá xuống tới bờ hồ. Con đường rất hẹp và nguy hiểm. Nhưng con Miramis bước đi thận trọng, đặt móng đúng trên mặt đường, con ngựa non cũng thế. Và chúng tôi đã xuống đến bờ hồ an toàn.

Dưới chân vách đá, một đàn trẻ nhỏ đang tụ tập quanh một phiến đá. Có lẽ chúng đang đợi chúng tôi, vì chúng tiến tới chúng tôi với khuôn mặt rạng rỡ.

"Ôi! Các em trai của Nonno kia," Pompoo nói. "Em gái của Totty và tất cả mọi người kia. Họ không còn là Đàn Chim Bị Bùa Mê nữa."

Chúng tôi nhảy khỏi lưng con Miramis. Cả lũ trẻ tiến tới gần chúng tôi, có vẻ hơi ngượng nghịu nhưng rất thân thiện và vui sướng. Một bé trai, em của Nonno cầm tay tôi rồi nói khẽ, như thể nó không muốn ai nghe, "Em rất vui khi thấy anh mặc chiếc áo choàng của em, em rất vui sướng vì chúng em không còn bị bùa mê nữa."

Một bé gái, em của Totty cũng đi về phía chúng tôi. Nó không nhìn tôi mà nhìn ra hồ, vì nó xấu hổ, nó nói bằng một giọng thỏ thẻ, "Em rất vui vì anh có chiếc thìa của em, em rất vui sướng vì chúng em không còn bị bùa mê nữa."

Rồi một em trai khác của Nonno đặt bàn tay của nó lên vai tôi rồi nói, "Em rất vui vì chúng em đã nâng được thanh gươm của anh từ đáy nước sâu lên, em rất vui sướng vì chúng em không còn bị bùa mê nữa." "Thanh gươm lại nằm dưới đáy hồ rồi," tôi nói. "Thế cũng tốt, vì anh không bao giờ cần đến thanh gươm nào nữa."

"Chúng em sẽ không bao giờ nâng nó lên được nữa," em trai Nonno nói, "vì chúng em không còn là Chim Bị Bùa Mê nữa."

Tôi nhìn khắp đám trẻ, "Ai trong các em là con gái của Bà Thợ Dệt?" tôi hỏi.

Tất cả lặng im. Không ai nói một lời.

"Ai là con gái của Bà Thợ Dệt?" tôi lại hỏi, vì tôi muốn nói cho nó biết rằng chiếc áo choàng của tôi được lót bằng tấm vải thần tiên do mẹ nó dệt.

"Milimani là con gái của Bà Thợ Dệt," em trai của Nonno nói.

"Nó đâu rồi?" tôi nói.

"Milimani nằm ở kia," em trai của Nonno nói. Lũ trẻ đứng dạt ra. Bên mép nước, một bé gái nằm trên một phiến đá. Tôi chạy đến, quỳ xuống bên cạnh nó. Nó nằm im, mắt nhắm nghiền. Nó đã chết. Khuôn mặt nó xanh xao và nhỏ bé, cơ thể nó bị cháy sém.

"Nó bay vào ngọn đuốc," em trai của Nonno nói.

Tôi thấy đau nhói. Milimani đã chết vì tôi. Tôi rất buồn, niềm vui chẳng thể khóa lấp được, vì Milimani đã chết để cứu tôi.

"Đừng buồn," em trai Nonno nói. "Milimani muốn làm thế. Nó muốn bay vào ngọn đuốc, mặc dù nó biết cánh của nó sẽ cháy."

"Nhưng bây giờ nó đã chết," tôi tuyệt vọng nói.

Em trai của Nonno cầm lấy bàn tay cháy sém, nhỏ bé của Milimani. "Bọn anh sẽ để em lại đây, Milimani," nó nói. "Nhưng trước khi đi, bọn anh sẽ hát cho em nghe."

Cả đám trẻ ngồi xuống bãi đá vây quanh Milimani rồi hát cho nó nghe bài hát chúng sáng tác.

Milimani, em gái nhỏ của chúng ta ơi.

Em gái nhỏ đã rơi vào ngọn sóng, vào ngọn sóng đôi cánh cháy rơi.

*Milimani, Milimani ơi ngủ cho yên không bao giờ thức giấc, không
bao giờ bay nữa*

Milimani ơi với tiếng u sầu trên dòng nước đục.

"Mặt nước không còn đục nữa," Pompoo nói. "Chỉ còn những con sóng nhỏ dịu dàng hát ru Milimani để em nằm ngủ trên bờ hồ."

"Giá như chúng ta có cái gì liệm nó," em gái Totty nói. "Cái gì đó mềm mại để nó không phải nằm trên nền đá cứng."

"Liệm Milimani trong chiếc áo choàng của anh," tôi nói. "Chúng ta sẽ liệm nó trong tấm vải mẹ em đã dệt."

Tôi quấn Milimani trong chiếc áo choàng lót bằng tấm vải thần tiên. Tấm vải mềm hơn hoa tảo, dịu dàng hơn gió đêm trên cỏ, ấm áp hơn nhịp tim, tấm vải mà chính mẹ của Milimani đã dệt nên. Tôi quấn chiếc áo choàng quanh người Milimani thật cẩn thận rồi đặt nó nằm êm trên phiến đá.

Rồi một điều kỳ diệu xảy ra. Milimani mở mắt nhìn tôi. Thoạt tiên nó chỉ nằm yên nhìn tôi. Rồi nó ngồi dậy, ngạc nhiên nhìn chăm chăm vào lũ trẻ. Sau khi nhìn quanh một hồi, nó càng ngạc nhiên hơn.

"Nước hồ mới xanh làm sao," nó nói.

Nó chỉ nói thế thôi. Rồi nó gỡ chiếc áo choàng đứng dậy; nó không còn vết bỏng nào nữa, chúng tôi vui mừng khôn xiết vì nó đã sống lại.

Xa xa trên mặt nước, một con thuyền lướt về phía chúng tôi. Có người đang chèo, mái chèo sải từng nhịp lớn. Khi chiếc thuyền đến gần, tôi thấy ông Thợ Rèn Gươm đang chèo và ông lão Eno đi cùng ông.

Chỉ một lát sau, con thuyền của họ đã chạm mũi vào bờ đá và họ nhảy lên.

"Nào, ta đã nói gì với các cháu nhỉ?" ông Thợ Rèn Gươm nói lớn bằng giọng ồm ồm. "Ta đã nói gì nào? 'Trận chiến cuối cùng của Nam tước Kato sắp đến.' Ta đã nói như thế đấy."

Ông lão Eno hào hứng đến gần tôi. "Hoàng tử Mio, ta muốn cho cháu xem cái này," ông nói.

Ông xòe bàn tay nhăn nheo ra cho tôi xem vật ở bên trong. Một chiếc lá xanh nhỏ. Một chiếc lá nhỏ thật xinh xắn, mềm mại và xanh mướt, với những gân lá mỏng mảnh.

"Nó mọc trong Rừng Chết," ông lão Eno nói. "ông tìm thấy nó trên cây trong Rừng Chết, vừa mới tìm thấy thôi."

Ông gật đầu hài lòng, mái tóc bạc của ông đập dềnh.

"Ông sẽ ra Rừng Chết mỗi sáng để tìm thêm lá xanh," ông nói. "Cháu có thể giữ chiếc lá này, Hoàng tử Mio."

Ông đặt chiếc lá vào tay tôi, và hẳn nhiên ông đang nghĩ rằng ông đã đem tặng đi món quà đẹp nhất.

Rồi ông lại gật đầu nói, "Lúc nào ta cũng cầu mong cháu được bình yên, Hoàng tử Mio. Ta đã ngồi trong ngôi nhà nhỏ của mình để cầu mong cho cháu được bình yên."

"Ta đã nói gì nào?" ông Thợ Rèn Gươm nói. "Ta nói, 'Trận chiến cuối cùng của Nam tước Kato sắp đến.' "

"Làm thế nào ông lấy lại được con thuyền của ông?" tôi hỏi ông Thợ Rèn Gươm.

"Sóng đã đưa nó qua hồ," ông Thợ Rèn Gươm nói.

Tôi nhìn lướt qua hồ về phía ngọn núi của ông Thợ Rèn Gươm và ngôi nhà của ông lão Eno. Trên mặt nước xuất hiện nhiều con thuyền chở đầy người mà trước đó tôi chưa từng gặp. Những người nhỏ bé, xanh xao này cứ chăm chú nhìn mặt trời và hồ nước xanh một cách kinh ngạc. Tôi nghĩ, trước kia họ chưa từng được thấy mặt trời chiếu sáng rực rỡ trên hồ và trên các tảng đá. Cảnh vật thật đáng yêu. Chỉ có đồng đá to trên đỉnh vực là không đẹp. Nhưng tôi nghĩ sẽ có ngày rêu mọc trên đồng đá. Rêu xanh mềm mại sẽ che phủ đá, và sẽ chẳng ai biết dưới đó là tòa lâu đài của Nam tước Kato nữa.

Tôi từng trông thấy những bông hồng nom như những quả chuông nhỏ xíu nở rộ trong các khe đá. Có lẽ một ngày nào đó những đóa hồng xinh xắn nhường kia cũng sẽ nở kín lớp rêu phong trên tòa lâu đài đổ nát tan hoang của Nam tước Kato. Tôi nghĩ như thế sẽ đẹp lắm.

Đường về nhà còn xa, nhưng trở về bao giờ cũng dễ dàng hơn. Bọn trẻ con cười trên lưng con Miramis, còn những đứa bé nhất cười trên

lưng con ngựa non. Chúng thấy như thế thật vui thú. Những người còn lại thì cuốc bộ cho đến khi về tới Rừng Chết.



Đêm đã buông, và Rừng Chết đã biến thành Rừng Sáng Trăng. Khắp nơi tĩnh mịch, yên ả. Nhưng đột nhiên con Miramis cuồng nhiệt hí vang, và sâu trong Rừng Sáng Trăng một trăm con ngựa bạch cũng hí lên cuồng nhiệt và vang dội. Chúng phi nước đại về phía chúng tôi, vó ngựa rầm rập vang rền như sấm trên mặt đất.

Con ngựa non cũng bắt đầu hí. Nó cuồng nhiệt, cổ hí vang như những con ngựa lớn, nhưng chỉ phát ra tiếng hí nhỏ yếu ớt vui mừng mà bạn khó có thể nghe thấy. Nhưng một trăm con ngựa bạch hiển nhiên đã nghe thấy tiếng nó. Chao ôi, chúng mới sung sướng làm sao khi con ngựa non nhỏ bé đã trở về! Chúng vây quanh nó, cả bầy đều cố đến gần nó, chạm vào nó để chắc chắn rằng nó đã về thật.

Bây giờ chúng tôi có một trăm con ngựa và không ai phải đi bộ nữa. Tất cả lũ trẻ con đều được cưỡi ngựa. Tôi cưỡi trên lưng con Miramis, Pompoo ngồi sau tôi như trước, vì nó không muốn cưỡi con ngựa nào khác ngoài con Miramis trên thế gian này. Bé gái nhỏ nhất cưỡi con ngựa non.

Chúng tôi cưỡi ngựa qua khu rừng, một trăm con ngựa bạch đi dưới ánh trăng nom mới tuyệt làm sao!

Chẳng bao lâu tôi thấy màu sáng trắng lấp ló giữa các hàng cây. Đó là những cây táo nở hoa xung quanh ngôi nhà xinh xắn của Bà Thợ Dệt. Những tán hoa trắng muốt phủ kín hàng cây vây quanh ngôi nhà nhỏ đã

hiện ra trước mắt chúng tôi hết như trong truyện cổ tích. Có tiếng lách cách khung dệt vắng ra, Milimani nói, "Mẹ em đang ngồi dệt vải đấy."

Nó nhảy phắt khỏi lưng ngựa ngay bên cánh cổng, vẫy chúng tôi rồi nói, "Em rất sung sướng vì đã về nhà. Em sung sướng vì đã được về nhà trước khi cây táo nở hết hoa."

Nó chạy theo con đường nhỏ giữa hàng cây và biến mất trong ngôi nhà. Tiếng lách cách bên trong lập tức im bật.

Nhưng đường về Đảo Đồng Xanh hãy còn xa, mà tôi thì mong được về với Đức Vua cha tôi quá. Một trăm con ngựa bạch, dẫn đầu là con Miramis, bay cao tít bên trên Rừng Sáng Trắng, trên những rặng núi chót vót nhất, bơi qua không trung trên con đường về Đảo Đồng Xanh.

Trời vừa sáng khi chúng tôi về đến cầu Ánh Ban Mai. Các anh lính gác mới hạ cầu xuống, cây cầu sáng rực những tia nắng vàng, một trăm con ngựa bạch vươn cổ, bồm tung bay phất phới, phi nước đại qua cầu. Các anh lính gác nhìn chúng tôi chăm chú, sửng sốt. Rồi đột nhiên một người rút tù và ra, thổi vang khắp Đảo Đồng Xanh. Từ những ngôi nhà nhỏ và những túp lều chạy ủa ra những con người đã phải khóc than vì sầu muộn về những đứa con bị bắt mang đi. Họ đã trông thấy chúng tôi cưỡi trên lưng những con ngựa bạch, không thiếu một ai. Tất cả đã trở về.

Đàn ngựa bạch phi vun vút qua cánh đồng và chẳng bao lâu chúng tôi đến vườn của Đức Vua cha tôi. Bọn trẻ nhảy xuống, cha mẹ chúng chạy đến, họ mừng rỡ rít chẳng khác nào một trăm con ngựa bạch khi thấy con ngựa non trở về. Trong số họ có cả Nonno và bà nó, cả Totty cùng các em trai và em gái của nó, cả cha mẹ Pompoo và nhiều người khác nữa mà trước đây tôi chưa từng gặp. Họ khóc rồi cười với nhau, và ôm hôn bọn trẻ đã về.

Nhưng Đức Vua cha tôi không có mặt.

Chúng tôi không cần một trăm con ngựa bạch nữa, vì thế chúng lại quay về Rừng Sáng Trắng. Tôi nhìn chúng phi nước vun vút qua cánh đồng. Con ngựa non lông trắng dẫn đầu.

Pompoo đang kể cho cha mẹ nó nghe tất cả những chuyện chúng tôi đã trải qua, nó không nhìn thấy tôi mở cánh cổng nhỏ vào Vườn Hoa

Hồng. Không ai thấy tôi biến mất vào Vườn Hoa Hồng, thế cũng tốt. Tôi muốn đi một mình. Tôi đi dưới hàng bạch dương đang xào xạc du dương như chúng vẫn thường làm vậy, qua những khóm hồng vẫn nở hoa như trước, cảnh vật đều như cũ.

Rồi bất chợt tôi thấy Người. Tôi đã trông thấy Đức Vua cha tôi. Người đang đứng ở chính nơi tôi đã từ biệt để cưỡi ngựa đến Rừng Sáng Trăng và Đất Ngoài. Người đứng đó giang rộng vòng tay đón tôi ào vào lòng. Tôi quàng tay ôm cổ Người, và Người ôm ghì sát tôi vào lòng mà thì thầm, "Mio, con trai ta!"

Vì Đức Vua cha tôi yêu tôi, và tôi cũng yêu Đức Vua cha tôi.

Tôi vui đùa suốt ngày, chúng tôi chơi trong Vườn Hoa Hồng, Pompoo, Nonno và các em trai của nó, Totty cùng các em trai và em gái của nó, và tất cả bọn trẻ con. Chúng muốn xem căn lều mà tôi và Pompoo đã cùng nhau dựng lên. Và tất cả chúng đều nghĩ rằng đấy là căn lều hết sức tuyệt. Chúng tôi cũng cưỡi con Miramis, nhảy qua những khóm hoa hồng. Rồi chúng tôi bày trò chơi đùa với chiếc áo choàng của tôi. Em của Nonno nhất định không muốn lấy lại chiếc áo.

"Dù sao thì lần vải lót áo cũng là của anh mà, Mio," nó nói.

Chúng tôi chơi trò trốn tìm với chiếc áo choàng. Tôi lộn trái nó ra để mặc, và vừa chạy nhón nhơ giữa những khóm hồng, hết như một người vô hình, vừa kêu lên, "Không ai bắt được anh đâu! Không ai bắt được anh đâu!"

Vá dĩ nhiên bọn trẻ con không thể nào bắt được tôi, dù có cố gắng đến mấy đi nữa.

Khi Trời bắt đầu tối, tất cả bọn trẻ con phải về nhà. Cha mẹ chúng không muốn chúng ở ngoài lâu, vì đó là đêm đầu tiên chúng về nhà.

Pompoo và tôi ngồi lại với nhau, trong căn lều của chúng tôi. Chúng tôi thối sáo khi buổi chiều hôm phủ xuống Vườn Hoa Hồng.

"Bọn mình phải giữ sáo cẩn thận," Pompoo nói. "Nếu bao giờ lạc nhau, mình sẽ thổi khúc nhạc cổ xưa nhé."

Đúng lúc ấy Đức Vua cha tôi đến tìm tôi. Tôi chúc Pompoo ngủ ngon và nó chạy về nhà. Tôi cũng chúc cả con Miramis đang gặm cỏ bên cạnh lều ngủ ngon. Rồi tôi nắm tay Đức Vua cha tôi, và chúng tôi thông thả băng qua Vườn Hoa Hồng về nhà.

"Mio, con trai ta, cha tin là con đã cao lớn hơn trong lúc đi xa," Đức Vua cha tôi nói. "Cha nghĩ tối nay mình nên vạch thêm một dấu mới trên cánh cửa bếp."

Chúng tôi đi dưới hàng cây bạch dương, bóng chiều chạng vạng như màn sương lam dịu dịu lan tỏa khắp vườn Hoa Hồng. Những con chim trắng đã bay về tổ. Nhưng trên ngọn một cây bạch dương cao nhất con Chim Sâu vẫn đậu và cất tiếng hót một mình. Tôi không biết giờ đây nó đang hót về điều gì, khi những đứa trẻ bị mất tích đã trở về nhà. Nhưng tôi nghĩ Chim Sâu vẫn luôn luôn có điều gì đó để cất tiếng hót.

Xa xa trên đồng cỏ, những người chăn cừu đã bắt đầu nhóm lên những đống lửa. Từng đốm, từng đốm lửa lần lượt xuất hiện, chiếu sáng lung linh trong buổi chiều hôm. Và tôi đã nghe tiếng những người chăn cừu véo von thổi khúc nhạc cổ xưa của mình.

Chúng tôi bước đi, tay trong tay, Đức Vua cha tôi và tôi. Đức Vua cha tôi từ trên cao cúi nhìn tôi rồi mỉm cười, còn tôi từ bên dưới ngược lên nhìn Người, lòng ngập tràn hạnh phúc.

"Mio, con trai ta," Đức Vua cha tôi nói. "Mio, con trai ta," Người cứ nhắc đi nhắc lại trong khi chúng tôi cùng nhau về nhà dưới bóng chiều.

Trời tối sập lúc nào chẳng hay, rồi đêm đến.

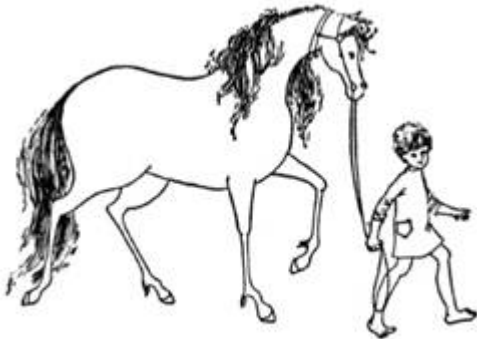
Tôi đã sống ở Xứ Sở Xa Xăm được một thời gian khá dài. Ít khi tôi nghĩ về hồi còn sống ở Phố Bắc. Tôi chỉ hay nhớ đến Ben nhiều hơn cả, vì nó rất giống Pompoo. Tôi hy vọng Ben cũng không buồn nhớ tôi nhiều lắm. Vì không ai biết rõ hơn tôi là nỗi buồn nặng trĩu đến thế nào. Nhưng Ben có cha mẹ, và dĩ nhiên nó đã có bạn thân mới rồi.

Thỉnh thoảng tôi cũng nghĩ đến cô Hulda và chú Olaf, tôi không còn giận cô chú ấy nữa. Tôi chỉ băn khoăn không hiểu cô chú ấy nghĩ gì khi tôi mất tích. Cô chú ấy chẳng mấy khi quan tâm đến tôi, và có thể cũng chẳng nhận ra là tôi đã biến mất. Có lẽ cô Hulda tin rằng chỉ cần ra Công viên Tegnérlunden để tìm, rồi cô sẽ tìm thấy tôi ngồi trên một cái ghế đá

nào đó. Chắc cô ấy nghĩ là tôi vẫn còn đang ngồi đó, dưới ngọn đèn, gặm quả táo và nghịch vớ vẩn một cái chai bia rỗng, hoặc một thứ rác rưởi gì đó. Có lẽ cô tin rằng tôi vẫn đang ngồi ở đó, nhìn đăm đăm vào những ngôi nhà có ô cửa sổ sáng đèn và bọn trẻ con đang ăn tối trong nhà cùng cha mẹ của chúng... Và khi đó chắc cô Hulda không thể nào nguôi giận vì tôi vẫn còn chưa mang bánh về nhà.

Nhưng cô Hulda đã lầm. Đúng vậy, cô đã lầm! Thằng bé Andy không còn ngồi trên cái ghế đá trong Công viên Tegnérslunden nữa. Giờ này nó đang ở Xứ sở Xa Xăm. Nó đang ở Xứ sở Xa Xăm, thật đấy. Nó đang ở nơi có những cây bạch dương xào xạc... nơi có những đồng lúa rực rỡ chiếu sáng và sương ẩm đêm đêm... nơi có Bánh Hết Đói ngon tuyệt... và có Vua Cha mà nó yêu thương vô cùng, và Người cũng vô cùng yêu nó.

Đúng thế. Karl Anders Nilsson bây giờ đang ở Xứ sở Xa Xăm, và mọi chuyện đều tuyệt vời, cực kỳ tuyệt vời cùng với Đức Vua cha nó.



HẾT